

HỆ THỐNG CÂU HỎI VÀ CÂU TRẢ LỜI SGK NGỮ VĂN HKI CTST

Tri thức ngữ văn trang 11

1. Thơ sáu chữ, bảy chữ

- Thơ sáu chữ là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ. Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ. Mỗi bài gồm nhiều khổ, mỗi khổ thường có bốn dòng thơ và có cách gieo vần, ngắt nhịp đa dạng.

2. Vần

- Bên cạnh cách phân loại vần chân, vần lưng, vần trong thơ còn được phân loại thành vần liền và vần cách (thuộc vần chân). Vần liền là trường hợp tiếng cuối của hai dòng thơ liên tiếp vần với nhau. Vần cách là trường hợp tiếng cuối ở hai dòng thơ cách nhau vần với nhau.

3. Bố cục của bài thơ

- Bố cục của bài thơ là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. Việc xác định bố cục giúp người đọc có cái nhìn tổng quát, biết rõ bài thơ có mấy phần, vị trí và ranh giới từng phần trong bài thơ, từ đó có thể xác định được mạch cảm xúc của bài thơ.

4. Mạch cảm xúc của bài thơ

- Mạch cảm xúc của bài thơ là sự tiếp nối, sự vận động của cảm xúc trong bài thơ.

5. Cảm hứng chủ đạo

- Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, thường gắn với tư tưởng và đánh giá nhất định được thể hiện xuyên suốt tác phẩm, tác động đến cảm xúc của người đọc.

6. Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học

- Tác phẩm văn học là sản phẩm của trí tưởng tượng, sáng tạo, được thể hiện bằng ngôn từ. Vì thế, khi đọc văn bản, người đọc cần huy động nhận thức, trải nghiệm, sử dụng kết hợp các giác quan để tái hiện trong tâm trí mình hình ảnh con người hay bức tranh đời sống mà nhà văn, nhà thơ đã khắc họa trong văn bản. Nhờ khả năng tưởng tượng, người đọc có thể trải nghiệm cuộc sống được miêu tả, hóa thân vào các nhân vật, từ đó cảm nhận và hiểu văn bản đầy đủ, sâu sắc hơn.

7. Từ tượng hình và từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng:

- Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật, chẳng hạn: gập ghềnh, khăng khiu, lom khom...

- Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế, chẳng hạn: khúc khích, róc rách, tích tắc...

- Từ tượng hình và từ tượng thanh mang giá trị biểu cảm cao; có tác dụng gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, âm thanh một cách sinh động và cụ thể; thường được sử dụng trong các sáng tác văn chương và lời ăn tiếng nói hằng ngày.

Trong lời mẹ hát trang 13, 14, 15

*** Chuẩn bị đọc**

Câu hỏi (trang 13 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):

Chia sẻ với các bạn một bài thơ hoặc câu ca dao mà em yêu thích về người mẹ.

Trả lời:

- Câu ca dao mà em yêu thích về người mẹ là:

+

Đố ai đếm được lá rừng

Đố ai đếm được mấy tầng trời cao

Đố ai đếm được vì sao

Đố ai đếm được công lao mẹ già.

+

Ai rằng công mẹ như non

Thật ra công mẹ lại còn lớn hơn

*** Trải nghiệm cùng văn bản**

1. Liên hệ: *Khổ thơ này gợi cho em nhớ đến những câu hát ru nào?*

Khổ thơ này gợi cho em nhớ đến những câu hát ru sau:

- Chú Cuội ngồi gốc cây đa,

Để trâu ăn lúa gọi cha ời ời

Cha còn cắt cỏ trên trời

Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên

- Cái cò cái vạc cái nông

Sao mà dẫm lúa nhà ông hời cò

không không, tôi đứng trên bờ

Mẹ con cái diệc đổ thừa cho tôi

à ơi...

2. Suy luận: *Điều mà con “nghe” được trong lời mẹ hát ở khổ thơ này có gì khác biệt so với bảy khổ thơ trước đó?*

- Bảy khổ trước nói về công lao to lớn và sự hi sinh thầm lặng của người mẹ dành cho con còn khổ thơ cuối thể hiện sự biết ơn và tình thương của người con dành cho mẹ.

*** Suy ngẫm và phản hồi**

Nội dung chính: Bài thơ bộc lộ niềm xót xa và lòng biết ơn của người con trước những hi sinh thầm lặng của người mẹ.

Câu 1 (trang 14 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định thể thơ của bài “Trong lời mẹ hát”.

Trả lời:

- Bài thơ được viết theo thể thơ: 6 chữ.

Câu 2 (trang 14 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Văn trong bài thơ là văn cách hay văn liền? Dựa vào đâu để xác định như vậy?

Trả lời:

Văn trong bài thơ là văn cách vì tiếng cuối ở hai dòng thơ cách nhau vần với nhau. Ví dụ: ngào – dao, xanh – chanh,...

Câu 3 (trang 14 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Vẽ sơ đồ bố cục của bài thơ. Nét độc đáo của cách bố cục ấy là gì?

Trả lời:

- Sơ đồ bố cục của bài thơ:

- Nét độc đáo của cách bố cục bài thơ là:

+ 3 khổ đầu: Cuộc đời được thu nhỏ trong tầm mắt của con khi nghe lời mẹ hát.

+ 4 khổ tiếp: Niềm xót xa của con trước công lao to lớn và sự hi sinh thầm lặng của mẹ.

+ Khổ cuối: Niềm tin về tương lai của người con

Câu 4 (trang 14 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Chỉ ra nét đặc sắc trong các hình ảnh *Chòng chành nhịp võng ca dao và Vầng trăng mẹ thời con gái/ Vẫn còn thơm ngát hương cau.*

Trả lời:

- Chòng chành nhịp võng ca dao:

+ “chòng chành” ẩn dụ “khó khăn, vất vả của mẹ”

→ Dù có bận bịu lo toan vất vả, mẹ vẫn chịu đựng nuôi con khôn lớn, dành cho con những điều tốt nhất, muốn con được nhìn ngắm những vẻ đẹp tuyệt vời nhất của đất nước, của cuộc đời.

+ Đảo tính từ “chòng chành” lên đầu câu.

→ Nhấn mạnh lời ru của mẹ đi cùng năm tháng, gắn liền với vẻ đẹp của đất nước.

- Vầng trăng mẹ thời con gái/ Vẫn còn thơm ngát hương cau: “mẹ thời con gái” ẩn dụ cho “quãng thời gian trước đây”.

→ Trong lời ru của mẹ, con thấy được những hình ảnh quen thuộc về quê hương, đất nước ngày xưa, những hình ảnh thân thuộc ấy giúp con thêm yêu mến, hiểu và trân trọng hơn vẻ đẹp của thiên nhiên đồng thời thấy được nỗi vất vả của mẹ chảy trôi cùng thời gian và năm tháng.

Câu 5 (trang 14 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em hình dung như thế nào về hình ảnh người mẹ được miêu tả từ khổ thơ thứ ba đến khổ thơ thứ bảy?

Trả lời:

- Hình ảnh người mẹ được miêu tả từ khổ thơ thứ ba đến khổ thơ thứ bảy: hình ảnh người mẹ tần tảo, vất vả làm lụng qua năm tháng để nuôi con khôn lớn, trưởng thành.

Câu 6 (trang 15 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ và cho biết tác dụng của vần, nhịp, cách sử dụng hình ảnh trong việc thể hiện cảm hứng đó.

Trả lời:

- Cảm hứng chủ đạo của bài thơ: Nỗi xót xa và lòng biết ơn của người con dành cho người mẹ đã vất vả tảo tần nuôi con khôn lớn.

- Vần, nhịp, cách sử dụng hình ảnh giúp cho bài thơ trở nên nhẹ nhàng, truyền cảm và gợi tả được rõ nét tình yêu thương, sự vất vả lam lũ của người mẹ qua năm tháng.

Câu 7 (trang 15 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Theo em, nhan đề Trong lời mẹ hát có vai trò như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ?

Trả lời:

- Nhan đề Trong lời mẹ hát có vai trò quan trọng trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ: nó lột tả rõ nét, chân thực tình yêu thương của người mẹ dành cho con, gói gọn tất cả trong tiếng hát.

Câu 8 (trang 14 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Cách thể hiện hình ảnh người mẹ trong bài thơ này có gì khác với cách thể hiện hình ảnh người mẹ trong bài thơ khác mà em biết?

Trả lời:

- Cách thể hiện hình ảnh người mẹ trong bài thơ này khác với cách thể hiện hình ảnh người mẹ trong bài thơ khác mà em biết là: ở các bài thơ khác tác giả dùng các hình ảnh tượng trưng: “miếng cau khô”, “nước trong nguồn” ... để nói về tình yêu thương của mẹ dành cho con, nhưng trong bài thơ này tác giả sử dụng tiếng hát, nhờ tiếng hát để thể hiện tình yêu thương to lớn của mình dành cho con.

Nhớ đồng trang 15, 17

*** Chuẩn bị đọc**

Câu hỏi (trang 15 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Vùng đất hoặc con người nào đã để lại trong em ấn tượng sâu đậm?

Trả lời:

- Vẻ đẹp thơ mộng, hữu tình của vùng đất Tây Bắc và sự thân thiện, hiếu khách của con người nơi đây đã để lại cho em nhiều ấn tượng sâu đậm.

*** Trải nghiệm cùng văn bản**

1. Suy luận: Xác định cảm xúc của tác giả ở khổ thơ này. Dựa vào đâu em xác định như vậy?

- Cảm xúc của tác giả ở khổ này là nỗi nhớ thương, dựa vào điệp từ “đâu” được lặp đi lặp lại 4 lần.

2. Suy luận: Việc lặp lại hai dòng thơ này có tác dụng gì?

- Việc lặp lại hai dòng thơ này có tác dụng: nhấn mạnh nỗi nhớ da diết của tác giả đối với mảnh đất và con người nơi đây.

*** Suy ngẫm và phản hồi**

Nội dung chính: Bài thơ là tiếng lòng da diết với cuộc đời, cuộc sống tự do và say mê cách mạng của tác giả. Thể hiện khát vọng tự do, tình yêu nhân dân, đất nước, yêu cuộc sống của chính mình.

Câu 1 (trang 17 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định thể thơ của bài thơ và cách gieo vần, ngắt nhịp trong khổ thơ thứ hai.

Trả lời:

- Thể thơ 7 chữ

- Trong khổ thơ thứ 2 tác giả sử dụng cách ngắt nhịp 4/3 cùng cách gieo vần “ui”: mùi – vui – bùi.

Câu 2 (trang 17 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm những câu thơ, những từ ngữ được lặp đi lặp lại trong bài thơ và nêu tác dụng của việc sử dụng các cách diễn đạt đó.

Trả lời:

- “Gì sâu bằng những trưa thương nhớ

Hiu quanh bên trong một tiếng hò”

→ Lặp đi lặp lại 2 lần, có tác dụng: Thể hiện nỗi nhớ thương da diết và sự cô đơn tự đáy lòng sâu thẳm của nhà thơ. Nỗi nhớ thương được so sánh bằng biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

- Điệp từ “đâu”

→ Lặp đi lặp lại 11 lần, có tác dụng:

+ Gây được sức ám ảnh lớn, nhấn mạnh tâm trạng nhớ thương da diết những hình ảnh, những kỉ niệm đẹp đẽ của quê hương và cuộc sống bên ngoài.

+ Khắc sâu nghịch cảnh giam cầm tù túng, cô đơn của người tù.

+ Khiến toàn bài thơ dường như cũng trở thành tiếng hò miên man, buồn bã của người tù.

Câu 3 (trang 17 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nhận xét về cách sắp xếp các phần trong bố cục của bài thơ. Từ đó, xác định sự vận động của mạch cảm xúc được tác giả thể hiện trong bài thơ.

Trả lời:

- Cách sắp xếp các phần trong bố cục của bài thơ:

Bố cục: 3 phần:

+ Phần 1 (từ đầu đến “rất thiết tha”): Nỗi nhớ da diết của nhà thơ với cuộc sống bên ngoài

+ Phần 2 (tiếp đến “bát ngát trời”): Nhớ chính bản thân khi chưa bị giam nơi ngục tù

+ Phần 3 (còn lại): Trở lại thực tại

- Sự vận động tâm trạng của tác giả trong bài thơ:

Từ tiếng hò → đồng quê → đồng bào → nhớ chính mình → từ quá khứ → hiện tại → say mê lí tưởng → khát khao tự do.

=> Mạch cảm xúc của tác giả trong bài thơ tự nhiên mà logic. Nó rất hợp với tâm trạng của một người chiến sĩ đang khao khát hành động nhưng lại bị giam cầm, tù hãm.

Câu 4 (trang 17 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Căn cứ vào đâu để em xác định như vậy?

Trả lời:

- Cảm hứng chủ đạo của bài là nỗi nhớ đồng quê tha thiết và sâu lắng.

- Căn cứ vào tiếng hò trong bài thơ để xác định.

→ Tiếng hò được lặp lại nhiều lần: Tiếng hò lẻ loi đơn độc giữa trời trưa → nhân vật trữ tình cảm nhận được sự hiu quạnh.

Câu 5 (trang 17 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định chủ đề của bài thơ. Chủ đề đó được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật nào?

Trả lời:

- Chủ đề của bài thơ: Lẽ sống, lí tưởng và tình cảm cách mạng của người Việt Nam hiện đại.

- Hình thức nghệ thuật: thể hiện ở phong cách trữ tình chính trị, đậm đà tính dân tộc.

Câu 6 (trang 17 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Theo em, tác giả muốn gửi thông điệp gì tới người đọc qua bài thơ này?

Trả lời:

- Qua bài thơ Nhớ đồng tác giả muốn gửi đến thông điệp: Phải luôn biết yêu thương, trân quý những gì đang có, yêu thương cuộc sống, con người và tất cả cảnh vật xung quanh ta. Yêu quê hương và biết ơn những bậc cha anh đã hi sinh vất vả để giữ gìn và bảo vệ cuộc sống tươi đẹp.

Câu 7 (trang 17 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Viết khoảng năm câu hoặc vẽ bức tranh thể hiện sự tưởng tượng của em về cảnh sắc, con người được gợi tả trong Nhớ đồng. Những hình ảnh tưởng tượng đó có tác dụng thế nào đối với việc hiểu nội dung bài thơ?

Trả lời:

- Bức tranh thể hiện sự tưởng tượng của em về cảnh sắc, con người được gợi tả trong Nhớ đồng:

Những hình ảnh tưởng tượng đó giúp ta nhìn nhận rõ nét hơn vẻ đẹp của cảnh vật và con người nơi đây đồng thời khi đọc văn bản chúng ta sẽ dễ dàng tiếp nhận và xác định thông tin văn bản, hình dung được tâm tư tình cảm của tác giả khi truyền tải thông qua các hình ảnh đó.

Những chiếc lá thơm tho trang 19

*** Suy ngẫm và phản hồi**

Nội dung chính: Văn bản nói về kỉ niệm tuổi thơ của cháu cùng câu chuyện về những chiếc lá bên bà. Và tình yêu thương sâu sắc của cháu dành cho người bà yêu quý của mình.

Câu 1 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tình cảm giữa nhân vật “tôi” với bà được thể hiện như thế nào qua những kỉ niệm ấu thơ?

Trả lời:

- Bà hay bày cho “tôi” cách chơi với những chiếc lá: những con cào cào, chim sẻ, con rết... thắt bằng lá dứa; những cái lồng đèn bằng lá cau kiếng...

- Những ngày ốm thềm được ở gần bà để nhõng nhẽo, sụt sịt, để bà nhanh ra sau nhà hái bảy tám loại lá vào nấu cho tôi một nồi xông lúc ốm.

- Hình ảnh người bà ân cần, tỉ mỉ xen những nét u sầu khi phơi gom những lá tràm khuynh diệp.

Câu 2 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Hãy nêu một vài điểm giống và khác nhau trong cách thể hiện hình ảnh người bà của văn bản này với văn bản khác mà em đã đọc (ví dụ Hương khúc của Nguyễn Quang Thiều).

Trả lời:

- Giống nhau: Hình ảnh người bà hiện lên cũng những tình yêu và kỉ niệm tuổi thơ cùng người cháu.

- Khác nhau:

+ Văn bản “Những chiếc lá thơm tho” nói về: kỉ niệm của cháu khi được bà bày cách làm đồ chơi bằng những chiếc lá, kỉ niệm về những lần bị ốm với nồi thuốc lá xông và cả những kỉ niệm buồn vui cuộc đời.

+ Văn bản “Hương khúc” nói về: kỉ niệm của người cháu cùng bà bên chõ bánh khúc.

Câu 3 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em hiểu thế nào về ý nghĩa của từ “thơm” trong những câu sau: “Những chiếc lá của bà thơm. Thơm ngọt ngào suốt hành trình tuổi thơ tôi. Thơm băng khuâng cho đến tận bây giờ và thơm dịu dàng cho cả những ngày mai”?

Trả lời:

- Ý nghĩa của từ “thơm” trong những câu: “Những chiếc lá của bà thơm. Thơm ngọt ngào suốt hành trình tuổi thơ tôi. Thơm băng khuâng cho đến tận bây giờ và thơm dịu dàng cho cả những ngày mai” là:

Từ “thơm” chính là tình yêu, là kỉ niệm tuổi thơ tươi đẹp nhất của người cháu khi ở bên cạnh bà. Tình yêu và kỉ niệm ấy chính là những điều đẹp đẽ, ngọt ngào nhất trong quá trình trưởng thành và lớn lên của người cháu. Tất cả sự dịu dàng và tươi đẹp ấy mãi mãi khắc sâu trong tim của người cháu cho đến tận mai sau.

Câu 4 (trang 19 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Hãy chia sẻ với bạn một câu chuyện về tình cảm của cháu đối với bà mà em biết hoặc em đã trải qua?

Trả lời:

- Câu chuyện cổ tích Bà cháu.

Ngày xưa có ba bà cháu tuy cuộc sống nghèo khổ nhưng cuộc sống lúc nào cũng đầm ấm, hạnh phúc. Một hôm, có một cô tiên đi ngang qua và cho hai người cháu một hạt đào và dặn: “Khi nào bà mất, gieo hạt đào này bên mộ, các cháu sẽ được giàu sang, sung sướng”.

Bà mất, hai anh em mang hạt đào của nàng tiên trồng bên mộ, cây đào lớn nhanh và kết thành bao nhiêu trái vàng, trái bạc.

Tuy được sống trong cảnh đầy đủ, giàu sang nhưng hai anh em lúc nào cũng buồn bã vì nhớ về bà. Cô tiên hiện lên, hai anh em khóc lóc xin cô cho bà sống lại cho dù cuộc sống có cực khổ như xưa.

Cô tiên phát chiếc quạt màu nhiệm, lâu đài, ruộng vườn bỗng chốc biến mất. Người bà sống lại, móm mém, hiền từ, dang tay ôm hai đứa cháu hiếu thảo vào lòng.

- Câu chuyện Cậu bé Tích Chu: kể về cậu bé Tích Chu sống với bà nhưng lại ham chơi, không chăm lo cho bà để bà biến thành chim bay đi mất, cậu bé hối hận vô cùng, tìm đường lấy nước suối tiên cho bà để bà trở lại thành người.

Thực hành tiếng Việt trang 20

Câu 1 (trang 20 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh có trong những trường hợp sau và phân tích tác dụng của chúng:

a. Tuổi thơ chở đầy cổ tích

Dòng sông lời mẹ ngọt ngào

Đưa con đi cùng đất nước

Chòng chành nhịp võng ca dao

(Trương Nam Hương, Trong lời bài hát)

b. Con nghe thập thình tiếng cối

Mẹ ngồi giã gạo ru con

(Trương Nam Hương, Trong lời bài hát)

c. Quen thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp.

(Truyện dân gian Việt Nam, Ếch ngồi đáy giếng)

d. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ.

(Tô Hoài, Dế Mèn phiêu lưu kí)

Trả lời:

a. Từ tượng hình: Chònh chành

→ Tác dụng: Giúp câu thơ diễn tả rõ nét, chân thực hơn sự khó khăn, vất vả của người mẹ.

b. Từ tượng thanh: thập thình

→ Tác dụng: Giúp câu thơ trở nên gần gũi, thân thuộc hơn.

c. Từ tượng thanh: ồm ộp

→ Tác dụng: Giúp cho âm thanh tiếng ếch kêu trở nên sinh động, chân thật hơn.

d. Từ tượng thanh: phanh phách

→ Tác dụng: Giúp cho câu văn trở nên sinh động, cụ thể, thấy rõ được sự nhanh, khỏe từ những chiếc vuốt của Dế mèn.

Câu 2 (trang 20 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Liệt kê năm từ tượng hình gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của con người và năm từ tượng thanh mô phỏng âm thanh của thế giới tự nhiên.

Trả lời:

- Năm từ tượng hình gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của con người: lom khom, thướt tha, lừ đừ, thất thiếu, tập tễnh.

- Năm từ tượng thanh mô phỏng âm thanh của thế giới tự nhiên: xào xạc, ào ào, lộp bộp, tích tắc, soàn soạt.

Câu 3 (trang 20 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Điền từ tượng thanh, từ tượng hình phù hợp vào chỗ trống (làm vào vở):

a. Đêm khuya thanh vắng, chỉ còn tiếng mưa rơi... bên hiên nhà.

b. Mùa đông, cây bàng vươn dài những cành..., trơ trụi lá.

c. Sự tĩnh lặng của đêm tối khiến tôi nghe rõ tiếng côn trùng kêu... từ ngoài đồng ruộng đưa vào.

d. Ở miệt này, sông ngòi, kênh rạch bủa giăng... như mạng nhện.

đ. Đó là một ngôi làng đặc biệt nằm giữa những ngọn núi đá...ở Hà Giang.

Trả lời:

a. Đêm khuya thanh vắng, chỉ còn tiếng mưa rơi **tí tách** bên hiên nhà.

b. Mùa đông, cây bàng vươn dài những cành **khằng khiu**, trơ trụi lá.

c. Sự tĩnh lặng của đêm tối khiến tôi nghe rõ tiếng côn trùng kêu **rả rích** từ ngoài đồng ruộng đưa vào.

d. Ở miệt này, sông ngòi, kênh rạch bủa giăng **chi chít** như mạng nhện.

đ. Đó là một ngôi làng đặc biệt nằm giữa những ngọn núi đá **sừng sững** ở Hà Giang.

Câu 4 (trang 20 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm ít nhất hai ví dụ về việc sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh ở những văn bản mà em đã đọc và cho biết tác dụng của chúng trong những trường hợp ấy.

Trả lời:

- Ví dụ 1: Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hăn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

→ Từ tượng thanh “bốp” giúp cho người đọc hình dung rõ hơn sự độc ác, máu lạnh của tên cai lệ.

- Ví dụ 2: Thăng Dần vục đầu vừa thối vừa húp soàn soạt. Chị Dậu rón rén bưng một cái bát lớn đến chỗ chồng nằm.

→ Từ tượng hình “rón rén” giúp cho người đọc thấy rõ nét sự ân cần, nhẹ nhàng của chị Dậu.

Câu 5 (trang 20 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Phân tích nét độc đáo trong các kết hợp từ ngữ ở các trường hợp sau (chú ý những cụm từ/ câu thơ được in đậm)

a. Khóm trúc, lùm trẻ huyền thoại

Lời ru vắn vít dây trầu

(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát)

b. Đâu những chiều sương phủ bãi đồng

Lúa mềm xao xác ở ven sông

(Tố Hữu, Nhớ đồng)

c. Con **nghe đập dờn sóng lúa**

Lời ru hóa hạt gạo rồi

(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát)

Trả lời:

a. Tác giả sử dụng từ tượng hình “vít” cho người đọc thấy được sự gắn kết, khăng khít của các sự vật được nhắc đến trong câu thơ.

b. Tác giả sử dụng từ tượng thanh “xao xác” giúp cho câu thơ trở nên sống động, có hồn hơn.

c. Tác giả sử dụng từ tượng hình “đập dờn” giúp miêu tả rõ nét, sinh động hơn hoạt động của sự vật được nói đến.

Câu 6 (trang 20 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) kể về một kỉ niệm đáng nhớ của em trong mùa hè vừa qua. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ tượng hình hoặc từ tượng thanh.

Trả lời:

Đoạn văn tham khảo

Kỳ nghỉ hè vừa qua, em cùng gia đình đi tham quan vịnh Hạ Long. Đã lâu lắm rồi em mới có một kì nghỉ hè thoải mái như thế này. Để chuẩn bị cho chuyến đi em đã sắp xếp quần áo, đồ ăn uống... từ ngày hôm trước. Ô tô khởi hành từ lúc 5 giờ 30 sáng, gia đình em đã có mặt tại điểm tập trung từ lúc năm giờ. Dọc đường bộ từ Hà Nội đến Quảng Ninh, trước mắt em là cả một bức tranh sơn thủy hùng vĩ, từng ngọn núi **sừng sững** hiện ra trước mắt em. Ô tô luôn lách qua những chiếc cầu và núi đá nhỏ, sau hơn một tiếng thì đoàn du lịch bắt đầu xuống xe để đi tàu thủy tham quan các hang động. Từ những vòm đá cao nhất rủ xuống những dải thạch nhũ cột băng pha trộn đủ mọi màu sắc của cầu vồng, em nghe nói hang đẹp nhất là hang Đầu gỗ. Đây là cung điện với nhiều gian phòng **ngoắt ngoéo**, chỉ một giọt nước nhẹ rơi xuống từ những dải nhũ đá cũng đủ phá vỡ sự im lặng. Cả buổi sáng, em cùng gia đình chỉ tham quan hang động, mọi người bắt đầu chụp nhanh cảnh đẹp ở đây rồi vội vàng lên xe đến nhà nghỉ. Buổi chiều cả nhà em ra vườn hoa chụp ảnh làm kỷ niệm rồi lên núi ngay gần nhà nghỉ "Thăng Long" ngắm cảnh. Buổi tối, những chiếc đèn thả sáng mọi nơi, em cùng mẹ ra ăn chè ở quán, cạnh khách sạn nơi mà gia đình em đang ở. Còn bố thì đọc báo, xem tivi ở phòng nghỉ. Thời gian trôi qua, cả đoàn bắt đầu lên đường về Hà Nội. Sức hấp dẫn của vịnh Hạ Long đã khiến cho nơi đây quanh năm luôn là điểm hội tụ của khách du lịch trong và ngoài nước. Mọi người đều đến đây tham quan, nghỉ ngơi, tắm biển... Ai cũng thấy khoan khoái, hài lòng trước vẻ đẹp kì quan của thế giới.

Chái bếp trang 22

*** Hướng dẫn đọc**

Nội dung chính: Văn bản nói về kỉ niệm tuổi thơ cùng cha mẹ bên chái bếp thân thương.

Câu 1 (trang 22 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Cách thể hiện hình ảnh “chái bếp” của bài thơ này có gì đặc sắc?

Trả lời:

Hình ảnh chái bếp hiện lên lại gắn liền với những kỉ niệm tuổi thơ của tác giả, những kí ức với cha mẹ với những dụng cụ quen thuộc gần gũi: nồi cám, cánh nỏ...

Câu 2 (trang 22 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Từ hình ảnh về chái bếp ở dòng thơ đầu tiên, hồi ức của tác giả mở rộng sang những hình ảnh nào? Điều đó thể hiện nét đặc biệt gì trong bố cục của bài thơ?

Trả lời:

- Từ hình ảnh về chái bếp ở dòng thơ đầu tiên, hồi ức của tác giả mở rộng sang những hình ảnh: ngọn khói, nồi cám, vườn nhà, cánh nỏ, hồn người, quê cũ, nước đầu nguồn...

→ Tác giả sắp xếp các hình ảnh, sự vật theo bố cục mở rộng, từ những thứ gần gũi giản dị đến những hình ảnh, sự vật rộng lớn hơn.

Câu 3 (trang 22 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nêu tác dụng của việc sử dụng điệp từ “cho” trong bài thơ.

Trả lời:

- Tác dụng của việc sử dụng điệp từ “cho” nhằm nhấn mạnh nỗi nhớ thương da diết của tác giả, thèm và mong muốn được trở lại chốn thân thuộc gần gũi với biết bao kỉ niệm tuổi thơ.

Câu 4 (trang 22 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Cảm hứng chủ đạo của bài thơ này là gì?

Trả lời:

- Cảm hứng chủ đạo của bài thơ này là nỗi nhớ thương da diết của nhân vật trữ tình.

Câu 5 (trang 22 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nêu chủ đề của bài thơ. Dựa trên cơ sở nào để em xác định như vậy?

Trả lời:

- Chủ đề của bài thơ: Nỗi nhớ thương của tác giả với chái bếp với ngôi nhà và quê hương yêu dấu.

- Xác định như vậy dựa vào việc từ “chái bếp” được lặp đi lặp lại 7 lần. niệm tuổi thơ.

Làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ trang 22

*** Một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ:**

- Thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận, ... của người viết về cuộc sống.

- Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.

- Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị. - Gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.

- Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.

- Đảm bảo đủ số chữ (bốn chữ hoặc năm chữ) ở các dòng thơ theo yêu cầu của thể loại.

*** Hướng dẫn quy trình viết**

Đề bài (trang 22 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ thể hiện cảm xúc của em về một sự vật hoặc hiện tượng nào đó trong cuộc sống.

Bước 1: Trước khi viết

- Đọc lại những bài thơ ở phần Đọc để học cách nhìn, cách cảm nhận cuộc sống của các nhà thơ.

- Quan sát cuộc sống xung quanh để lựa chọn bất cứ đề tài nào gợi cho em nhiều cảm xúc

Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài thơ

- Chú ý đến sự vật, hiện tượng đã để lại trong em ấn tượng, cảm xúc sâu sắc nhất.

- Xác định cảm xúc được gợi nên từ sự vật, hiện tượng.

Bước 3: Làm thơ

- Chọn những từ ngữ gợi tả âm thanh, mùi vị, màu sắc, hình ảnh của sự vật, hiện tượng để thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận sự vật, hiện tượng.

- Dùng từ láy hoặc các biện pháp tu từ như: nhân hóa, so sánh, ẩn dụ... để tăng hiệu quả biểu đạt của hình tượng thơ.

- Thay thế những từ ngữ đã có bằng những từ ngữ khác (có nghĩa) mà vẫn giống hoặc gần nhau để gieo vần cho bài thơ, ví dụ như: mình – tình, đông – hồng...
- Lựa chọn từ ngữ, dấu câu để tạo sự ngắt nhịp linh hoạt sao cho thể hiện được chính xác tình cảm, cảm xúc của em.
- Đọc diễn cảm các câu thơ đã viết, lắng nghe xem giọng điệu có phù hợp với cảm xúc mà em muốn thể hiện hay không.

*** Bài thơ tham khảo:**

MÙA THU

Mùa thu nhẹ tới, cơn gió mát
 Cuốn lá vàng theo, mây trôi đi
 Hương cốm mới bay vào ngõ nhỏ
 Đôi mắt em thơ, hồ trong veo.

(Lê Thu Ngọc)

THẾ GIỚI NĂM QUA

Thế giới năm qua bao tai ương
 Chiến tranh khủng bố khắp muôn phương
 Thiên tai, dịch bệnh liên miên mãi
 Tang tóc đau thương nối tiếp nhau
 Chúng ta hãy cùng đoàn kết lại
 Tay nắm tay nhau chống chiến tranh
 Tình thương, chia sẻ là sức mạnh
 Bao nhiêu thảm họa cũng tan nhanh

(Lương Ngọc Tuấn)

Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ

- Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra nội dung và hình thức của bài thơ:
- Bảng kiểm hình thức và nội dung của một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ

	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Hình thức	Có dòng thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.		
	Có nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.		
	Sử dụng được ít nhất một cách gieo vần.		
	Sử dụng một số biện pháp tu từ.		
	Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện chính xác điều người viết muốn nói.		
	Các hình ảnh trong bài thơ sống động, thú vị.		
	Có độ dài tối thiểu: bốn dòng thơ (mỗi dòng sáu chữ hoặc bảy chữ)		
Nội dung	Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy ngẫm nào đó về thiên nhiên hoặc con người.		

- Đọc lại bài thơ từ vai trò của người đọc và trả lời câu hỏi:
 1. Điều em thích nhất ở bài thơ này là gì?
 2. Cần điều chỉnh những gì để bài thơ hay hơn?
- Sau khi kiểm xong, tiếp tục điều chỉnh bài thơ. Hoạt động này có thể được lặp đi lặp lại nhiều lần.
- Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình, với bạn bè và với bất cứ ai mà em muốn.

Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do trang 25

*** Khái niệm:** Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do là đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người đọc về một bài thơ tự do (thể thơ mà người viết không bị ràng buộc vào các quy tắc về số câu, số chữ, số dòng, cách gieo vần...khi sáng tác).

*** Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do:**

- Trình bày cảm nghĩ của người viết về một bài thơ tự do
- Cấu trúc gồm có ba phần:
 - + Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề).
 - + Thân đoạn: trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.
 - + Kết đoạn: khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với người viết.

*** Hướng dẫn phân tích kiểu đoạn văn:**

Văn bản: Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về bài thơ Lời con (Lê Thị Vân)

Câu 1 (trang 25 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định nội dung câu chủ đề, câu kết đoạn của đoạn văn.

Trả lời:

- Nội dung câu chủ đề của đoạn văn: “Bài thơ Lời con của Phan Thị Thanh Nhàn đã đưa tôi về thế giới tuổi thơ hồn nhiên, đồng thời khiến tôi ngạc nhiên, thích thú vì những phát hiện tinh tế của nhà thơ về trẻ con.”

→ Giới thiệu nội dung chính của bài thơ Lời con của Phan Thị Thanh Nhàn.

- Câu kết đoạn của đoạn văn: “Tôi thầm cảm ơn nhà thơ đã giúp tôi khám phá một điều thiêng liêng, đối với cha mẹ, con cái luôn là món quà tuyệt vời nhất”.

→ Rút ra bài học và ý nghĩa thiêng liêng về tình yêu thương gia đình.

Câu 2 (trang 25 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tóm tắt phần thân đoạn.

Trả lời:

Thế giới hiện lên tươi đẹp, ngộ nghĩnh và hồn nhiên qua đôi mắt ngây thơ của con nhỏ, đã trở thành mạch nguồn trong lành, dạt dào gợi nhiều cảm xúc để tiếng thơ của mẹ cất thành lời.

Câu 3 (trang 25 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tác giả dùng ngôi thứ mấy để chia sẻ cảm nghĩ? Cảm xúc và suy nghĩ được thể hiện như thế nào trong bài viết?

Trả lời:

- Tác giả đã dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm nghĩ.

- Cảm xúc và suy nghĩ được thể hiện trong bài viết: Cảm xúc ngạc nhiên, thích thú trước những suy nghĩ ngây ngô, hồn nhiên của con trẻ. Cùng những suy nghĩ nhẹ nhàng, sâu lắng trước tình cảm của người mẹ.

Câu 4 (trang 25 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tác giả đã sử dụng những bằng chứng nào trong bài thơ để làm rõ cảm nghĩ của mình?

Trả lời:

Những bằng chứng trong bài thơ để làm rõ cảm nghĩ của mình là:

- Chỉ có thể qua đôi mắt trẻ thơ, thế giới mới hiện lên trong veo, ngộ nghĩnh và thú vị đến thế: “cô-ti-vi”, “cái cây là con cô gió”, “ngâm thơ vào nước”...

- Người mẹ muốn làm thơ nhưng cảm xúc chưa nảy sinh, câu chữ “căn khô”. Đúng lúc này, những lời nói ngây thơ hằng ngày của con vang lên trong tâm trí mẹ khiến cảm xúc tuôn trào.

Câu 5 (trang 25 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn.

Trả lời:

Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn là:

- Phép lặp từ ngữ “bài thơ”, “mẹ”, “con”.

- Phép lặp cú pháp. Bài thơ Lời con của Phan Thị Thanh Nhàn đã đưa tôi về thế giới tuổi thơ hồn nhiên, đồng thời khiến tôi ngạc nhiên, thích thú vì những phát hiện tinh tế của nhà thơ về trẻ con. Chỉ có thể qua đôi mắt trẻ thơ, thế giới mới hiện lên trong veo, ngộ nghĩnh và thú vị đến thế: “cô-ti-vi”, “cái cây là con cô gió”, “ngâm thơ vào nước”...”

- Người mẹ muốn làm thơ nhưng cảm xúc chưa nảy sinh, câu chữ “căn khô”. Đúng lúc này, những lời nói ngây thơ hằng ngày của con vang lên trong tâm trí mẹ khiến cảm xúc tuôn trào.

Câu 5 (trang 25 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn.

Trả lời:

Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn là:

- Phép lặp từ ngữ “bài thơ”, “mẹ”, “con”.

- Phép lặp cú pháp. Bài thơ Lời con của Phan Thị Thanh Nhàn đã đưa tôi về thế giới tuổi thơ hồn nhiên, đồng thời khiến tôi ngạc nhiên, thích thú vì những phát hiện tinh tế của nhà thơ về trẻ con. Chỉ có thể qua đôi mắt trẻ thơ, thế giới mới hiện lên trong veo, ngộ nghĩnh và thú vị đến thế: “cô-ti-vi”, “cái cây là con cô gió”, “ngâm thơ vào nước”...”

- Người mẹ muốn làm thơ nhưng cảm xúc chưa nảy sinh, câu chữ “căn khô”. Đúng lúc này, những lời nói ngây thơ hằng ngày của con vang lên trong tâm trí mẹ khiến cảm xúc tuôn trào.

Câu 5 (trang 25 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn.

Trả lời:

Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn là:

- Phép lặp từ ngữ “bài thơ”, “mẹ”, “con”.

- Phép lặp cú pháp. Bài thơ Lời con của Phan Thị Thanh Nhàn đã đưa tôi về thế giới tuổi thơ hồn nhiên, đồng thời khiến tôi ngạc nhiên, thích thú vì những phát hiện tinh tế của nhà thơ về trẻ con. Chỉ có thể qua đôi mắt trẻ thơ, thế giới mới hiện lên trong veo, ngộ nghĩnh và thú vị đến thế: “cô-ti-vi”, “cái cây là con cô gió”, “ngâm thơ vào nước”...”

- Người mẹ muốn làm thơ nhưng cảm xúc chưa nảy sinh, câu chữ “căn khô”. Đúng lúc này, những lời nói ngây thơ hằng ngày của con vang lên trong tâm trí mẹ khiến cảm xúc tuôn trào.

Câu 5 (trang 25 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn.

Trả lời:

Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn là:

- Phép lặp từ ngữ “bài thơ”, “mẹ”, “con”.

- Phép lặp cú pháp. Bài thơ Lời con của Phan Thị Thanh Nhàn đã đưa tôi về thế giới tuổi thơ hồn nhiên, đồng thời khiến tôi ngạc nhiên, thích thú vì những phát hiện tinh tế của nhà thơ về trẻ con. Chỉ có thể qua đôi mắt trẻ thơ, thế giới mới hiện lên trong veo, ngộ nghĩnh và thú vị đến thế: “cô-ti-vi”, “cái cây là con cô gió”, “ngâm thơ vào nước”...”

*** Hướng dẫn quy trình viết**

Đề bài (trang 25 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Chọn một bài thơ tự do mà em yêu thích viết đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ đó.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Em hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Thơ tự do là thể thơ như nào? Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về một bài thơ tự do có đặc điểm gì về hình thức và nội dung?

Trả lời:

+ Thơ tự do là thơ phân dòng nhưng không có thể thức nhất định và không quy định số lượng từ trong một câu, cũng như không cần có vần liên tục.

+ Hình thức: thể thơ 7 chữ, gieo nhịp 4/3

+ Nội dung: Viết về vẻ đẹp của mùa thu.

- Mục đích viết đoạn văn này là gì? Người đọc đoạn văn này có thể là ai? Họ muốn thu nhận điều gì từ đoạn văn của em?

Trả lời:

+ Mục đích: Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời khi vào thu.

+ Người đọc đoạn văn này có thể là: người thân – bố mẹ, ông bà; bạn bè; thầy cô...

+ Điều mà người đọc muốn thu nhận từ đoạn văn là: cảm xúc, nội dung ...

- Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào?

Trả lời:

+ Nội dung gần gũi, thân thuộc, gắn liền với đời sống thường ngày.

+ Viết dưới dạng một bài thơ.

+ Tìm những thông tin ấy ở trong sách báo, đời sống...

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để cảm nhận nhạc điệu được thể hiện qua cách gieo vần, ngắt nhịp...

- Xác định những cái hay của bài thơ về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, nhạc điệu, cách sắp xếp bố cục...

- Ghi lại những cảm xúc và suy nghĩ mà bài thơ gợi cho em bằng một vài cụm từ.

* Sắp xếp các ý đã có thành dàn ý của đoạn văn theo gợi ý sau:

Mở đoạn	Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và nêu cảm xúc chung về bài thơ.
Thân đoạn	Nêu các ý thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về toàn bộ bài thơ hoặc một vài nét độc đáo của bài thơ.
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

Bước 3: Viết đoạn

Dựa vào dàn ý đã lập, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.

* **Đoạn văn mẫu tham khảo: Đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ “Những cánh buồm” (Hoàng Trung Thông)**

Bài thơ Những cánh buồm của nhà thơ Hoàng Trung Thông là một tác phẩm gợi lên trong em rất nhiều những rung động. Hình ảnh hai cha con trong bài thơ thật ấm áp và thân thiết. Hành động nắm lấy tay con, dắt con đi, rồi mỉm cười xoa đầu con nhỏ của người cha khiến em cảm động vô cùng. Những hành động ấy thật gần gũi và bình dị. Như người cha yêu dấu vẫn thường làm với em. Qua đó, em như cảm nhận được tình cảm ấm áp, yêu thương trìu mến mà người cha dành cho đứa con của mình. Chính ông đã khơi gợi lên những tò mò, thích thú về thế giới xa lạ ngoài kia cho đứa con của mình. Thôi thúc đứa trẻ ấy đứng lên và khám phá những điều mới mẻ. Đó chính là sự bao la của tình cha vĩ đại. Và người con lớn lên trong tình thương ấy, cũng quăn quít và yêu thương cha của mình. Trong suy nghĩ non nớt, đứa trẻ đã mong mỏi mượn của cha cánh buồm trắng để rong ruổi ra khơi. Chính suy nghĩ ấy đã cho thấy sự tin tưởng, kính yêu mà người con dành cho cha mình. Cũng như trong tâm trí em, người cha luôn là mái nhà kiên cố nhất có thể che chắn mọi điều, không nề hà

khó khăn. Những rung cảm về tình phụ tử thiêng liêng và ấm áp ấy, đã được bài thơ Những cánh buồm khơi gợi và ấp ủ trong em.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn dựa vào bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kỹ năng viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở đoạn	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.		
	Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm xúc về bài thơ.		
	Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả và khái quát về bài thơ.		
Thân đoạn	Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ theo trình tự hợp lí.		
	Làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.		
	Dùng các từ ngữ để liên kết các câu.		
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.		
	Dùng dấu câu để kết thúc đoạn văn.		
Diễn đạt	Sử dụng một vài phép liên kết phù hợp		
	Viết đúng chính tả, ngữ pháp		
	Dùng từ phù hợp		

Tiếp tục chỉnh sửa nếu đoạn văn chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp (nếu có).

Rút kinh nghiệm

- Em rút ra bài học kinh nghiệm gì khi viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

<https://www.facebook.com/groups/vnteach/>

<https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/>

Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác

Đề bài (trang 27 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em được dự một buổi thuyết trình về tác phẩm văn học yêu thích. Hãy lắng nghe và ghi lại những ý chính của bài thuyết trình để làm tư liệu học tập.

*** Hướng dẫn:**

Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe

- Tìm hiểu trước đề tài của bài thuyết trình, liệt kê những gì em đã biết, đang quan tâm và muốn tìm hiểu thêm về đề tài của bài thuyết trình.
- Xác định mục đích nghe.
- Chuẩn bị giấy, bút... để ghi chép và đánh dấu hoặc gạch chân những thông tin quan trọng trong khi nghe.

Bước 2: Nghe và ghi chép

- Theo dõi và ghi lại những nội dung chính.

- Theo dõi các lập luận, bằng chứng mà người nói sử dụng để làm rõ các ý chính của bài thuyết trình; ghi tóm tắt các nội dung đó bằng từ/ cụm từ...
- Chú ý điệu bộ, cử chỉ, tốc độ của giọng người nói và những nội dung được lặp đi lặp lại, nhấn mạnh để xác định ý chính của bài thuyết trình.
- Ghi chú hoặc nêu câu hỏi về những điểm em chưa hiểu rõ hoặc chưa nghe kịp.

Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và phản hồi

- Đọc lại và trao đổi nội dung
- Đối với những chỗ chưa rõ, nêu câu hỏi hoặc đề nghị người thuyết trình giải thích/ trình bày lại để đảm bảo em hiểu đúng ý người nói.

*** Bài nói tham khảo: Bài thuyết trình về tác phẩm “Nhớ đồng” của Tố Hữu.**

Tố Hữu là nhà thơ lớn của nền thơ hiện đại Việt Nam. Với bảy tập thơ lớn, thơ ông được xem là biên niên sử bằng thơ của cách mạng Việt Nam. Đối với Tố Hữu, con đường thơ ca cũng là con đường cách mạng. Thơ ông song hành với con đường cách mạng và phản ánh những chặng đường cách mạng quan trọng của dân tộc. Bài thơ Nhớ đồng là nỗi niềm thương nhớ đồng quê, cảnh vật con người, đồng bào đồng chí của người tù cộng sản trẻ tuổi trong những ngày tháng bị giam ở nhà lao Thừa Thiên Huế.

Tháng 7 năm 1939 Tố Hữu bị thực dân Pháp bắt và giam tại nhà tù Thừa Thiên Huế. Tuy bị giam cầm trong tù ngục nhưng ông vẫn làm thơ. Bài thơ Nhớ đồng được sáng tác trong hoàn cảnh đó và được trích trong tập thơ: Từ ấy trong phần xiềng xích. Đây là một bài thơ tiêu biểu của tập thơ Từ ấy.

“Cô đơn thay là cảnh thân tù/ Tai mở rộng và lòng sôi rạo rục..” đó là cảm giác rõ nhất khi Tố Hữu bị bắt, cách biệt với cuộc sống bên ngoài. Vì vậy một âm thanh, một tiếng động nào bên ngoài dội vào cũng gợi lên trong lòng nhà thơ một nỗi nhớ da diết khôn nguôi. Không phải là tiếng chim tu hú khắc khoải gọi hè như trong bài thơ Khi con tu hú, mà là một tiếng hò quen thuộc của đồng quê:

Gì sâu bằng những trưa thương nhớ

Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!

Bài thơ gợi từ tiếng hò thân thuộc trở thành điệp khúc trở đi trở lại: Nỗi thương nhớ; nỗi hiu quạnh. Bằng cách lặp đi lặp lại 4 lần hình ảnh một tiếng hò nhà thơ đã nói lên được sự đồng cảm với tâm trạng cô đơn, cảm giác lạnh lẽo của người tù.

Tiếng hò như một điểm nhấn gợi nhớ, khiến cho bao nhiêu hình ảnh quen thuộc của đồng quê hiện về:

Đâu gió cồn thơm đất nhả mùi

Đâu ruộng che mát thở yên vui

Đâu từng ô mạ xanh mơn mơn

Đâu những nương khoai ngọt sắn bùi?

Âm thanh tiếng hò gợi nhớ về quê hương. Thế giới bên ngoài là đồng quê, hình ảnh con người, mùi hương, màu sắc, âm thanh. Đó là những hình ảnh thân thuộc, da diết của quê hương, xứ sở. Trong xa cách, nỗi nhớ của nhà thơ dường như da diết hơn. Trong xa cách, hình ảnh, mùi vị, âm thanh, màu sắc của quê hương càng trở nên gần gũi lạ thường.

Nỗi nhớ đồng quê ấy còn là nỗi nhớ con người lao động – những người dân quê cần cù, chất phác, quen “dãi gió dầm mưa”, “hiền như đất”, “rất thật thà”:

Đâu những lưng cong xuống luống cày

Mà bùn hy vọng nước hương ngây

Và đâu hết những bàn tay ấy

Vãi giống tung trời những sớm mai?

Đó là những người dân cày quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời. Đó người nông dân với luống cày vất vả, gian nan, lưng còng theo năm tháng. Thế nhưng, ở họ, toát lên một vẻ đẹp sáng ngời của phẩm chất trong sáng, dù có ở trong bùn đen nhưng vẫn nức hương. Chính họ, chính những người lao động chân chất thôn quê ấy còn là những người gieo những tia hi vọng vào tương lai.

Nhà thơ tiếp tục nối nhớ của mình với các hình ảnh: sương, lúa, tiếng xe lửa nước, giọng hò. Tất cả đều là hình ảnh, âm thanh thân thuộc của đồng quê. Và nhà thơ nhớ da diết những hình ảnh ấy. Từ nỗi nhớ ấy, nghĩ về cảnh tù đày của bản thân, một chút chạnh lòng chột len lỏi trong tâm khảm nhà thơ cách mạng:

Đâu dáng hình quen, đâu cả rồi
Sao mà cách biệt, quá xa xôi
Chao ôi thương nhớ, chao thương nhớ
Ôi mẹ già xa đơn chiếc ơi!

Tất cả những gì quen thuộc nhất, thân thương nhất, nhưng giờ đây “đâu cả rồi”. Một câu hỏi lớn vang lên không lời đáp như là một nhát dao đâm vào lòng người tù, trở nên đau đớn, xót xa. Giờ đây, khi ở trong lao, mọi thứ đã cách biệt và trở nên xa xôi hơn bao giờ hết. Chao ôi thương nhớ, điệp khúc lặp lại hai lần trong câu thơ đã thể hiện nỗi nhớ da diết khôn nguôi của nhà thơ. Và trong nỗi nhớ thương ấy, hiện lên hình ảnh người mẹ già – người mà tác giả nhớ nhất trong nỗi nhớ của mình.

Mạch thơ tiếp diễn với nỗi nhớ thương da diết, dâng trào. Khi người ta nhớ, người ta thương mà không được nhìn, không được ngắm, không được trở về để yêu thương thì càng khiến con người thêm day dứt, thêm cồn cào ruột gan. Và sau những thoáng buồn thương cho cảnh ngộ của mình trong tù, người chiến sĩ thiết tha yêu cuộc sống lại kiên trì – đấu tranh với những giây phút yếu mềm để vượt lên. Anh nhớ lại hình ảnh của chính mình của “những ngày xưa”, từ cái thời “bắn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời”, “theo mãi vòng quanh quẩn” để có ngày đến với cách mạng, gặp gỡ lí tưởng cộng sản. Và thế là người tù lại khát khao tự do, thèm muốn được thoát khỏi lao tù để lại được dấn thân vào trường tranh đấu vì sự nghiệp cách mạng.

Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi
Nhẹ nhàng như con chim cà lơi
Say hương đồng vui ca hát
Trên chín tầng cao bát ngát trời

Hình ảnh con chim sơn ca như là một biểu tượng cho ước muốn được tung bay trên bầu trời tự do bát ngát, được trở lại với hoạt động trong lòng dân, được trở về với cuộc sống con người tự do. Đây là tâm trạng vui nhất của người chiến sĩ trong tù.

Diễn biến tâm trạng của tác giả trong bài thơ được thể hiện khá chân thực, trọn vẹn và liền mạch. Nỗi nhớ được đánh thức từ một “tiếng hò đưa hũ nãi nùng”. Tiếng hò gợi dậy thế giới đồng quê bên ngoài từ cảnh sắc đến những dáng hình quen thuộc. Rồi nhớ về những ngày còn được thỏa sức hoạt động cho cách mạng, cuối cùng lại trở lại thực tại đau thương của cảnh nhà tù và khát vọng muốn được tự do, được cống hiến. Cả bài thơ thấm đượm nỗi nhớ thương da diết, khôn nguôi; khiến độc giả thêm cảm phục hình ảnh người chiến sĩ cách mạng – nhà thơ Tố Hữu.

Ôn tập trang 29

Câu 1 (trang 29 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm một số điểm giống nhau, khác nhau về nội dung và hình thức giữa bài thơ Trong lời mẹ hát (Trương Nam Hương) và Nhớ đồng (Tố Hữu).

Trả lời:

* Điểm giống nhau:

Dù mỗi bài viết về một nội dung nhất định, tuy nhiên ở cả hai bài đều làm hiện rõ những vẻ đẹp của thiên nhiên và con người tại mảnh đất mà tác giả muốn nhắc đến.

* Điểm khác nhau:

- Bài thơ Trong lời mẹ hát (Trương Nam Hương):

+ Thuộc thể thơ 6 chữ

+ Nói niềm xót xa và lòng biết ơn của người con trước những hi sinh thầm lặng của người mẹ.

- Bài thơ Nhớ đồng (Tố Hữu).

+ Thuộc thể thơ 7 chữ

+ Nói về nỗi nhớ và tình yêu tha thiết của tác giả đối với quê hương. Cùng với đó là khát vọng tự do, tình yêu nhân dân, đất nước, yêu cuộc sống của chính mình.

Câu 2 (trang 29 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nhận xét về cách ngắt nhịp và gieo vần của khổ thơ sau:

Quả bàng vuông xanh non màu lá

Mơnon thơm mùi nắng Sơn Ca

Hoa giấy đỏ dưới trời nắng cháy

Chim liu lo rót mật trước hiên nhà.

(Lê Cảnh Nhạc, Đảo Sơn Ca)

Trả lời:

- Cách ngắt nhịp: 3/4

- Gieo vần liền: lá – Ca

- Gieo vần cách: lá – Ca - nhà

Câu 3 (trang 29 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh trong các trường hợp sau và cho biết tác dụng của chúng:

a. Những nhà có sân rộng người ta còn phơi lúa trên giàn, lúa khô đem vô bồ được mấy hôm đã thấy trên mặt sân xấp nước lúa rày đã lấm tấp xanh.

(Nguyễn Ngọc Tư, Mùa phơi sân trường)

b. Nhưng đêm nay trời nhiều mây. Lá cây xào xạc. Côn trùng trong lòng đất rì rả mãi một điệu buồn. Ai như Tắc Kè khuya khoắt đang gọi cửa. Đêm ở Bờ Giậu thanh vắng đến nỗi nghe rõ cả tiếng Ốc Sên đi làm về, nhẹ nhàng vén tà áo dài trườn qua chiếc lá rụng. Nửa đêm, xúchút nữa Bọ Dừa thiếp đi thì sương bắt đầu rơi. Lẫn trong tiếng thở dài của gió là tiếng rơi lộp độp của sương.

Trả lời:

a. Từ tượng hình: xấp, lấm tấp

→ Giúp cho người đọc hình dung rõ nét hơn về mực nước và tốc độ sinh trưởng của lúa.

b.

- Từ tượng thanh: xào xạc, rì rả, lộp độp

→ Giúp cho tiếng gió, tiếng sương tiếng kêu của các loài vật... trở nên sinh động, nhằm hấp dẫn người đọc, người nghe.

Câu 4 (trang 29 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Trải nghiệm thú vị nhất mà em có được khi làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ là gì?

Trả lời:

Trải nghiệm thú vị nhất mà em có được khi làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ là:

- Học hỏi, tìm tòi được nhiều cách gieo vần và ngắt nhịp.

- Có cơ hội tư duy, sáng tạo theo ý muốn.

Câu 5 (trang 29 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Chọn một bài thơ tự do mà em yêu thích và viết đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ đó.

Trả lời:

Đoạn văn tham khảo

NHỮNG CÁNH BUỒM

“Hai cha con bước đi trên cát
Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh
Bóng cha dài lênh khênh
Bóng con tròn chắc nịch
[...]

Lời của con hay tiếng sóng thầm thì
Hay tiếng của lòng cha từ một thời xa thăm
Lần đầu tiên trước biển khơi vô tận
Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con.”

Hoàng Trung Thông

Bài thơ “Những cánh buồm” của nhà thơ Hoàng Trung Thông đã để lại cho tôi nhiều cảm xúc. Trước hết, hình ảnh người cha “dắt con đi” được lặp lại nhiều lần cho thấy tình yêu thương, sự che chở dẫn dắt của người cha trên hành trình cùng con đi đến đến tương lai. Tiếp đến hình ảnh đứa con thể hiện sự tin tưởng, yêu thương dành cho cha. Con đề nghị “Cha mượn cho con buồm trắng nhé/Để con đi”. Những cánh buồm đã gửi gắm ước mơ của con. Cánh buồm kiêu hãnh ngoài biển khơi thể hiện khao khát được đi xa để khám phá, hay cũng chính là cha thuở trước. Người cha cảm thấy tự hào khi thấy con mình cũng ấp ủ những ước mơ cao đẹp. Qua đây, tác giả cũng ca ngợi ước mơ được khám phá cuộc sống của trẻ thơ, những ước mơ làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Bằng giọng thơ chân thành giản dị, “Những cánh buồm” đã lưu lại dấu ấn sâu sắc trong lòng người đọc.

Câu 6 (trang 29 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Liệt kê một vài kĩ năng mà em có được khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

Trả lời:

Một vài kĩ năng mà em có được khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác là:

- Kĩ năng lắng nghe
- Kĩ năng quan sát.
- Kĩ năng tư duy phản biện.

- ...

Câu 7 (trang 29 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tình yêu thương đã làm giàu tâm hồn chúng ta như thế nào?

Trả lời:

- Tình yêu thương sưởi ấm tâm hồn những con người cô đơn, đau khổ, bất hạnh, truyền cho họ sức mạnh, nghị lực để vượt lên hoàn cảnh.
- Tình yêu thương tạo sức mạnh cảm hoá kì diệu đối với những người “lầm đường lạc lối”; mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin và cơ hội để có cuộc sống tốt đẹp hơn;
- Tình yêu thương là cơ sở xây dựng một xã hội tốt đẹp, có văn hóa.
→ Chúng ta hãy nâng niu hạnh phúc gia đình; hãy sống yêu thương, biết sẻ chia, đồng cảm với những cảnh ngộ trong cuộc đời.

Tri thức ngữ văn trang 31

1. Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên

- Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. Kiểu văn bản này thường xuất hiện

trong các tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên, so sánh sự giống và khác nhau giữa các hiện tượng tự nhiên, giải thích cách tiếp cận và giải quyết một vấn đề trong thế giới tự nhiên.

- Cấu trúc của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên gồm các phần:

+ Phần mở đầu: giới thiệu khái quát về hiện tượng hoặc quá trình xảy ra hiện tượng trong thế giới tự nhiên.

+ Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.

+ Phần kết thúc: thường trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.

- Cách sử dụng ngôn ngữ: thường sử dụng từ ngữ thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa, sinh ...) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái (xoay, vỡ...), từ ngữ miêu tả trình tự (bắt đầu, kế tiếp, tiếp theo...)

2. Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

- Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể:

+ So sánh và đối chiếu các đối tượng theo từng tiêu chí.

+ So sánh tổng thể các đối tượng: Người viết lần lượt trình bày biểu hiện của tất cả các tiêu chí ở từng đối tượng.

- Văn bản trình bày thông tin theo cách so sánh và đối chiếu có thể sử dụng một số từ ngữ chỉ sự giống nhau (giống, mỗi, cũng...) và khác nhau (khác với, nhưng, mặt khác...) hoặc sử dụng một số kiểu sơ đồ, bảng biểu để làm rõ thông tin được so sánh, đối chiếu.

3. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

- Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều câu tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.

+ Đoạn văn diễn dịch: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.

+ Đoạn văn quy nạp: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.

+ Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.

+ Đoạn văn phối hợp: là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.

Bạn đã biết gì về sóng thần trang 33, 34, 35, 36, 37

* Chuẩn bị đọc

Câu hỏi (trang 33 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em đã biết gì về sóng thần? Trong tình huống nếu chẳng may gặp sóng thần, chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ mình và hỗ trợ những người xung quanh?

Trả lời:

- Sóng thần là một trong những loại thiên tai nguy hiểm, có thể gây thiệt hại nặng nề cho cả người và của.

- Trong tình huống nếu chẳng may gặp sóng thần để bảo vệ mình và hỗ trợ những người xung quanh chúng ta cần:

+ Chạy đến nơi an toàn ở các bãi đất cao hoặc xa bờ biển từ 500m trở lên;

+ Phải sơ tán vào sâu trên đất liền, chỉ mang theo các vật dụng, tài sản, giấy tờ quan trọng khi sơ tán;

* **Trải nghiệm cùng văn bản**

1. Theo dõi: Nhan đề và hệ thống đề mục của văn bản cho em biết điều gì?

- Nhan đề và hệ thống đề mục của văn bản cho em biết bài học sẽ tìm hiểu về sóng thần.

2. Đọc quét: Điều khiến sóng thần trở nên đáng sợ nhất với con người là gì?

- Sóng thần trở nên đáng sợ nhất với con người là khi nó đến gần bờ.

3. Đọc hiểu phương tiện phi ngôn ngữ: Hình ảnh minh họa ở đoạn này có hỗ trợ cho ý tưởng chính của toàn đoạn không? Vì sao?

- Hình ảnh minh họa ở đoạn này có hỗ trợ cho ý tưởng chính của toàn đoạn. Vì nó giúp cho người đọc dễ hình dung được sự thay đổi và đường di chuyển của sóng thần.

* **Suy ngẫm và phản hồi**

Nội dung chính: Văn bản giới thiệu những thông tin cơ bản về sóng thần (định nghĩa, cơ chế hình thành, nguyên nhân và dấu hiệu nhận biết sóng thần) đồng thời nêu ra một số thảm họa sóng thần lớn đã xuất hiện trong lịch sử nhân loại.

Câu 1 (trang 36 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Mục đích viết của văn bản trên là gì? Những đặc điểm nào của văn bản giúp em nhận ra mục đích ấy?

Trả lời:

- Mục đích của văn bản là giúp cho người đọc nắm bắt và hiểu rõ hơn những thông tin về sóng thần (định nghĩa, cơ chế hình thành, nguyên nhân và dấu hiệu nhận biết sóng thần)

- Đặc điểm của văn bản giúp em nhận ra mục đích ấy là:

Văn bản chia bố cục rõ từng đoạn theo các ý chính:

+ Định nghĩa

+ Cơ chế hình thành sóng thần

+ Nguyên nhân

+ Dấu hiệu sắp có sóng thần

+ Các thảm họa sóng thần trong lịch sử

Câu 2 (trang 36 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Chỉ ra cách trình bày thông tin và căn cứ xác định của một số đoạn văn sau:

a. Khi sóng thần được tạo ra ở ngoài khơi xa... A-lát-xca năm 1958 cao đến 525 m.

b. Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu do động đất... trong khu vực “vòng đai lửa châu Á-Thái Bình Dương”.

c. Những người trên bờ biển khó biết sóng thần sắp tiến về phía mình... đến vùng cao hơn để trú ẩn trước khi sóng thần đến.

Trả lời:

a.

- Cách trình bày thông tin: theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

- Căn cứ: vào một số từ ngữ “Do vậy”, “Nói cách khác”.

b.

- Cách trình bày thông tin: theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

- Căn cứ: vào một số từ ngữ “Ngoài ra”.

c.

- Cách trình bày thông tin: theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

- Căn cứ: vào một số từ ngữ “hoặc”, “do vậy”.

Câu 3 (trang 37 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm thông tin cơ bản của đoạn văn: “Sóng thần đã được nhắc đến... Ngày 17/7/1998, sóng thần làm hơn 2100 người chết tại Pa-pua Niu Ghia-nê”. Thông tin cơ bản đã được thể hiện bằng những chi tiết nào? Xác định vai trò của những chi tiết này trong đoạn văn.

Trả lời:

- Thông tin cơ bản đã được thể hiện bằng các số liệu cụ thể: ngày tháng diễn ra sóng thần và số lượng người thiệt mạng.

- Những chi tiết này có vai trò quan trọng, nó phản ánh chân thực, rõ nét thông tin cũng như sức tàn phá mà mỗi trận sóng thần gây ra.

Câu 4 (trang 37 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Văn bản sử dụng những loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Nhận xét về hiệu quả biểu đạt của chúng trong văn bản.

Trả lời:

- Văn bản sử dụng những loại phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu

- Hiệu quả: Giúp cho đoạn văn miêu tả rõ nét và người đọc dễ hình dung hơn về cách hình thành, hậu quả tàn phá của sóng thần.

Câu 5 (trang 37 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Sau khi đọc văn bản, em hiểu thêm điều gì về sóng thần?

Trả lời:

- Sau khi đọc văn bản, em hiểu rõ hơn về cơ chế hình thành sóng thần và các nguyên nhân gây ra các thảm họa sóng thần. Cùng với đó, em cũng hiểu rõ hơn về hậu quả và sức tàn phá mà các đợt sóng thần gây ra cho nhân loại.

Câu 6 (trang 37 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Dựa trên những hiểu biết của em về sóng thần, thiết kế áp phích để hướng dẫn mọi người những việc cần làm khi xảy ra sóng thần.

Trả lời:

Sóng thần...
Là một chuỗi các đợt sóng dài đường có bước sóng và chu kỳ dài, di chuyển với tốc độ lớn, khoảng 800km/h. Không thể nhận thấy ở ngoài khơi từ các cơn bão.
Sức tàn phá rất mạnh, tàn sâu vào đất liền gây thiệt hại.

Nguyên nhân...
Chủ yếu do động đất ở đáy biển gây ra.
Ngoài ra cũng do phun trào núi lửa, trượt lở đất, sụt đất dưới đáy biển và do các thiên thạch rơi xuống biển.
Động đất có thể gây ra sóng thần cách đó hàng ngàn kilomet chỉ vài giờ sau khi động đất xảy ra.

Các dấu hiệu xuất hiện Sóng thần...
Động đất ở đáy biển là một dấu hiệu có khả năng xảy ra sóng thần. Nếu đang ở vùng biển rộng và cảm thấy nền đất rung lắc mạnh đến mức không còn đứng vững được, thì nhiều khả năng sẽ xảy ra một trận sóng thần.
Khi sóng thần sắp xảy ra, nước biển thường có sự tăng, giảm bất thường. Nếu thấy mặt nước biển rút xuống nhanh chóng, đó có thể là dấu hiệu của trận sóng thần sắp ập tới.
Khi sóng thần ập vào bờ, sẽ có tiếng gầm rú giống như chuyển tàu hỏa đang đến gần.

Đối với người dân ở ven biển
Khi có dấu hiệu xảy ra sóng thần, hãy chạy thật nhanh vào sườn trong đất liền và tới những nơi có nền đất cao.
Nếu nhìn thấy sóng thần đang ập đến, hãy tìm ngay tòa nhà bê tông vững chắc, nhiều tầng và treo lên tầng cao nhất hay nóc của tòa nhà. Nếu không còn thời gian, hãy treo lên một cây to và bám chặt trên đó.
Nếu bị sóng thần cuốn đi, bạn hãy bám vào một vật giúp cố thể trôi nổi và bảo vệ khỏi những vật nguy hiểm đang trôi như nhà cửa, ô tô hay cây cối.

Đối với ngư dân trên biển
Không đưa tàu thuyền vào gần bờ khi xảy ra sóng thần, đưa tàu ra xa bờ nếu còn đủ thời gian.
Không ở trên tàu thuyền khi neo đậu ven bờ.
Luôn chú ý tới những cảnh báo sóng thần của chính quyền.

Nguy cơ ảnh hưởng của sóng thần đến vùng ven biển Việt Nam
Nguồn động đất nguy hiểm nhất ở Biển Đông là vùng đứt gãy ở ngoài khơi phía Tây của Philippin, cách bờ biển miền Trung khoảng 1800 - 2000 km. Nếu động đất gây sóng thần ở khu vực này thì thời gian sóng thần ập tới bờ biển miền Trung Việt Nam chỉ trong vòng 2 giờ.
Các vùng biển của Việt Nam đều có khả năng bị ảnh hưởng bởi sóng thần, trong đó vùng ven biển từ Quảng Bình đến Bình Thuận có nguy cơ cao nhất với độ cao sóng từ vài mét đến hàng chục mét.

2 SÓNG THẦN Sóng thần là những cơn sóng cao ập đến với tốc độ rất nhanh. Sóng thần thường ập đến khi có động đất ngoài biển.

☉ Những điều cần chú ý ngay từ thường nhật

- ◆ Sóng thần có thể ập vào nhà, trường học, nơi làm việc. Hãy xác minh trước bằng bản đồ các khu vực nguy hiểm (trang 5).
- ◆ Khi xảy ra động đất và sóng thần, các thông tin cần chú ý, cảnh báo có sóng thần sẽ được phát trên tivi và radio.
- ◆ Hãy xác nhận trước xem mình sẽ chạy đi đâu thoát hiểm.

Trận động đất lớn tại Đông Nhật Bản
Ngày 11 tháng 3 năm 2011, tại vùng lân cận tỉnh Miyagi đã xảy ra một trận động đất cường độ 9,0, lớn nhất Nhật Bản từ trước đến nay. Trận động đất này đã gây nên một cơn sóng thần lớn trên 10 mét, làm chết khoảng 20000 người chết và mất tích. Trên 190.000 căn nhà bị phá hủy. Trên 400.000 người phải di tản sau các địa điểm trú ẩn.

☉ Những điều cần chú ý khi đi lánh nạn

- ◆ Trong trường hợp đang ở gần biển, hãy chạy trốn đến những nơi cao, cách xa biển.
- ◆ Hãy chú ý ngay cả khi xảy ra động đất nhỏ đi chẳng nữa.
- ◆ Sóng thần thì ập đến nhiều lần.
- ◆ Không được đến gần biển cho tới khi hết thông tin cảnh báo sóng thần / chú ý sóng thần.



☉ Trận động đất cực kỳ lớn Nankai Torafu (☉ trang 2)

- ◆ Nếu xảy ra trận động đất cực kỳ lớn Nankai Torafu, chắc chắn sẽ xảy ra sóng thần.



Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng trang 37, 38, 39, 40

*** Chuẩn bị đọc**

Câu hỏi (trang 37 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em biết gì về sao băng?

Trả lời:

- Sao băng là đường nhìn thấy của các thiên thạch và vãn thạch khi chúng đi vào khí quyển Trái Đất.

- Gặp sao băng ước một điều, điều ước sẽ trở thành hiện thực.

*** Trải nghiệm cùng văn bản**

1. Suy luận: Mục đích của đoạn văn này là gì?

- Mục đích của đoạn văn là giúp người đọc xác định được thế nào là sao băng và sao băng được hình thành như thế nào.

2. Theo dõi: Nội dung chính của đoạn văn này là gì?

- Nội dung chính của đoạn này là:

3. Xác định thông tin chính và thông tin chi tiết: Xác định thông tin chính và thông tin chi tiết của phần văn bản “Mỗi năm có rất nhiều ... 12-13 tháng 12”

- Thông tin chính: giới thiệu một số trận mưa sao băng có mật độ sao cao.

- Thông tin chi tiết: Cho biết tên gọi, ngày xuất hiện của mưa sao băng.

*** Suy ngẫm và phản hồi**

Nội dung chính: Văn bản cung cấp những thông tin cơ bản về sao băng, mưa sao băng, những trận sao băng nổi bật và giải thích chu kì xuất hiện của mưa sao băng.

Câu 1 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Văn bản Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng? có phải là văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên hay không? Vì sao?

Trả lời:

- Văn bản Sao băng là văn bản thông tin cho ta biết những thông tin cơ bản về sao băng như: nguồn gốc, vận tốc và kích thước của sao băng.

- Văn bản sao băng là văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên. Vì:

+ Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra sao băng, mưa sao băng.

+ Sử dụng các ngôn ngữ thuộc chuyên ngành thiên văn học để miêu tả hoạt động và giải thích hiện tượng.

+...

Câu 2 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Chỉ ra điểm khác biệt trong cách trình bày đề mục của văn bản Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng? với văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần? Cách trình bày ấy có tác dụng gì trong việc thực hiện mục đích của văn bản?

Trả lời:

* Điểm khác biệt trong cách trình bày đề mục của văn bản Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng? với văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần là:

- Văn bản: Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?

+ Giải thích sao băng là gì – Mưa sao băng là gì

+ Những trận mưa sao băng mỗi năm.

+ Giải thích vì sao mưa sao băng lại có chu kì.

- Văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần:

+ Giải thích sóng thần là gì?

+ Cơ chế hình thành sóng thần

+ Nguyên nhân xảy ra sóng thần

+ Dấu hiệu nhận biết sóng thần và các thảm họa sóng thần trong lịch sử.

* Cách trình bày ấy có tác dụng trong việc thực hiện mục đích của văn bản là: Giúp cho văn bản trở nên logic, mạch lạc và thuyết phục người đọc hơn.

Câu 3 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tóm tắt các thông tin cơ bản của văn bản. Dựa vào đâu em có thể xác định được những thông tin cơ bản này?

Trả lời:

- Tóm tắt thông tin cơ bản của văn bản:

+ Khái niệm về sao băng: Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào bầu khí quyển.

+ Khái niệm về mưa sao băng: là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện đồng thời hoặc nối tiếp nhau từ chung một điểm xuất phát trên bầu trời.

+ Những trận mưa sao băng mỗi năm: mưa Quadrantids, Eta Aquarids...

+ Chu kì của mưa sao băng: 1 năm.

- Dựa vào các đề mục của văn bản để xác định những thông tin cơ bản này.

Câu 4 (trang 40 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định cách trình bày thông tin của các đoạn văn sau và cho biết tác dụng của chúng:

a. Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch... tạo nên những hố lòng chảo sâu trên lục địa.

b. Mỗi năm có rất nhiều trận mưa sao băng... cực điểm vào 12-13/12.

c. Sao băng là sự xuất hiện ngẫu nhiên của các thiên thạch trên bầu trời... hầu hết các trận mưa sao băng có chu kì là một năm.

Trả lời:

a.

- Cách trình bày thông tin: theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

→ Tác dụng: Giúp người đọc, người nghe hiểu rõ và phân biệt được thế nào là sao băng và nguồn gốc cũng như đặc điểm của nó.

b.

- Cách trình bày thông tin: theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

→ Tác dụng: Giúp người đọc, người nghe xác định được tên gọi cũng như đối chiếu, phân tích được thời gian, địa điểm và vị trí diễn ra mưa sao băng.

c.

- Cách trình bày thông tin: theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

→ Tác dụng: Giúp người đọc, người nghe phân tích được sự xuất hiện cũng như xác định được hiện tượng chu kì của mưa sao băng.

Câu 5 (trang 40 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Văn bản đã sử dụng (những) loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Ý nghĩa của việc sử dụng (những) loại phương tiện ấy trong văn bản là gì?

Trả lời:

- Phương tiện phi ngôn ngữ văn bản đã sử dụng:

+ Hình ảnh giúp cho người đọc dễ dàng hình dung được hiện tượng muốn nói đến.

+ Số liệu giúp văn bản mang tính xác thực và chính xác hơn.

Câu 6 (trang 40 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):

Tìm và xem video clip về một trận mưa sao băng trên Internet. Sau đó, trình bày cảm xúc, suy nghĩ của em về video clip đó.

Trả lời:

- Video clip về một trận mưa sao băng: https://www.youtube.com/watch?v=Nw-N7DDH7v8&ab_channel=LuBi

- Cảm xúc, suy nghĩ của em về video clip trên: Sau khi xem clip trên em thấy rất ngạc nhiên và bất ngờ trước những vẻ đẹp kì thú của tự nhiên. Nó giúp em thấy được một vẻ đẹp kì vĩ, lấp lánh ánh sáng của bầu trời đêm với những vệt sáng tuyệt đẹp mà sao băng tạo ra.

Thực hành tiếng Việt trang 41

Câu 1 (trang 41 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):

Xác định cấu trúc của các đoạn văn sau và tìm câu chủ đề của mỗi đoạn văn (nếu có):

a. Nhiều người tin rằng, khi nhìn lên bầu trời và thấy sao băng, nếu nhanh chóng ước một điều gì đó thì điều đó chắc chắn sẽ trở thành sự thật. Một số quan niệm cho rằng, sao băng là một hình tượng đẹp và thường gắn liền với nhiều câu chuyện tình yêu.

(Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng)

b. Lúc đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông, tuy nhiên, nghiên cứu gần đây đã phát hiện ra rằng điều này không hoàn toàn đúng. Những nơi mà loài chim này di cư tới so với nơi chúng sinh ra đều có khí hậu ôn đới khá tương đồng tại cùng một thời điểm. Về mặt lí thuyết, nếu chúng ở lại nơi được sinh ra vào mùa đông thì điều kiện khí hậu ở đó cũng không ảnh hưởng nhiều và chúng vẫn có thể sống sót bình thường. Vậy tại sao chúng vẫn phải thực hiện một hành trình dài để di cư hằng năm? Về vấn đề này, các nhà khoa học vẫn cảm thấy bối rối và chưa thể tìm được câu trả lời.

(Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim)

c. Một trong những hành động góp phần bảo vệ môi trường là sử dụng các sản phẩm tái chế. Chúng ta có thể tái chế giấy, nhựa, báo, thủy tinh và lon nhôm... Bằng cách tái chế một nửa số rác thải sinh hoạt, mỗi người có thể giảm khoảng 1,2 tấn khí CO₂, mỗi năm vì việc đốt cháy rác thải làm tăng mức độ các-bon đi-ô-xít (carbon dioxide) trong khí quyển. Đây là tác nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính và sự nóng lên toàn cầu. Vì vậy, con người nên lựa chọn các sản phẩm tái chế để có thể góp phần bảo vệ môi trường.

(Theo Lan Anh tổng hợp, Mười biện pháp giảm thiểu sự nóng lên của Trái Đất, <https://kinhtemoitruong.vn>, ngày 9/9/2022)

d. Chúng ta có thể sử dụng bản đồ tư duy khi lập dàn ý cho bài viết. Với tư cách là một công cụ có hệ thống kích thích tư duy sáng tạo, bản đồ tư duy có thể tổ chức và hệ thống hóa những ý nghĩ lộn xộn, thiếu mạch lạc. Chính vì thế, bản đồ tư duy có thể hỗ trợ bạn xác định cần nói những gì và nói như thế nào để được hiệu quả nhất.

(1980 Books, Ứng dụng bản đồ tư duy trong học tập)

Trả lời:

a. Nhiều người tin rằng, khi nhìn lên bầu trời và thấy sao băng, nếu nhanh chóng ước một điều gì đó thì điều đó chắc chắn sẽ trở thành sự thật. Một số quan niệm cho rằng, sao băng là một hình tượng đẹp và thường gắn liền với nhiều câu chuyện tình yêu.

(Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng)

→ Đoạn văn song song

b. **Lúc đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông, tuy nhiên, nghiên cứu gần đây đã phát hiện ra rằng điều này không hoàn toàn đúng.** Những nơi mà loài chim này di cư tới so với nơi chúng sinh ra đều có khí hậu ôn đới khá tương đồng tại cùng một thời điểm. Về mặt lí thuyết, nếu chúng ở lại nơi được sinh ra vào mùa đông thì điều kiện khí hậu ở đó cũng không ảnh hưởng nhiều và chúng vẫn có thể sống sót bình thường. Vậy tại sao chúng vẫn phải thực hiện một hành trình dài để di cư hằng năm? Về vấn đề này, các nhà khoa học vẫn cảm thấy bối rối và chưa thể tìm được câu trả lời.

(Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim)

→ Đoạn văn diễn dịch

c. Một trong những hành động góp phần bảo vệ môi trường là sử dụng các sản phẩm tái chế. Chúng ta có thể tái chế giấy, nhựa, báo, thủy tinh và lon nhôm... Bằng cách tái chế một nửa số rác thải sinh hoạt, mỗi người có thể giảm khoảng 1,2 tấn khí CO₂, mỗi năm vì việc đốt cháy rác thải làm tăng mức độ các-bon đi-ô-xít (carbon dioxide) trong khí quyển. Đây là tác nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính và sự nóng lên toàn cầu. **Vì vậy, con người nên lựa chọn các sản phẩm tái chế để có thể góp phần bảo vệ môi trường.**

(Theo Lan Anh tổng hợp, Mười biện pháp giảm thiểu sự nóng lên của Trái Đất,

https: kinhtemoitruong.vn, ngày 9/9/2022)

→ Đoạn văn quy nạp

d. Chúng ta có thể sử dụng bản đồ tư duy khi lập dàn ý cho bài viết. Với tư cách là một công cụ có hệ thống kích thích tư duy sáng tạo, bản đồ tư duy có thể tổ chức và hệ thống hóa những ý nghĩ lộn xộn, thiếu mạch lạc. **Chính vì thế, bản đồ tư duy có thể hỗ trợ bạn xác định cần nói những gì và nói như thế nào để được hiệu quả nhất.**

(1980 Books, Ứng dụng bản đồ tư duy trong học tập)

→ Đoạn văn phối hợp

Câu 2 (trang 42 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Sắp xếp các câu dưới đây để tạo thành đoạn văn mạch lạc. Cho biết đoạn văn vừa sắp xếp thuộc kiểu đoạn văn nào mà em đã học.

(1) Khi những đợt sóng liên tiếp tràn vào các vùng vịnh, chúng bị bật ngược trở lại và gặp những đợt sóng liên tiếp theo gây ra sự cộng hưởng. (2) Hiệu ứng này có thể làm tăng sức mạnh và sự phá hủy của những đợt sóng thần lên gấp nhiều lần, khiến cho thiệt hại ở những khu vực có sự cộng hưởng lớn hơn rất nhiều so với những khu vực khác. (3) Một điểm nữa tạo nên những đợt sóng thần có sức mạnh khủng khiếp nhất đó là hiệu ứng cộng hưởng.

(Theo Sóng thần – cơn “giận dữ” của biển cả, <https://tuyenquang.gov>, ngày 16/3/2022)

Trả lời:

- Sắp xếp:

(3) Một điểm nữa tạo nên những đợt sóng thần có sức mạnh khủng khiếp nhất đó là hiệu ứng cộng hưởng. (2) Hiệu ứng này có thể làm tăng sức mạnh và sự phá hủy của những đợt sóng thần lên gấp nhiều lần, khiến cho thiệt hại ở những khu vực có sự cộng hưởng lớn hơn rất nhiều so với những khu vực khác. (1) Khi những đợt sóng liên tiếp tràn vào các vùng vịnh, chúng bị bật ngược trở lại và gặp những đợt sóng liên tiếp theo gây ra sự cộng hưởng.

→ Đoạn văn diễn dịch

Câu 3 (trang 42 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):

Viết câu chủ đề cho các đoạn văn sau:

a..... Khi tiếp xúc với không khí ô nhiễm trong một thời gian dài, làn da của chúng ta có nguy cơ bị lão hóa. Dấu hiệu nhận biết rõ nhất là sự xuất hiện của các đốm sắc tố và nếp nhăn trên da. Ngoài ra, ô nhiễm không khí còn là nguyên nhân gây khởi phát hoặc làm tăng nặng một số bệnh lí về da như viêm da dị ứng, viêm da cơ địa, mụn trứng cá, mề đay... Không chỉ vậy, ô nhiễm không khí còn làm cho một số bệnh về da kém đáp ứng điều trị, dễ tái phát, kéo dài và khó điều trị hơn.

(Nhóm biên soạn)

b. Trong bối cảnh nguồn nhiên liệu hóa thạch đang dần cạn kiệt vì bị khai thác quá độ như hiện nay thì việc tiết kiệm năng lượng góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, tiết kiệm năng lượng còn giúp giảm bớt chi phí sinh hoạt cho con người. Ngoài ra, khi nhiên liệu hóa thạch được đốt cháy ít hơn thì lượng khí thải CO₂ vào bầu khí quyển của Trái Đất cũng giảm đi, hạn chế sự nóng lên toàn cầu và các hiện tượng biến đổi khí hậu khác

.....

(Nhóm biên soạn)

Trả lời:

a. **Không khí là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến làn da của bạn.** Khi tiếp xúc với không khí ô nhiễm trong một thời gian dài, làn da của chúng ta có nguy cơ bị lão hóa. Dấu hiệu nhận biết rõ nhất là sự xuất hiện của các đốm sắc tố và nếp nhăn trên da. Ngoài ra, ô nhiễm không khí còn là nguyên nhân gây khởi phát hoặc làm tăng nặng một số bệnh lí về da như viêm da dị ứng, viêm da cơ địa, mụn trứng cá, mề đay... Không chỉ vậy, ô

nhiệm không khí còn làm cho một số bệnh về da kém đáp ứng điều trị, dễ tái phát, kéo dài và khó điều trị hơn.

(Nhóm biên soạn)

b. Trong bối cảnh nguồn nhiên liệu hóa thạch đang dần cạn kiệt vì bị khai thác quá độ như hiện nay thì việc tiết kiệm năng lượng góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, tiết kiệm năng lượng còn giúp giảm bớt chi phí sinh hoạt cho con người. Ngoài ra, khi nhiên liệu hóa thạch được đốt cháy ít hơn thì lượng khí thải CO₂ vào bầu khí quyển của Trái Đất cũng giảm đi, hạn chế sự nóng lên toàn cầu và các hiện tượng biến đổi khí hậu khác. **Chính vì vậy, chúng ta cần đưa ra các giải pháp để khai thác và sử dụng hóa thạch một cách phù hợp nhất.**

(Nhóm biên soạn)

Câu 4 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Viết đoạn văn (khoảng sáu đến tám câu) trình bày vai trò của máy vi tính đối với cuộc sống của chúng ta hiện nay. Xác định cấu trúc của đoạn văn đó.

Trả lời:

Đoạn văn tham khảo

Máy tính có rất nhiều lợi ích khác nhau và có rất nhiều công dụng giúp học sinh thông minh hơn, học giỏi hơn và sau đây tôi xin nêu một số lợi ích của máy tính. Máy tính có thể thực hiện các tác vụ thông thường với tốc độ nhanh hơn con người. Họ có thể thực hiện các phép tính phức tạp trong vài giây. Ví dụ, giáo viên có thể sử dụng máy tính để nhanh chóng lập danh sách điểm của học sinh thay vì lập bằng tay. Lợi ích "độ chính xác" thứ hai khi một việc gì đó được thực hiện thủ công luôn có khả năng xảy ra lỗi do con người. Máy tính có thể được sử dụng để thực hiện công việc theo cách đảm bảo độ chính xác khi dữ liệu đầu vào là chính xác. Tự động hóa: Có thể ra lệnh cho máy tính tự động thực hiện các tác vụ phức tạp.

→ Đoạn văn diễn dịch

Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim trang 46

*** Hướng dẫn đọc**

Nội dung chính: Văn bản giải thích lí do chim di cư và tại sao chim di cư lại bay theo đội hình chữ V.

- Văn bản giới thiệu lí do chim di cư và tại sao lại di cư theo đội hình chữ V.
- Sử dụng ngôn ngữ thuộc chuyên ngành sinh học để giải thích và miêu tả hoạt động.

Câu 2 (trang 46 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Văn bản đã trình bày (những) thông tin cơ bản nào? Các chi tiết trong văn bản đã góp phần hỗ trợ thể hiện (những) thông tin cơ bản ấy ra sao? Hãy lí giải.

Trả lời:

- Văn bản đã trình bày những thông tin cơ bản sau:
 - + Lí do loài chim di cư.
 - + Giới thiệu và miêu tả chi tiết về ngoại hình (mỏ, cánh, chân, dáng đứng), khu vực và quá trình di cư của loài chim Én-sân mơ-rơ-lít.
 - + Giải thích lí do loài chim di cư lại bay theo đội hình chữ V.
- Các chi tiết trong văn bản đã góp phần hỗ trợ truyền tải thông tin đến người đọc, người nghe một cách dễ dàng, chi tiết nhờ các số liệu, địa điểm cụ thể nhất.

Câu 3 (trang 46 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm thông tin cơ bản và thông tin chi tiết của đoạn văn sau: “Én-sân mơ-rơ-lít là một loài chim vô cùng kì lạ của chúng giống loài chim

sẽ... trên khắp Bắc Thái Bình Dương”. Vai trò của những thông tin chi tiết trong văn bản trên là gì?

Trả lời:

- Thông tin cơ bản: Giới thiệu về loài chim én-sân mơ-rơ-lít.
 - Thông tin chi tiết: Giới thiệu và miêu tả chi tiết về ngoại hình (mỏ, cánh, chân, dáng đứng), khu vực và quá trình di cư của loài chim én-sân mơ-rơ-lít.
- = > Vai trò của những thông tin chi tiết trong văn bản: giúp cho người đọc, người nghe hiểu được rõ nét hơn về loài chim én-sân mơ-rơ-lít: ngoại hình (mỏ, cánh, chân, dáng đứng), khu vực và quá trình di cư của loài chim này.

Câu 4 (trang 46 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định cách trình bày thông tin của đoạn trích: “Hằng năm cứ vào mùa đông, nhiều loài chim lại kéo nhau bay về phương nam để tránh rét và tìm kiếm thêm thức ăn... mỗi chiếc bay sau có thể tiết kiệm tối đa 18% lượng nhiên liệu”. Dựa vào đâu em có thể xác định như vậy?

Trả lời:

- Cách trình bày thông tin của đoạn trích:
Giải thích nguyên nhân vì sao loài chim lại di cư theo đội hình bay chữ V:
- + Diễn giải mục đích chính của việc bay theo đội hình chữ V.
 - + Lợi ích của việc bay theo đội hình chữ V.
- Dựa vào số liệu và kết quả nghiên cứu trong văn bản để xác định.

Câu 5 (trang 46 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản và cho biết tác dụng của chúng.

Trả lời:

Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản là:

- Hình ảnh: Giúp cho người đọc dễ dàng hình dung được đội hình bay chữ V của chim di cư.
- Số liệu: Giúp cho độ chính xác và tin cậy của văn bản cao hơn đối với người đọc và người nghe.

Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên trang 49

*** Khái niệm:**

Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thuộc kiểu văn bản thông tin, được viết để cung cấp thông tin cho người đọc về nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.

*** Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**

- Giới thiệu khái quát hiện tượng tự nhiên cần giải thích.
- Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.
- Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của đối tượng, mối quan hệ nhân quả hoặc so sánh, đối chiếu.
- Có thể dùng thông tin chi tiết, đề mục và các dấu hiệu hình thức (in đậm, in nghiêng, số thứ tự...) để làm nổi bật thông tin quan trọng.
- Có thể sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh...) để minh họa và làm nổi bật thông tin quan trọng.
- Trình bày mạch lạc, thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.
- Cấu trúc thường gồm ba phần:
 - + Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích.
 - + Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.

+ Phần kết thúc: có thể trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.

*** Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:**

Văn bản: Nhật thực và nguyệt thực khác nhau như thế nào?

Câu 1 (trang 49 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định bố cục của bài viết và nội dung chính của từng phần.

Trả lời:

- Bố cục 3 phần:

+ Phần mở đầu: Giới thiệu chung về hiện tượng tự nhiên muốn giải quyết.

+ Phần nội dung: Giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.

+ Phần kết bài: Tóm tắt nội dung đã giải thích.

Câu 2 (trang 49 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Các đề mục có mối quan hệ như thế nào với nhan đề? Nhận xét về hình thức trình bày nhan đề, các đề mục và tác dụng của chúng.

Trả lời:

- Các đề mục có mối liên hệ bổ sung chặt chẽ với nhan đề.

- Hình thức trình bày nhan đề và các đề mục: rõ ràng, dễ hiểu.

→ Tác dụng: giúp giải thích và diễn giải nội dung nhan đề muốn nhắc đến.

Câu 3 (trang 49 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tác giả in đậm những từ ngữ nào? Mục đích in đậm là gì?

Trả lời:

- Tác giả in đậm những từ ngữ: “nhật thực”, “nguyệt thực”.

→ Mục đích: nhấn mạnh và làm nổi bật nội dung văn bản muốn đề cập.

Câu 4 (trang 49 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tác giả chủ yếu chọn cách trình bày thông tin như thế nào trong bài viết trên? Dựa vào đâu em có thể xác định được như vậy? Hiệu quả của cách trình bày đó là gì?

Trả lời:

- Tác giả chủ yếu chọn cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh, đối chiếu.

Dựa vào các từ ngữ: “Tuy nhiên”, “sự khác nhau”.

→ Cách trình bày nhằm giúp cho người đọc, người nghe hiểu rõ và xác định chính xác đối tượng cần tìm hiểu, tránh sai lệch hiểu nhầm thông tin.

Câu 5 (trang 49 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ của bài viết.

Trả lời:

- Từ ngữ được sử dụng trong bài viết thuộc các từ ngữ chuyên ngành môn thiên văn học, dễ nghe, dễ hiểu và gần gũi với đời sống thường ngày.

Câu 6 (trang 49 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Bài viết đã sử dụng loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Chỉ ra hiệu quả và cách thức trình bày của loại phương tiện ấy trong văn bản.

Trả lời:

Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng: Hình ảnh

→ Giúp cho người đọc dễ hình dung và phân biệt được hai hiện tượng nguyệt thực và nhật thực được nhắc đến trong bài.

*** Hướng dẫn quy trình viết**

Đề bài (trang 49 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): **Trường em tổ chức tuần lễ “Nhà khoa học tương lai” để học sinh tìm hiểu về những bí ẩn của thế giới tự nhiên. Em hãy viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên mà bản thân quan tâm để tham gia tuần lễ này.**

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Đọc kĩ đề bài và xác định vấn đề, kiểu bài, độ dài của bài viết.

- Xác định mục đích viết, người đọc và mong đợi của họ về bài viết.
- Chọn nội dung trình bày và cách viết phù hợp.
- Tìm đọc tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn giải thích trên Internet, tạp chí... hoặc tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu.
- Tìm hiểu yêu cầu của các cuộc thi, các tờ báo, trang web mà bài viết cần đáp ứng.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Đọc kỹ tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em sẽ giải thích, đánh dấu những thông tin quan trọng...
- Ghi chép thông tin về hiện tượng tự nhiên trong quá trình đọc:
 - + Tên hiện tượng
 - + Thông tin về hiện tượng
 - + Kết quả của hiện tượng
- Dựa trên bố cục của bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và phiếu ghi chép, lập sơ đồ dàn ý cho bài viết.

Phần mở đầu	- Nêu tên hiện tượng tự nhiên - Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên
Phần nội dung	Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.
Phần kết thúc	Trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích.

Bước 3: Viết bài

- Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết chú ý:
 - + Đảm bảo cấu trúc ba phần của bài viết
 - + Đặt nhan đề giới thiệu tên của hiện tượng tự nhiên thu hút sự chú ý của người đọc.
 - + Tóm tắt thông tin quan trọng của từng đoạn/ phần bằng hệ thống các đề mục.
 - + Có thể đặt một số câu hỏi ở phần mở đầu và trả lời cho những câu hỏi đó ở các phần tiếp theo của bài viết tạo sự mạch lạc thu hút người đọc.
 - + Kết hợp các cách trình bày thông tin khác nhau: in đậm/ in nghiêng/ gạch chân... để làm nổi bật thông tin quan trọng.

Bài văn mẫu tham khảo:

Những điều cần biết về hiện tượng băng tan?

Hiện nay bên cạnh việc đối mặt với sự ô nhiễm trầm trọng của môi trường hay hiện tượng hiệu ứng nhà kính... thì Trái Đất của chúng ta còn đang phải đối mặt với một hiện tượng đáng lo ngại nữa đó chính là hiện tượng băng tan ở cả 2 cực (Bắc cực và Nam cực). Biến đổi khí hậu trên trái đất khiến băng tan nhanh chóng và mực nước biển dâng cao. Việc này vô cùng nghiêm trọng. Thậm chí có thể khiến nhiều thành phố ven biển biến mất. Trong đó có cả những thành phố thuộc Việt Nam.

Nguyên nhân của hiện tượng băng tan

Nguyên nhân tự nhiên

Trái Đất nóng lên toàn cầu là do việc phát thải lượng lớn khí metan quá mức cho phép ở ngưỡng giới hạn nhất định từ Bắc Cực và các vùng đất ẩm ướt. Mà khí metan chính là loại khí nhà kính giữ nhiệt.

Hiện tượng núi lửa phun trào cũng là một trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng băng tan. Bởi với khối lượng hàng tấn tạo thành tro bụi mỗi lần phun trào. Đây chính là 1 trong những nguyên nhân làm cho khí hậu nóng lên toàn cầu.

Đặc biệt, khi nhiệt độ trung bình của Trái Đất nóng lên thì sẽ làm cho lượng băng ở Nam Cực và Bắc Cực tan ra. Khi lượng băng tan thì sẽ làm lộ ra lớp băng CO2 vĩnh cửu. Lớp

băng này sẽ bắt đầu tham gia vào quá trình tuần hoàn CO₂ trên Trái Đất. Khi đó, cây xanh sẽ ngày càng ít đi, không có khả năng để điều hòa lượng khí CO₂. Vì lượng khí lúc này đã quá tải, vượt quá mức giới hạn của tự nhiên nên Trái Đất càng ngày càng nóng lên. Và cuối cùng lại lặp lại một chu kì như trên.

Nguyên nhân nhân tạo

Nguyên nhân gây ra hiện tượng trên chủ yếu là do con người. Con người hoạt động công nghiệp xả khí thải ra môi trường, hoạt động giao thông, chặt phá rừng bừa bãi, làm khí hậu toàn cầu bị biến đổi. Các khí nhà kính bị tích lũy quá nhiều mà chủ yếu là metan và CO₂. Theo đó, những khí này khi thải vào khí quyển sẽ ngăn bức xạ mặt trời phản xạ ra ngoài làm cho nhiệt độ trái đất tăng lên. Một số nguyên nhân cụ thể như:

- Quá trình công nghiệp hóa

+ Do sự phát triển nhanh chóng như vũ bão của khoa học công nghệ. Cùng sự phát triển của nền kinh tế nên nhiều nhà máy xả thải trực tiếp và phun khí thải vào môi trường. Số lượng phương tiện từ xe cộ (xe máy, xe đạp, ô tô...) cũng đã thải ra một lượng lớn khí CO₂.

+ Các hoạt động đốt cháy nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí đốt, than đá...). Cùng các loại khí thải khác nên lượng nhiệt bị giữ lại ở bầu khí quyển.

+ Khi lượng khí CO₂ có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào. Làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất.

- Rừng bị tàn phá

+ Nếu như khí CO₂ thải ra thì theo quy luật tự nhiên sẽ được cây xanh quang hợp. Để cung cấp lượng oxi cần thiết cho con người. Tuy nhiên, số lượng cây xanh đã bị tàn phá hết nên đã không thể phân giải hết lượng khí CO₂ trong môi trường. Khiến cho Trái Đất càng ngày càng nóng lên rõ rệt.

+ Diện tích rừng bị tàn phá ngày càng rộng nên tia nắng Mặt Trời chiếu xuống Trái Đất không có tầng lá xanh của cây chặn lại. Nên khi chiếu xuống mặt đất sẽ hình thành nên những vùng đất khô cằn, nóng như hoang mạc. Mùa mưa không có rừng để giữ nước lại nên sẽ gây lũ lụt còn mùa khô thì xảy ra hạn hán.

Điều đó gây nên những thay đổi về khí hậu làm ảnh hưởng rất nhiều đến môi trường sống, bầu khí quyển và khí hậu nói chung. Không những thế nó còn làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Và tác động trực tiếp đến đời sống của con người.

Hậu quả khí băng tan

- Biến đổi khí hậu

Khoảng hàng trăm triệu tấn khí metan, đang bị nhốt dưới tầng đóng băng vĩnh cửu ở Bắc Cực. Một trong những mối lo ngại lớn nhất là: hiện tượng băng tan vào mùa hè ở biển Bắc Cực, và nhiệt độ gia tăng nhanh chóng trên toàn bộ khu vực, sẽ làm cho lượng khí metan không lồ đang bị mắc kẹt có thể bất ngờ phát thải vào khí quyển, dẫn đến sự biến đổi khí hậu (trên phạm vi toàn cầu) nhanh chóng và nghiêm trọng.

- Nắng nóng kéo dài

Các đợt nắng nóng kéo dài khiến đất đai khô cằn, gây ra tình trạng khan hiếm nước sạch, cháy rừng lan rộng mất kiểm soát, bão bụi và lũ quét. Ở nhiều nơi trên thế giới, việc thiếu nước dẫn tới bệnh dịch nghiêm trọng. Trái lại, mưa lớn khiến sông hồ tràn nước, phá hủy nhà cửa. Làm nguồn nước uống nhiễm bẩn, rác thải lan tràn và không khí ô nhiễm. Đồng thời, điều kiện nóng ẩm cũng tạo thuận lợi cho bệnh dịch lây lan qua nước và thức ăn phát triển.

- Ảnh hưởng tới tàu thuyền qua lại trên biển

Hiện tượng băng tan sẽ tạo nên những tảng băng lớn. Làm ảnh hưởng tới tàu thuyền qua lại. Khi các con thuyền đi trên biển và phải các tảng băng trôi cò kích thước lớn sẽ làm tàu bị hư hỏng nặng. Thậm chí có thể bị nhấn chìm.

- Mức nước biển dâng cao

Các nhà khoa học đã tính toán rằng, khi toàn bộ băng trên hành tinh tan chảy vì biến đổi khí hậu. Mức nước biển sẽ tăng lên 65m. Có thể dẫn đến hiện tượng “biển lấn” – nước biển xâm nhập sâu vào trong đất liền. Dẫn đến tình trạng các vùng đất ven biển, ven sông nhiễm mặn ngày càng nhiều. Đặc biệt, nó còn thiếu cả nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt. Hơn nữa các đảo, quần đảo và các vùng ven biển cũng có thể sẽ bị nhấn chìm, con người sẽ mất đất, mất nhà.

Bên cạnh đó, nước biển cũng có độ axit cao hơn, phần lớn là do hấp thụ khí thải. Nếu nồng độ này tiếp tục tăng lên, hệ sinh vật dưới biển sẽ phải đối mặt với nguy cơ diệt vong lớn. Nhất là các loài có vỏ hoặc xương như thân mềm, cua, san hô,...

- Ảnh hưởng tới động vật

Nhiệt độ trái đất hiện nay đang làm cho các loài sinh vật biển mất hoặc có nguy cơ tuyệt chủng. Do mất môi trường sống vì đất bị hoang hóa, do nạn phá rừng và do nước biển ấm lên. Khoảng 50% các loài động thực vật sẽ đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng vào năm 2050. Nếu nhiệt độ trái đất tăng thêm từ 1,1 đến 6,4 độ C nữa. Ví dụ như là loài cáo đỏ, trước đây chúng thường sống ở Bắc Mỹ thì nay đã chuyển lên vùng Bắc cực.

- Tác động của băng tan tới con người

Và con người cũng không thể nào tránh được những hậu quả mà chính họ góp phần tạo nên. Ví dụ như bệnh dịch, thiên tai, mùa màng thất bát,... Chúng đã, đang và sẽ ảnh hưởng tới đời sống của nhân loại. Nhân loại sẽ phải đối mặt với khó khăn lớn đe dọa tới sự sống trên Trái Đất.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra chất lượng bài viết:

Bảng kiểm kỹ năng viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Phần mở đầu	Nêu tên của hiện tượng tự nhiên		
	Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên		
Phần nội dung	Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên.		
	Trình bày trình tự diễn ra của hiện tượng tự nhiên		
Phần kết thúc	Trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích.		
Hình thức	Có nhan đề và các đề mục, các đề mục nêu được thông tin chính của phần/ đoạn bài viết.		
	Sử dụng hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ các thông tin quan trọng		
	Kết hợp (các) cách trình bày thông tin.		
	Dùng động từ miêu tả hoạt động/ trạng thái và một số từ ngữ chuyên ngành.		
	Đặt tên cho các phương tiện trực quan và trích dẫn nguồn (nếu có).		
	Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.		

- Đọc lại bài viết từ góc độ người đọc và trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết này có thú vị, rõ ràng, dễ hiểu hay không?
2. Bài viết cần điều chỉnh những gì?

- Sau khi kiểm xong, tiếp tục điều chỉnh bài thơ. Hoạt động này có thể được lặp đi lặp lại nhiều lần.
- Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình, với bạn bè và với bất cứ ai mà em muốn.

Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó trang 51

*** Đề bài (trang 51 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em được giao nhiệm vụ tham gia cuộc thảo luận về chủ đề “Thiên nhiên có vai trò gì đối với cuộc sống con người?” và có trách nhiệm ghi chép nội dung thảo luận để trình bày lại cho các bạn nghe.**

*** Hướng dẫn:**

Bước 1: Chuẩn bị nghe

- Tìm hiểu kĩ về đề tài thảo luận, trao đổi của nhóm.
- Liệt kê những gì em đã biết và muốn biết thêm về đề tài này
- Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.

Bước 2: Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính

- Tập trung lắng nghe nội dung trao đổi giữa các thành viên trong nhóm
- Tránh ngắt lời người nói
- Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt nội dung chính của người nói.
- Quan sát nét mặt, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người nói để hiểu quan điểm của họ về vấn đề đang trao đổi.
- Ghi ngắn gọn những vấn đề có nhiều ý kiến trao đổi, những vấn đề nhóm đã hoặc chưa thống nhất bằng từ khóa, cụm từ, kí hiệu...
- Ghi tóm tắt ý kiến/ quan điểm cá nhân, những vấn đề cần trao đổi thêm với nhóm.

Bước 3: Trình bày lại những nội dung chính đã trao đổi, thảo luận

- Trước khi trình bày, em nên:
 - + Xác định lại với các thành viên nhóm về nội dung em đã tóm tắt, ghi chép và điều chỉnh (nếu có)
 - + Xác định rõ mục đích, người nghe, không gian và thời gian trình bày lại nội dung của cuộc trao đổi, thảo luận.
 - + Đọc lại, sắp xếp các nội dung đã ghi chép theo một trình tự hợp lí để thuận tiện cho việc trình bày và phản ánh chính xác, đầy đủ nội dung cốt lõi, mối tương quan giữa các ý kiến của cuộc trao đổi, thảo luận.
- Khi trình bày lại nội dung của cuộc trao đổi, thảo luận, em cần:
 - + Làm rõ: vấn đề nhóm đã trao đổi, vấn đề được nhiều người quan tâm, kết quả trao đổi, thảo luận.
 - + Diễn đạt rõ ràng, ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu.
- Sau khi trình bày, em nên:
 - + Chú ý lắng nghe, phản hồi của người nghe.
 - + Giải đáp, trao đổi về những nội dung đã trình bày.
- Sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá kĩ năng nghe và trình bày của bản thân.

Bảng kiểm kĩ năng nghe, nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
	Tìm hiểu thông tin về đề tài trao đổi, thảo luận của nhóm		

Chuẩn bị nghe	Liệt kê những gì em đã biết và muốn biết thêm về đề tài.		
	Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép		
	Không ngắt lời người nói		
	Quan sát nét mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người nói.		
	Tóm tắt nội dung trao đổi bằng các từ khóa, cụm từ, kí hiệu, sơ đồ...		
	Ghi lại ý kiến/ quan điểm cá nhân về những vấn đề được trao đổi.		
	Ghi lại câu hỏi về những vấn đề em chưa hiểu rõ		
	Đọc lại phần ghi chép tóm tắt và chỉnh sửa (nếu có)		
Trình bày lại nội dung trao đổi, thảo luận	Làm rõ (những) vấn đề nhóm đã trao đổi; (những) vấn đề được nhiều người quan tâm, kết quả trao đổi, thảo luận; (những) băn khoăn của nhóm cần được tiếp tục xem xét, tìm hiểu, suy nghĩ.		
	Diễn đạt rõ ràng, ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu.		
	Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi		

Ôn tập trang 54

Câu 1 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Trình bày đặc điểm của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

Trả lời:

Đặc điểm của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên:

- Viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.
- Có cấu trúc thường gồm 3 phần:
 - + Phần mở đầu: giới thiệu khái quát hiện tượng và quá trình xảy ra hiện tượng trong thế giới tự nhiên.
 - + Phần nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng.
 - + Phần kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.
- Các từ ngữ sử dụng trong văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thường thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa lí, sinh học...) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái, từ ngữ miêu tả trình tự.

Câu 2 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tóm tắt hai văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần? và Sao băng là gì và những điều cần biết về sao băng? theo các nội dung sau: mục đích viết, nội dung chính, cấu trúc, cách trình bày thông tin, nhan đề và đề mục, thông tin cơ bản và một số thông tin chi tiết, phương tiện phi ngôn ngữ.

Trả lời:

- Bạn đã biết gì về sóng thần?
- + Mục đích viết: Để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sóng thần.
- + Nội dung chính: Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sóng thần.
- + Cấu trúc: 3 phần

Mở bài: giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra hiện tượng sóng thần.

Nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sóng thần.

Kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng sóng thần.

+ Cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

+ Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.

- Sao băng là gì và những điều cần biết về sao băng?

+ Mục đích viết: Để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sao băng và mưa sao băng.

+ Nội dung chính: Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sao băng và mưa sao băng.

+ Cấu trúc: 3 phần

Mở bài: giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tượng mưa sao băng.

Nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sao băng và mưa sao băng.

Kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng.

+ Cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

+ Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.

Câu 3 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định cấu trúc và câu chủ đề (nếu có) của đoạn văn sau:

Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất. Họ đã đưa sen vào ca dao biết bao nhiêu lần, mỗi lần một cách, mà lần nào cũng hay, cũng đẹp. Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng, ẩn dụ thì hình tượng sen trong nhiều bài ca dao nói chung, cũng như câu “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” nói riêng, đã phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam từ ngàn đời nay.

(Theo Hoàng Tiến Lữ, Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”)

Trả lời:

- Câu chủ đề: Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất

- Cấu trúc: diễn dịch.

Câu 4 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Khi viết văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên, cần lưu ý điều gì?

Trả lời:

Khi viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên cần lưu ý:

- Văn bản viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.

- Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thường có cấu trúc gồm 3 phần:

+ Phần mở đầu: giới thiệu khái quát hiện tượng và quá trình xảy ra hiện tượng trong thế giới tự nhiên.

+ Phần nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng.

+ Phần kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.

- Các từ ngữ được sử dụng trong văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên phải thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa lí, sinh học...) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái, từ ngữ miêu tả trình tự.

Câu 5 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Chia sẻ những kinh nghiệm em đã thu nhận được về cách nắm bắt nội dung chính khi thảo luận nhóm và trình bày lại những nội dung ấy một cách hiệu quả.

Trả lời:

Những kinh nghiệm em đã thu nhận được về cách nắm bắt nội dung chính khi thảo luận nhóm và trình bày lại những nội dung ấy một cách hiệu quả là:

- Đưa ra ý kiến cá nhân.

- Tiếp thu, lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm.
- Tham khảo sách báo và những tài liệu có liên quan đến nội dung trình bày.
- Trình bày tự tin

Câu 6 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Từ những điều đã học trong bài học này, em hãy trả lời câu hỏi: Sự kì bí của thế giới tự nhiên gợi cho em những suy nghĩ gì?

Trả lời:

Sự kì bí của thế giới tự nhiên gợi cho em những suy nghĩ:

- Là nơi chứa đựng nhiều bí mật thú vị, bất ngờ của thế giới tự nhiên.
- Chúng ta cần phải đầu tư phát triển ngành khoa học thiên văn để tìm hiểu và phát hiện những điều mới mẻ và đẹp đẽ hơn của thế giới tự nhiên.

Tri thức ngữ văn trang 56

1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.
- Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.

2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận

- Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.
- Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.
- Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:

Bằng chứng khách quan	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện...	Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy... hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.
Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.	Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.

3. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt

- Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:
 - + Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ...
 - + Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng...
 - + Tuyệt (dứt, hết...): tuyệt bút, tuyệt nhiên...
 - + Vô (không, không có): vô bổ, vô tận...

Bức thư của thủ lĩnh da đỏ trang 58, 59, 60, 61, 62

* Chuẩn bị đọc

Câu hỏi (trang 58 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Theo em, vì sao thiên nhiên được ví như bà mẹ của muôn loài?

Trả lời:

Thiên nhiên được ví như bà mẹ của muôn loài vì: Tất cả muôn loài kể cả con người đều được thiên nhiên nuôi dưỡng trong hàng triệu năm để có được như bây giờ.

* Trải nghiệm cùng văn bản

1. Suy luận: Các hình ảnh so sánh, liên tưởng trong đoạn văn này gợi ý nghĩa gì?

- Các hình ảnh so sánh, liên tưởng trong đoạn văn này cho ta thấy mảnh đất và con người nơi đây như hòa chung cùng một nhịp, mang ý nghĩa như tình thân gia đình.

2. Suy luận: Việc lặp lại giả định “Nếu... bán cho Ngài mảnh đất này” có ý nghĩa gì?

- Việc lặp lại giả định “Nếu... bán cho Ngài mảnh đất này” có ý nghĩa nhấn mạnh mảnh đất này là mảnh đất vô cùng thiêng liêng và quý trọng đối với người dân nơi đây, nếu ngài của mua nó hãy tôn trọng và giữ gìn nó như cách mà họ đã và đang làm.

* Suy ngẫm và phản hồi

Nội dung chính: Qua bức thư trả lời yêu cầu mua đất của Tổng thống Mĩ Phrenghlin, thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tơn, tác giả đã đặt ra một vấn đề có ý nghĩa toàn nhân loại: Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của mình.

Câu 1 (trang 61 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản.

Trả lời:

Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản là:

- Luận điểm 1: Những điều thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ

+ Lí lẽ, bằng chứng:

- Mảnh đất là người mẹ, bông hoa là người chị, người em.
- Dòng nước là máu của tổ tiên.
- Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.

- Luận điểm 2: Những lo lắng của người da đỏ nếu bán đất cho người da trắng

+ Lí lẽ, bằng chứng:

- Họ sẽ lấy đi trong lòng đất những gì họ cần.
- Lòng thèm khát của họ sẽ ngẫu nhiên đất đai.
- Họ chẳng để ý đến bầu không khí mà họ hít thở.

- Luận điểm 3: Kiến nghị của người da đỏ

+ Lí lẽ, bằng chứng:

- Phải biết quý trọng đất đai.
- Hãy khuyến bảo chúng đất là mẹ.

Câu 2 (trang 61 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Văn bản chủ yếu hướng đến luận đề nào dưới đây? Lí giải vào hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng của văn bản.

a. Hồi đáp lời đề nghị mua đất của Tổng thống Mĩ.

b. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.

Trả lời:

Văn bản chủ yếu hướng đến luận đề: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Vì:

- Luận điểm 1: Những điều thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ

+ Lí lẽ, bằng chứng:

- Mảnh đất là người mẹ, bông hoa là người chị, người em.
- Dòng nước là máu của tổ tiên.

- Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.
- Luận điểm 2: Những lo lắng của người da đỏ nếu bán đất cho người da trắng
- + Lí lẽ, bằng chứng:
 - Họ sẽ lấy đi trong lòng đất những gì họ cần.
 - Lòng thèm khát của họ sẽ ngẫu nhiên đất đai.
 - Họ chẳng để ý đến bầu không khí mà họ hít thở.
- Luận điểm 3: Kiến nghị của người da đỏ
- + Lí lẽ, bằng chứng:
 - Phải biết quý trọng đất đai.
 - Hãy khuyên bảo chúng đất là mẹ.

Câu 3 (trang 61 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Phân tích mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.

Trả lời:

- Luận đề thể hiện ngay trong nhan đề văn bản là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận.
- Luận điểm là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.
- Luận đề được làm sáng tỏ bằng hệ thống luận điểm và các lí lẽ, bằng chứng.

Câu 4 (trang 61 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em hãy xác định câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn trích sau:

Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần, chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhà khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú?

Trả lời:

Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn trích là: Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác.

Câu 5 (trang 62 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):

Em hiểu như thế nào về ý kiến: “Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất”? Tìm một số ví dụ từ thực tế để chứng minh cho cách hiểu của em.

Trả lời:

- Em hiểu ý kiến: “Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất” có nghĩa là:

Đất là “Mẹ” bao dung, ban cho “những đứa con” của đất là chúng ta cái “tổ sống”: trú ngụ, trồng trọt... “Những đứa con” của đất khi đó chỉ biết dựa vào bà mẹ thiên nhiên của mình để sinh tồn: nơi để trú ngụ, để trồng trọt, chăn nuôi tạo nên mùa màng hoa trái, cảnh quan thiên nhiên để con người thường ngoạn...

- Một số ví dụ thực tế chứng minh:

- + Có đất chúng ta mới có thể xây nhà làm nơi sinh sống, trú ngụ.
- + Có đất mới có thể trồng trọt từ đó có cái ăn cái uống.
- + Nếu đất hư hại sẽ dẫn đến lũ lụt, sạt lở... khiến cuộc sống con người bị đe dọa.
- +...

Câu 6 (trang 62 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Đoạn văn nào trong bức thư để lại cho em ấn tượng mạnh nhất? Chia sẻ ấn tượng của em với các bạn trong lớp.

Trả lời:

- Đoạn văn trong bức thư để lại cho em ấn tượng mạnh nhất là: “Không khí quả là quý giá với người da đỏ... hương hoa đồng cỏ”.

→ Đọc đến đoạn này chúng ta càng hiểu rõ hơn về sự giao thoa giữa con người và thiên nhiên, mối quan hệ gắn bó tưởng chừng như không thể tách rời ấy đã động vào trái tim của người đọc, người nghe một cảm xúc thiêng liêng khó tả.

Câu 7 (trang 62 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):

Theo em, con người cần ứng xử như thế nào với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài? Trình bày ý kiến của em về vấn đề này bằng một đoạn văn khoảng 150 chữ.

Trả lời:

Đoạn văn tham khảo

Từ xa xưa, thiên nhiên đã là người bạn tuyệt vời nhất và có tầm quan trọng vô cùng đặc biệt với con người. Con người cũng không phụ lòng thiên nhiên khi đã cùng chung tay thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài thú hiếm, giúp chúng không rơi vào nguy cơ tuyệt chủng. Hiện nay, không ít hoạt động trồng cây xanh ven đường, trồng cây xanh-sạch-đẹp được các tổ chức cộng đồng, đặc biệt là được các bạn học sinh tham gia rất nhiệt tình. Cũng bên cạnh đó, có nhiều tổ chức Bảo vệ động vật quý hiếm được lập ra để đảm bảo sự an toàn cũng như ngăn chặn các hành vi săn bắt, buôn bán trái phép của bọn người buôn lậu. Mỗi ngày trôi qua, ở đâu đó lại xuất hiện những hành vi gây ảnh hưởng xấu đến môi trường thiên nhiên như hiện tượng lâm tặc đốn cây rừng, buôn bán gỗ trái phép, ngang nhiên tàn hại các loài thú quý hiếm. Thật đáng xấu hổ, họ chỉ biết hành động vì lợi ích cá nhân, mà không nghĩ đến rằng việc làm đó còn ảnh hưởng sâu sắc đến việc tàn phá môi trường. Là học sinh, tôi luôn có ý thức về sự quan trọng của môi trường đối với đời sống con người. Để thể hiện rõ tình yêu thiên nhiên, tôi và cũng như tất cả mọi người cần chung tay nhau giúp sức, tuyên truyền cho những người xung quanh mình biết về lợi ích của thiên nhiên khi chúng được bảo vệ và tác hại khi chúng ta phá hoại đi tài sản ấy. Vì sự sống của hành tinh này, chúng ta cần biết khai thác, sử dụng hợp lí cũng như bảo tồn, giữ gìn thiên nhiên để nó trở thành một trong những tài sản quý giá nhất của con người chúng ta.

Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu trang 62, 63, 64, 65

*** Chuẩn bị đọc**

Câu hỏi (trang 62 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Ghi lại một vài cảm nhận của em khi đọc bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh (Ngữ Văn 7, tập một, Bộ sách Chân trời sáng tạo) trước khi đọc văn bản này.

Trả lời:

Cảm nhận của em khi đọc bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh: Nội dung bài thơ cho thấy những rung động man mác, băng khuâng của tác giả trước vẻ đẹp và sự biến đổi của thiên nhiên: hương ổi phả, sương thu chùng chình, sông dềnh dàng, mây vội vã...

*** Trải nghiệm cùng văn bản**

1. Theo dõi: Việc nêu ba câu hỏi liên tiếp có tác dụng gì?

- Việc nêu ba câu hỏi liên tiếp như vậy có tác dụng nhấn mạnh tâm trạng bất ngờ, đột ngột.

2. Suy luận: Em hiểu thế nào về nhận xét “khổ thứ ba là cái gốc của câu thơ đó”? - “Khổ thứ ba là cái gốc của câu thơ đó” vì ở khổ thơ này tác giả bộc lộ toàn bộ tâm tư, tình cảm cũng như kinh nghiệm của tác giả, nó là cái nền để hai khổ thơ trên khoe sắc và tỏa hương.

*** Suy ngẫm và phản hồi**

Nội dung chính: Văn bản là lời cảm nhận sâu sắc của tác giả Vũ Nho đối với thiên nhiên và hồn người trong bài thơ Sang Thu. – Hữu Thỉnh.

Câu 1 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ bằng chứng của văn bản.

Trả lời:

- Cảm nhận của tác trong khổ thơ thứ nhất và thứ 2: Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác.

+ Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.

+ Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ”.

+ Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.

- Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3.

+ Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.

+ Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi.

Câu 2 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nêu luận đề của văn bản. Dựa trên cơ sở nào em xác định như vậy?

Trả lời:

- Luận đề của văn bản: Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu. Dựa vào những luận điểm, luận cứ đã nêu ở câu 1.

Câu 3 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Phân tích mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.

Trả lời:

- Luận đề thể hiện ngay trong nhan đề văn bản là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận.

- Luận điểm là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

- Luận đề được làm sáng tỏ bằng hệ thống luận điểm và các lí lẽ, bằng chứng.

Câu 4 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn sau:

Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu của mình trong những vần thơ đượm một vẻ riêng trong trẻo. Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh, Nguyễn Đình Thi... đều có những câu thơ, bài thơ tuyệt đẹp. Đến lượt mình, Hữu Thỉnh lại làm cho mùa thu có thêm hương sắc mới.

Trả lời:

- Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết trong đoạn văn trên là: Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu của mình trong những vần thơ đượm một vẻ riêng trong trẻo.

- Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn văn trên là: Đến lượt mình, Hữu Thỉnh lại làm cho mùa thu có thêm hương sắc mới.

Câu 5 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em có đồng ý với nhận định “Nhan đề Sang thu vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cảnh vật” hay không? Vì sao?

Trả lời:

- Em có đồng tình với nhận định “Nhan đề Sang thu vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cảnh vật” vì:

Nhan đề bài thơ Sang thu thể hiện cách lựa chọn khoảnh khắc thời gian, bắc cầu giữa cái không và cái có. Chính cảm giác mơ hồ, tinh tế đã chuyên chở cho tâm hồn thu theo cách của mùa thu. Nhạy cảm, nhẹ nhàng, vừa lạ vừa quen, nó đã đánh thức nơi ta những gì da diết nhất. “Sang thu” còn là của đời người. Đời người sang thu (sang tuổi xế chiều) nhiều từng trải, vừng vàng hơn trước những biến động của cuộc đời.

Câu 6 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Viết đoạn văn (từ bảy đến chín câu) để trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên lúc giao mùa.

Trả lời:

Đoạn văn tham khảo

Nhịp sống chậm rãi khiến em cảm nhận sâu sắc khoảnh khắc tiết trời chuyển mình từ cuối hạ sang đầu thu. Còn đâu những trưa hè nắng đổ lửa, dát vàng những con đường. Thay vào đó là tia nắng êm dịu, chờn vờn từng góc phố, hàng cây. Gió heo may bao trùm khắp con ngõ nhỏ. Không khí se lạnh khiến mọi người phải vội tìm cho mình một chiếc áo khoác mỏng, một bàn tay ấm, một cái ô lâu. Thiên nhiên, con người như hòa quyện vào nhau. Chính bởi vậy, em càng yêu và say đắm khoảnh khắc chớm thu.

Bài ca Côn Sơn trang 66

*** Suy ngẫm và phản hồi**

Nội dung chính: Văn bản ca ngợi bức tranh thiên nhiên và con người giao hòa. Ca ngợi vẻ đẹp thanh tĩnh, nên thơ của Côn sơn, qua đó bộc lộ cốt cách thanh cao, tâm hồn thi sĩ của Nguyễn Trãi.

Câu 1 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn câu thơ đầu.

Trả lời:

- Điệp từ “Côn Sơn”

Tác dụng: Nhấn mạnh miêu tả thiên nhiên ở Côn Sơn

- So sánh: “như tiếng đàn cầm”, “như chiếu êm”

Tác dụng: ra khung cảnh thiên nhiên lâu đời, nguyên thủy, tạo ra cảm giác thanh cao, mát mẻ, trong lành.

Câu 2 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nhân vật “ta” trong đoạn trích có thể là ai?

Trả lời:

- Nhân vật “ta” trong đoạn trích có thể là nhân vật trữ tình hoặc chính là tác giả.

Câu 3 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm các chi tiết miêu tả thiên nhiên và nhân vật “ta” trong đoạn thơ, từ đó nhận xét về mối quan hệ giữa thiên nhiên và nhân vật “ta”.

Trả lời:

- Sử dụng điệp từ, đại từ nhân xưng “ta” nhằm nhấn mạnh sự có mặt của “ta” ở mọi cảnh đẹp của Côn Sơn.

- Sử dụng hàng loạt các động từ khẳng định tư thế làm chủ của con người trước thiên nhiên: Ta nghe, ta ngồi, ta nằm, ta ngâm thơ nhàn...

⇒ Nhân vật trữ tình thả hồn mình, sống cuộc sống thanh cao, hòa mình vào giữa khung cảnh thiên nhiên Côn Sơn

⇒ Ca ngợi sức sống thanh cao, hòa hợp giữa con người với thiên nhiên.

Câu 4 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em cảm nhận thế nào về hình ảnh và tâm hồn của nhân vật “ta” trong đoạn thơ?

Trả lời:

- Hình ảnh thiên nhiên khoáng đạt, tươi đẹp, hấp dẫn cùng tâm hồn thanh cao, hòa mình vào thiên nhiên của nhân vật “ta” giúp cho bức tranh thiên nhiên như một người bạn tri âm, tri kỉ.

Thực hành tiếng Việt trang 66

Câu 1 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm thêm những từ Hán Việt để điền vào bảng sau và giải thích ý nghĩa của chúng (làm vào vở):

STT	Yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt
1	vô (không)	vô tình...
2	hữu (có)	hữu tình...
3	hữu (bạn)	thân hữu...
4	lạm (quá mức)	lạm thu...
5	tuyệt (tốt độ, hết mức)	tuyệt sắc...
6	tuyệt (dứt, hết)	tuyệt giao...
7	gia (thêm vào)	gia vị...
8	gia (nhà)	gia phong...
9	chinh (đánh dẹp)	chinh phạt...
10	chinh (đi xa)	chinh nhân...

Trả lời:

STT	Yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt
1	vô (không)	vô tình, vô sự, hư vô...
2	hữu (có)	hữu tình, hữu ý, hữu duyên...
3	hữu (bạn)	thân hữu, bằng hữu...
4	lạm (quá mức)	lạm thu, lạm phát, lạm dụng...
5	tuyệt (tốt độ, hết mức)	tuyệt sắc, tuyệt đối...
6	tuyệt (dứt, hết)	tuyệt giao, tuyệt tình, tuyệt tôn...
7	gia (thêm vào)	gia vị, gia tăng...
8	gia (nhà)	gia phong, gia đình, ...
9	chinh (đánh dẹp)	chinh phạt, chinh chiến...
10	chinh (đi xa)	chinh nhân, viễn chinh...

Câu 2 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Đặt ba câu với ba từ Hán Việt tìm được ở bài tập 1.

Trả lời:

- Phong cảnh nơi đây thật hữu tình.
- Dân số nước ta đang gia tăng chóng mặt.

- Kỳ thi này bạn Nguyễn Văn A đã đạt điểm tuyệt đối tất cả các môn.

Câu 3 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:

a. Bức tranh thu từ những gì **vô hình** (hương, gió), từ ngõ hẹp (ngõ) chuyển sang những nét **hữu hình**, cụ thể (sông, chim, mây) với một không gian vừa dài rộng, vừa cao vợi.

(Vũ Nho, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)

b. Nhưng có điều khi sang thu, khi nửa đời nhìn lại thì người ta một mặt sâu sắc thêm, chín chắn thêm, **thâm trầm**, **điềm đạm** thêm, mặt khác người ta phải **khẩn trương** thêm, gấp gáp thêm.

(Vũ Nho, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)

c. Tài nguyên rừng đang bị thu hẹp từng ngày, diện tích rừng tự nhiên che phủ giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyển qua đất nông, công nghiệp, các loài sinh vật quý hiếm thì đứng trước nguy cơ **tuyệt chủng**.

(Phan Anh Hải, Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam và thế giới)

d. Đối với **đồng bào** tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi.

(Xi-át-tô, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)

Trả lời:

- a.
- vô hình: không nhìn thấy (hương, gió)
 - hữu hình: có thể nhìn thấy (sông, chim, mây)
- b.
- thâm trầm, điềm đạm: tỏ ra sự nhẹ nhàng, từ tốn, kín đáo sâu sắc và không gắt gỏng.
 - khẩn trương: vội vàng, cấp bách.
- c. tuyệt chủng: kết thúc sự sinh tồn
- d. đồng bào: những người cùng một giống nòi, một dân tộc

Câu 4 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Trong đoạn văn sau, nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi không? Vì sao?

Tôi là kẻ **hoang dã**, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần, chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ **hoang dã**, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhỏ khối lượng quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống.

Trả lời:

Nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi. Vì: từ mông muội có nghĩa là tối tăm, mù mịt và ngu dại; nếu sử dụng như vậy người viết sẽ tự cho mình là kẻ không có hiểu biết, đồng thời khiến cảm xúc đoạn văn đi xuống theo chiều tiêu cực.

Câu 5 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Phân biệt ý nghĩa của các cặp từ sau và cho ví dụ minh họa:

- a. Vô tư/ vô ý thức
b. Chinh phu/ chinh phụ

Trả lời:

- a.
- Vô tư: không hoặc ít lo ngại, sống hồn nhiên.

- Vô ý thức: Không có chủ định, không nhận biết rõ ý nghĩa của việc (sai trái) mình đang làm.

→ Đặt câu:

- Nhìn các cô bé, cậu bé đang vô tư cười đùa trông thật hạnh phúc biết bao.

- Mặc dù là nơi tâm linh, nhưng có người vẫn vô ý thức ném rác bừa bãi.

b.

- chinh phu: người đàn ông đi đánh trận nơi xa thời phong kiến.

- chinh phụ: vợ của người đàn ông đang đi đánh trận thời phong kiến.

→ Đặt câu:

- Hình ảnh kẻ chinh phu trong lòng người chinh phụ là một hình ảnh không gì có thể làm phai mờ.

- Hình ảnh người chinh phụ đang đau đáu chờ chồng đi chinh chiến nơi xa thật khiến cho người ta cảm động.

Bài ca Côn Sơn trang 66

*** Suy ngẫm và phản hồi**

Nội dung chính: Văn bản ca ngợi bức tranh thiên nhiên và con người giao hòa. Ca ngợi vẻ đẹp thanh tĩnh, nên thơ của Côn sơn, qua đó bộc lộ cốt cách thanh cao, tâm hồn thi sĩ của Nguyễn Trãi.

Câu 1 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định và nêu tác dụng của biện pháp **Trả lời:**

- Điệp từ “Côn Sơn”

Tác dụng: Nhấn mạnh miêu tả thiên nhiên ở Côn Sơn

- So sánh: “như tiếng đàn cầm”, “như chiếu êm”

Tác dụng: ra khung cảnh thiên nhiên lâu đời, nguyên thủy, tạo ra cảm giác thanh cao, mát mẻ, trong lành.

Câu 2 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nhân vật “ta” trong đoạn trích có thể là ai?

Trả lời:

- Nhân vật “ta” trong đoạn trích có thể là nhân vật trữ tình hoặc chính là tác giả.

Câu 3 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tìm các chi tiết miêu tả thiên nhiên và nhân vật “ta” trong đoạn thơ, từ đó nhận xét về mối quan hệ giữa thiên nhiên và nhân vật “ta”.

Trả lời:

- Sử dụng điệp từ, đại từ nhân xưng “ta” nhằm nhấn mạnh sự có mặt của “ta” ở mọi cảnh đẹp của Côn Sơn.

tu từ được sử dụng trong bốn câu thơ đầu.

- Sử dụng hàng loạt các động từ khẳng định tư thế làm chủ của con người trước thiên nhiên:

Ta nghe, ta ngồi, ta nằm, ta ngâm thơ nhàn...

⇒ Nhân vật trữ tình thả hồn mình, sống cuộc sống thanh cao, hòa mình vào giữa khung cảnh thiên nhiên Côn Sơn

⇒ Ca ngợi sức sống thanh cao, hòa hợp giữa con người với thiên nhiên.

Câu 4 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em cảm nhận thế nào về hình ảnh và tâm hồn của nhân vật “ta” trong đoạn thơ?

Trả lời:

- Hình ảnh thiên nhiên khoáng đạt, tươi đẹp, hấp dẫn cùng tâm hồn thanh cao, hòa mình vào thiên nhiên của nhân vật “ta” giúp cho bức tranh thiên nhiên như một người bạn tri âm, tri kỉ.

*** Hướng dẫn đọc**

Nội dung chính: Văn bản bàn về lối sống đơn giản và lợi ích mà lối sống đơn giản đem đến cho con người.

Câu 1 (trang 69 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.

Trả lời:



Câu 2

(trang 69 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Lí lẽ và bằng chứng được nêu ở đoạn văn thứ ba có tác dụng như thế nào trong việc làm sáng tỏ luận đề?

Trả lời:

- Những lí lẽ và bằng chứng trong đoạn văn thứ 3 giúp cho luận đề sáng rõ hơn, logic hơn và có thêm sức thuyết phục; giúp người đọc người nghe hiểu hơn vấn đề đang bàn luận.

Câu 3 (trang 69 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong đoạn thứ tư của văn bản.

Trả lời:

- Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết trong đoạn thứ tư của văn bản là: “Có thể kể ra ở đây có rất nhiều danh nhân của đất Việt đã từng có cuộc sống như vậy: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Hồ Chí Minh...”

- Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của văn bản là:

Dựa vào nguyên tắc của cuộc sống đơn giản, tiêu chuẩn tối thiểu của cuộc sống này là: đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu như ăn, mặc, ở, đi lại.

Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống trang 71

*** Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:**

Văn bản: Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên (Theo Hồ Quang Trung, Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 5 năm 2021)

Câu 1 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì? Tác giả thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối đối với vấn đề đó?

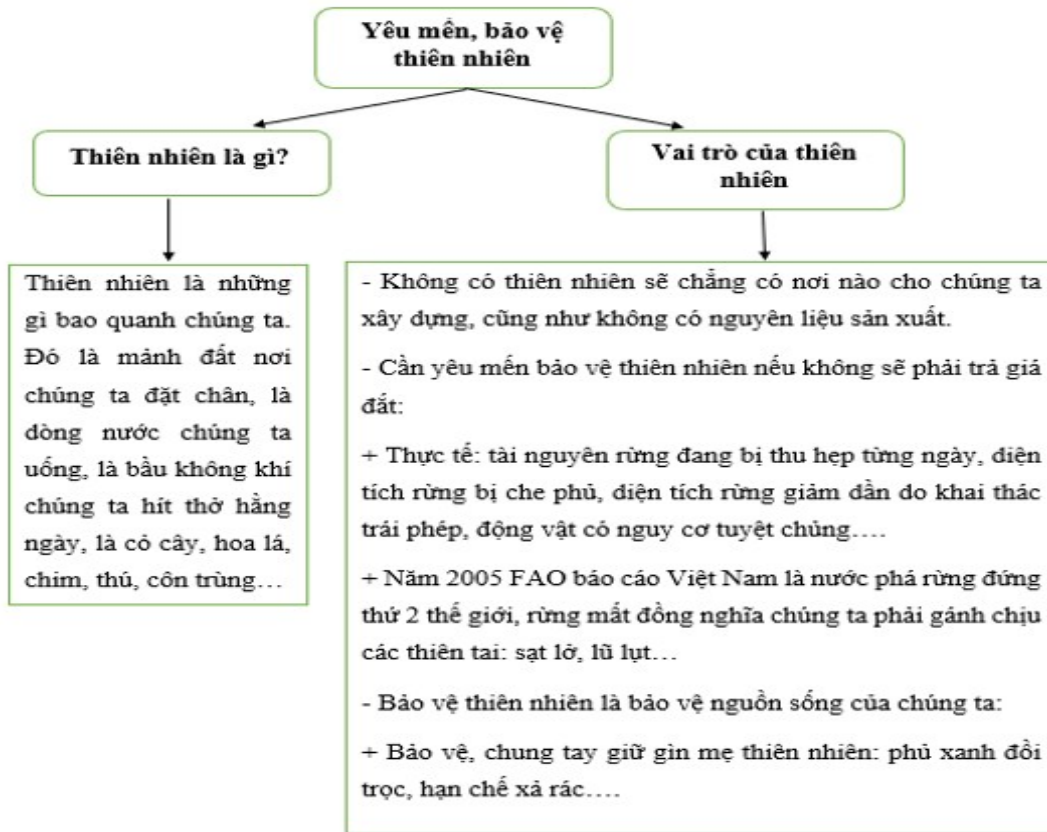
Trả lời:

- Vấn đề được bàn luận trong bài viết là cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên.

- Tác giả thể hiện thái độ đồng tình với vấn đề trên.

Câu 2 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.

Trả lời:



Câu 3

71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Nhận xét về sức thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng được tác giả nêu ra.

Trả lời:

Tác giả đưa ra các lí lẽ, bằng chứng phù hợp, dễ hiểu giúp người đọc xác định và hình dung rõ hơn vấn đề đang bàn luận và soi xét vào thực tế cuộc sống.

***Hướng dẫn quy trình viết**

Đề bài (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Câu lạc bộ Văn học trường em phát động viết bài với đề tài “Con người và thiên nhiên”. Hãy viết một bài văn nghị luận, bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm và gửi cho ban tổ chức.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Em có thể chọn một vấn đề dưới đây để bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối:

- + Tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng.
- + Hiện tượng xả rác bừa bãi.
- + Nạn săn bắt thú hoang dã.
- + Tuổi trẻ cần có trách nhiệm với việc bảo vệ môi trường sống.
- + Cần cấm sử dụng vật dụng bằng ni lông để bảo vệ môi trường.
- + ...

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Liệt kê các ý kiến đồng tình hoặc phản đối về đề tài đã chọn dựa vào bảng sau:

Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng
Đồng tình		
Phản đối		

- Sắp xếp các ý tìm được dựa vào dàn ý sau:

Mở bài	Nêu vấn đề cần bàn luận. Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.
--------	---

(trang

Thân bài	1. Giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận 2. Bàn luận: Trình bày vấn đề cần bàn luận. Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.
Kết bài	Khẳng định lại vấn đề. Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học.

Bước 3: Viết bài

- Viết bài văn dựa trên dàn ý. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài.

* Bài văn mẫu tham khảo:

Môi trường bao gồm những yếu tố tự nhiên như đất, nước, không khí, sinh vật... mang lại nhiều lợi ích to lớn, đóng vai trò quan trọng trong sự sống của loài người. Tuy nhiên hiện nay, môi trường đang bị ô nhiễm một cách trầm trọng, nhận được sự quan tâm và lo lắng của nhiều quốc gia trên thế giới.

Vậy ô nhiễm môi trường là gì? Ô nhiễm môi trường là một tình trạng mà tất cả những yếu tố tự nhiên đã và đang bị nhiễm các chất cặn bã, chất độc hại, có hại với sức khỏe con người. Với môi trường đất đai, con người sử dụng những chất thuốc hóa học như thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật,....

Tuy diệt được các loài có hại nhưng những sinh vật có ích cũng bị nhiễm độc thuốc ảnh hưởng theo, làm đất bị thoái hóa trầm trọng, đặc biệt là Việt Nam tình trạng này còn trầm trọng hơn khi ngoài việc phun thuốc hóa học để chống sâu bệnh hại quá liều mà do tỉ lệ dân số nước ta khá cao so với diện tích đất khiến cho diện tích đất trồng đang bị thu hẹp lại.

Với môi trường nước, các nhà máy hoạt động thải chất bẩn ra các con sông mà không xử lý, gây nhiễm độc nước làm nhiều loài sinh vật biến chết hàng loạt. Trong đó phải kể đến sự việc cá chết hàng loạt vào năm 2016 nhà máy Formosa thải chất thải trực tiếp xuống sông khiến các vùng biển Vũng Áng, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế bị nhiễm độc nặng, ảnh hưởng đến công việc ngư dân và đời sống sinh hoạt cũng như sức khỏe của người dân.

Ngoài ra, việc phun thuốc hóa học không chỉ làm đất bị suy thoái, mà còn gây ô nhiễm nguồn nước khi phun thuốc trước hoặc sau các ngày mưa làm thuốc hóa học theo đất đổ ra các con sông, đồng thời khí độc trong thuốc bay hơi sẽ ảnh hưởng đến môi trường không khí. Môi trường không khí hiện nay cũng đang bị ô nhiễm rất lớn bởi khí thải của các phương tiện giao thông, các nhà máy chưa qua xử lý.

Đặc biệt tình trạng ô nhiễm không khí nặng nề phải kể đến thủ đô Bắc Kinh Trung Quốc khi người dân Trung Quốc gần như không thấy mặt trời, ra đường luôn phải đội mũ bảo hộ. Đây quả thực là một tình trạng hết sức nguy cấp và có dấu hiệu gia tăng khi khí hậu đang dần biến đổi, vùng Bắc cực có dấu hiệu băng tan.

Tình trạng ô nhiễm gây ra rất nhiều tác hại mà không chỉ sinh vật, con người sẽ là nạn nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp. Với sức khỏe con người, ô nhiễm môi trường gián tiếp gây ra những căn bệnh nguy hiểm khi họ ăn phải hoặc uống, sử dụng phải nguồn nước nhiễm độc, sinh vật chết do nhiễm chì nặng gây ngộ độc thực phẩm, đặc biệt Việt Nam ta hiện nay đang là nước đứng thứ hai thế giới vì tỉ lệ người bị mắc bệnh ung thư.

Với tâm lý xã hội, hiện tượng này sẽ gây ra sự hoang mang, lo lắng cho người dân, làm tổn hại nền kinh tế khi họ phát bệnh nặng khi sử dụng những nguồn nước và thực phẩm không đảm bảo, khiến chi phí chữa bệnh vô cùng lớn, làm ảnh hưởng đến lương tháng, công việc của họ.

Vậy tại sao môi trường lại ô nhiễm đến như vậy? Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này trước hết về khách quan, nước ta chưa có sự đầu tư cao cho các công tác bảo vệ môi trường, chất thải sinh ra từ các khu sinh hoạt, khu công nghiệp nhà máy quá nhiều đến mức không xử lý được hết, những phần dư sẽ tích tụ và gây nên ô nhiễm, hay tại các phố đông người phân bố thùng rác không hợp lý, hiệu ứng nhà kính làm Trái Đất nóng lên làm quá trình ô nhiễm bị đẩy lên cao hơn.

Tuy nhiên, yếu tố khách quan là một phần nhưng yếu tố chủ quan lại là nguyên nhân chính dẫn đến sự ô nhiễm quá mức trầm trọng bởi nếu có ý thức bảo vệ môi trường, con người hoàn toàn có thể khắc phục được những nguyên nhân khách quan, nhưng hầu hết người dân chưa thực sự ý thức được về tác hại mà những tác động dù nhỏ nhất của họ vẫn có thể dẫn đến sự ô nhiễm, nhiều người vứt rác thải bừa bãi, không đúng nơi quy định, sử dụng nhiều túi nilon, rác thải nhựa như ống hút, cốc nhựa,...

Bởi các chất thải nhựa mất đến hơn một thế kỷ mới có thể phân hủy, việc sử dụng đồ nhựa cũng khiến người dân bị nhiễm độc nhựa hay lạm dụng các chất hóa học bởi chúng “tiện”, những nhà máy cũng vì cái “tiện” mà không qua xử lý thải chất độc hại ra môi trường

Có biện pháp nào hạn chế được tác hại mà ô nhiễm môi trường gây ra hay không? Câu trả lời là có, nước ta nên có thêm những chính sách đầu tư cho các chiến dịch, công tác bảo vệ môi trường, địa phương tại các nơi thường tụ tập hoặc có đông người đi lại nên phân bố thùng rác hiệu quả và thường xuyên vệ sinh chúng hay tạo ra ngày môi trường, vận động người dân đi xe đạp, xe điện.

Ngoài ra, bạn có thể tuyên truyền cho người dân biết về tác hại môi trường ảnh hưởng thế nào đến lợi ích của họ và gia đình, nâng cao ý thức hạn chế sử dụng đồ nhựa, sử dụng các chất hóa học, các nhà máy nên đầu tư mua các trang thiết bị lọc chất thải tối tân, hiện đại để bảo vệ môi trường.

Tuy vậy, để thực hiện được những giải pháp trên cần một quá trình lâu dài và cần sự nhận thức của tất cả mọi người rằng nên vì lợi ích chung sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân, không nên vì cái lợi trước mắt mà ảnh hưởng đến cuộc sống của những người khác những sinh vật đã và đang bị đe dọa bởi ô nhiễm môi trường.

Như vậy, ô nhiễm môi trường quả là một tình trạng đáng lo ngại, là hiểm họa đối với cuộc sống sức khỏe con người nói chung và hành tinh Trái Đất nói riêng.

Là học sinh, mỗi chúng ta nên là những người biết sống xanh, biết bỏ rác đúng nơi quy định, chúng ta phải thật sự thay đổi thì người khác mới có thể thay đổi, tự trau dồi những kiến thức về môi trường để tuyên truyền và vận động những người xung quanh chúng ta.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra chất lượng bài viết:

Bảng kiểm kỹ năng viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Nêu vấn đề cần bàn luận		
	Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối.		
Thân bài	Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận.		
	Trình bày vấn đề cần bàn luận.		
	Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.		
	Nêu được ít nhất hai lí lẽ một cách thuyết phục để làm rõ luận		

	điểm.		
	Nêu được bằng chứng đa dạng, cụ thể, phù hợp với luận điểm.		
	Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí		
Kết bài	Khẳng định lại vấn đề.		
	Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học rút ra từ vấn đề bàn luận.		
Trình bày, diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.		
	Diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục.		

- Ghi lại:

1. Ba điều em thích về bài viết và một điều em nghĩ rằng cần làm tốt hơn.

2. Những lưu ý về kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

- Sau khi kiểm xong, tiếp tục điều chỉnh bài thơ. Hoạt động này có thể được lặp đi lặp lại nhiều lần.

- Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình, với bạn bè và với bất cứ ai mà em muốn.

Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội trang 74

*** Đề bài (trang 74 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Bài viết của em được chọn để tham gia buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên” do nhà trường tổ chức. Dựa vào bài viết, em hãy trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm.**

*** Hướng dẫn:**

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói

Để thuyết phục người nghe về ý kiến, quan điểm của mình, cần trả lời các câu hỏi:

- Người nghe là ai? Họ mong muốn thu nhận được gì từ bài nói?

- Buổi tọa đàm diễn ra ở đâu? Có bao nhiêu thời gian để trình bày, trao đổi?

- Chọn cách trình bày như thế nào cho phù hợp với đối tượng, địa điểm và thời gian nói?

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Từ nội dung đã trình bày ở phần Viết, tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ sau:

- Mở đầu: giới thiệu vấn đề sẽ trình bày, nêu rõ ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề đó.

- Phần chính: giải thích thuật ngữ, khái niệm liên quan đến vấn đề trình bày, khẳng định luận điểm đồng tình hay phản đối của người nói...

- Kết thúc: khẳng định lại ý kiến, đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học nhận thức và hành động.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Khi luyện tập và trình bày, em chú ý:

- Chào người nghe, tự giới thiệu bản thân.

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.

- Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và câu trả lời của em.

Bước 4: Trao đổi và đánh giá

Sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá kĩ năng trình bày của bản thân và đánh giá bài trình bày của bạn.

Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc.		
Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút.		
Nêu rõ vấn đề trình bày		
Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày.		
Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục		
Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ		
Các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung trình bày		
Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe.		
Trình bày tự tin, nói năng lưu loát		
Đảm bảo thời gian quy định		

Bài nói mẫu tham khảo:

Xã hội ở thời kì nào cũng có những vấn đề nổi lên gây nhức nhối, xôn xao dư luận. Một vấn đề mà rất nhiều năm qua con người luôn quan tâm, dõi theo từng ngày ấy chính là vấn đề ô nhiễm môi trường.

Ngày nay, ô nhiễm môi trường đã và đang ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn ở Việt Nam. Tình trạng quy hoạch các khu đô thị chưa gắn với vấn đề xử lý chất thải, nước thải nên ô nhiễm môi trường ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu đô thị đang ở mức báo động. Ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường nước và ô nhiễm môi trường không khí đã diễn ra song hành với nhau gây hậu quả to lớn cho cuộc sống con người.

Vậy nguyên nhân của những sự việc trên là do đâu? Đầu tiên, đó chính là sự thiếu ý thức nghiêm trọng của nhiều người dân mà đặc biệt là các bạn trẻ. Họ nghĩ rằng những việc mình làm là quá nhỏ bé, không đủ để làm hại môi trường. Hoặc cho rằng việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của nhà nước, của chính quyền mà không phải là của mình. Một số khác lại nghĩ rằng việc môi trường đã bị ô nhiễm thì có làm gì đi chăng nữa cũng không đáng kể, và việc ô nhiễm môi trường cũng không ảnh hưởng gì tới mình nhiều... Chính tình trạng “cha chung không ai khóc” này đã để lại những hậu quả to lớn.

Ô nhiễm môi trường kéo theo các loại dịch bệnh cho cây trồng và vật nuôi, chính chúng lại là những thực phẩm con người tiêu thụ hàng ngày; cũng từ đây mà nhiều mầm bệnh đã ra đời và lấy đi mạng sống của nhiều người. Bên cạnh đó, ô nhiễm môi trường còn khiến con người thiếu đi nguồn nước sinh hoạt, thiếu đất canh tác và thiếu luôn cả luồng khí tinh khiết để hô hấp. Chính vì thế, chúng ta cần có những giải pháp kịp thời để ngăn chặn ô nhiễm môi trường ngay từ hôm nay. Thứ nhất, phải có các hình thức xử phạt thật nặng và nghiêm minh đối với các cá nhân, tổ chức, cơ quan có hành vi phá hoại môi trường, làm ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân.

Bên cạnh đó, cũng cần giáo dục ý thức cho người dân qua các hình thức tuyên truyền, cổ động như tổ chức những buổi giao lưu bàn về vấn đề môi trường tại các đơn vị hành chính cấp phường, xã... Đưa những bài viết chi tiết hơn về môi trường trong các sách giáo khoa ngay từ cấp tiểu học, giúp học sinh có thái độ và cái nhìn đúng đắn về môi trường và những hậu quả của việc phá hoại môi trường, từ đó giúp các em biết yêu và bảo vệ môi trường mình đang sống.

Mỗi người chúng ta ý thức bảo vệ môi trường một chút sẽ khiến cho cuộc sống thêm tốt đẹp và đẩy xa được tình trạng ô nhiễm hơn. Hãy hành động vì bản thân, vì môi trường, vì cuộc sống hôm nay và tương lai mai sau.

Ôn tập trang 76

Câu 1 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của ba văn bản nghị luận đã học bằng cách hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Luận đề	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
Bức thư của thủ lĩnh da đỏ			
Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu			
Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI			

Trả lời:

Văn bản	Luận đề	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
Bức thư của thủ lĩnh da đỏ	Sống hòa hợp và bảo vệ mảnh đất nơi đây	<ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm 1: Những điều thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ - Luận điểm 2: Những lo lắng của người da đỏ nếu bán đất cho người da trắng. - Luận điểm 3: Kiến nghị của người da đỏ 	<p>Luận điểm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mảnh đất là người mẹ, bông hoa là người chị, người em. + Dòng nước là máu của tổ tiên. + Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông. <p>Luận điểm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Họ sẽ lấy đi trong lòng đất những gì họ cần. + Lòng thèm khát của họ sẽ ngấu nghiến đất đai. + Họ chẳng để ý đến bầu không khí mà họ hít thở. <p>Luận điểm 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phải biết quý trọng đất đai. + Hãy khuyên bảo chúng đất là mẹ.
Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu	Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận của tác giả trong khổ thơ thứ nhất và thứ 2: Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác. - Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3. 	<ul style="list-style-type: none"> + Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại. + Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ”. + Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”. + Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm. + Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già

			cổ đi.
Lối sống đơn giản xu thế của thế kỉ XXI	Sống đơn giản	đơn giản	+ Sống đơn giản không đồng nghĩa với sống khổ hạnh và nghèo đói, mà là cuộc sống được lựa chọn sau quá trình nghiên cứu kĩ lưỡng. - Giúp chúng ta kiểm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các yêu cầu của bản thân. + Một căn nhà rộng rãi sẽ đem lại sự dễ chịu cho người ở... - Biến mình trở thành một con người nhàn nhã, bình yên và không hao phí thời gian vào những việc vô bổ. + Lối sống này được ông cha ta coi trọng từ thời xa xưa.

Câu 2 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Căn cứ vào đâu để phân biệt bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận?

Trả lời:

- Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:

Bằng chứng khách quan	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện...	Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy... hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.
Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.	Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.

Câu 3 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò gì trong việc thể hiện luận đề?

Trả lời:

Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng giúp làm sáng rõ luận đề. Mỗi lí lẽ, dẫn chứng giúp cho luận đề trở nên dễ hiểu, dễ hình dung và thuyết phục người đọc, người nghe hơn.

Câu 4 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Liệt kê ít nhất mười từ có chứa các yếu tố Hán Việt đã học trong bài và giải thích ý nghĩa của chúng.

Trả lời:

Từ có các yếu tố Hán Việt	Giải thích ý nghĩa
dân gian	ở trong dân
trí tuệ	sự hiểu biết và kiến thức sâu rộng
sứ giả	người được coi là đại diện tiêu biểu cho nhân dân
bình dân	con người bình thường
bất công	không công bằng
hoàn mỹ	đẹp để hoàn toàn
triết lí	nguyên lí, đạo lí về vũ trụ và nhân sinh
bất hạnh	không may gặp phải điều rủi ro, đau khổ

nguy kịch	hết sức nguy hiểm, đe dọa nghiêm trọng đến sự sống còn
hạnh phúc	một trạng thái cảm xúc vui vẻ của người

Câu 5 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Trình bày những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

Trả lời:

Những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống là:

- Hiểu rõ những gì mình viết
- Quản lí được nội dung và bố cục bài viết.
- Bám sát luận đề
- Lập luận cần đưa ra đủ lí lẽ, bằng chứng thuyết phục
- ...

Câu 6 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Ghi lại những kinh nghiệm em thu nhận được sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.

Trả lời:

Những kinh nghiệm em thu nhận được sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.

- Luôn tự tin, trình bày quan điểm cá nhân.
- Lắng nghe, tiếp thu ý kiến từ mọi người xung quanh.
- Yêu thiên nhiên con người, sống hòa hợp với thiên và con người.

Câu 7 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Em hãy thiết kế một sản phẩm sáng tạo mang thông điệp: “Mọi sự sống đều thiêng liêng, đáng quý”.

Trả lời:

Em có thể vẽ tranh, vẽ khẩu hiệu, sưu tầm



Vắt cổ chảy ra nước; may không đi giày

CHUẨN BỊ ĐỌC

Câu hỏi: Theo em, thế nào là keo kiệt?

Keo kiệt là sự tiết kiệm quá mức khiến người khác thấy nhàm chán, như vậy không những ảnh hưởng đến bản thân mà còn ảnh hưởng đến danh dự.

Câu 1: Câu trả lời này thể hiện nét tính cách gì của người chủ nhà?

Câu trả lời này thể hiện nét tính cách keo kiệt, bủn xỉn của người chủ nhà.

Câu 2: Vì sao lời giải thích của nhân vật ông hà tiện lại gây bất ngờ đối với người đọc?

Vì ông hà tiện không xót cho bàn chân mình mà lại đi xót cho chiếc giày. Thứ cần để tâm thì ông ta lại không quan tâm.

SUY NGẪM VÀ PHẦN HỒI

Câu 1: Xác định đề tài của hai truyện trên. Theo em, nhan đề *Vắt cổ chảy ra nước* và *May không đi giày* có thể hiện được nội dung của mỗi chuyện hay không? Vì sao?

Đề tài của hai truyện trên là truyện cười. Theo em, nhan đề *Vắt cổ chảy ra nước* và *May không đi giày* có thể hiện được nội dung của mỗi chuyện. Vì nó đã bao hàm sự kiện chính của câu chuyện.

Câu 2: Em có nhận xét gì về bối cảnh của hai truyện trên?

Bối cảnh của hai truyện không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, bối cảnh được miêu tả gần gũi, thân thuộc.

Câu 3: Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?

Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội: keo kiệt của truyện cười.

Câu 4: Dựa vào bảng dưới đây, hãy chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau trong thủ pháp gây cười ở hai truyện *Vắt cổ chảy ra nước* và *May không đi giày*:

Thủ pháp	Điểm giống nhau	Điểm khác nhau	
		<i>Vắt cổ chảy ra nước</i>	<i>May không đi giày</i>
1. Tạo các tình huống trào phúng			
2. Sử dụng các biện pháp tu từ			

Bài giải:

Thủ pháp	Điểm giống nhau	Điểm khác nhau	
		<i>Vắt cổ chảy ra nước</i>	<i>May không đi giày</i>
1. Tạo các tình huống trào phúng	Đề tạo ra tình huống gây cười từ sự keo kiệt, bủn xỉn	Sự keo kiệt đối với người khác	Sự keo kiệt đối với bản thân
2. Sử dụng các biện pháp tu từ	Lối nói chơi chữ	Lối nói chơi chữ đến từ người khác	Lối nói chơi chữ từ bản thân người gây cười

Câu 5: Câu nói " Dạ, vắt cổ chảy cũng ra nước!" của nhân vật "người đầy tớ" trong truyện *Vắt cổ chảy ra nước* và câu nói " ... may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!" của nhân vật " ông hà tiện" trong truyện *May không đi giày* có vai trò như thế nào trong thể hiện chủ đề của chuyện?

Bài giải:

Câu nói " Dạ, vắt cổ chảy cũng ra nước!" của nhân vật "người đầy tớ" trong truyện *Vắt cổ chảy ra nước* và câu nói " ... may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!" của nhân vật " ông hà tiện" trong truyện *May không đi giày* có vai trò tạo tình huống trào phúng, gây cười và thể hiện rõ nét chủ đề trong thể hiện chủ đề của chuyện.

Câu 6: Theo em, tác giả dân gian sáng tạo các câu chuyện trên với mục đích gì? Nhận xét về cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả dân gian thông qua các câu chuyện cười này.

Bài giải:

Theo em, các câu chuyện trên được sáng tạo với mục đích giải trí và phê phán, châm biếm, đả kích thói keo kiệt tởm cuộc sống

Qua các câu chuyện cười trên, có thể thấy tác giả nhìn đời bằng con mắt tích cực, dùng những mẫu chuyện cười để châm biếm chứ không nói xấu người khác.

Câu 7: Viết một đoạn văn (khoảng năm đến bảy câu) trình bày sự khác nhau giữa keo kiệt và tiết kiệm.

Bài giải:

Tiết kiệm là chi tiêu đúng, chi những gì đáng chi, hợp lý, đúng mực với những gì mình có hay mình có khả năng tạo ra. Ngược lại, hà tiện là một hình thức tiết kiệm quá mức để dẫn tới hiện tượng keo bẩn, bủn xỉn và không dám chi cho những điều đáng ra phải chi. Tất nhiên tiết kiệm là điều khuyến khích trong xã hội, còn hà tiện quá chỉ để phá hủy chính bản thân và làm hại đến công việc của mình và thậm chí những người xung quanh.

Câu 1. Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Vắt cổ chảy ra nước; may không đi giày

Bài giải:

- Giá trị nội dung:

Hai văn bản phê phán thói hư tật xấu của một số người, đó là thói keo kiệt, tính toán chi li với người khác hoặc với chính bản thân mình.

- Giá trị nghệ thuật:

Truyện tạo tình huống trào phúng

Sử dụng các biện pháp tu từ cùng lối nói chơi chữ tạo tiếng cười cho người đọc.

Câu hỏi 2. Em hãy nêu nội dung chính của bài Vắt cổ chảy ra nước; may không đi giày

Bài giải: Nội dung chính: châm biếm, mỉa mai những thói xấu của con người.

Khoe của; con rắn vuông

Câu hỏi: Theo em, khoe khoang và khoác lác khác nhau như thế nào?

Bài giải:

Khoác lác là động từ chỉ hành động khoe khoang thái quá của ai đó.” Bạn có thể hiểu hành động khoác lác chính là việc “phóng đại” hoặc “nói sai sự thật” một cách không kiểm soát vậy. Người khoác lác thường sẽ không nhận được sự tán đồng và yêu quý của mọi người.

Khoe khoang là khoe mẽ, hiển nôm na là việc khoe khoang, phô bày vẻ hình thức bề ngoài. Đương nhiên, muốn khoe được thì phải có gì đó để khoe. Ở góc độ tích cực, ý thức và hành động khoe khoang có tác dụng tạo nguồn động lực thúc đẩy việc tự khẳng định mình.

Khoe khoang là khoe những cái mình có, còn khoác lác là nói quá lên cả những cái mình chưa có.

CHUẨN BỊ ĐỌC

Câu hỏi: Theo em, khoe khoang và khoác lác khác nhau như thế nào?

Bài giải:

Khoác lác là động từ chỉ hành động khoe khoang thái quá của ai đó.” Bạn có thể hiểu hành động khoe khoang lác chính là việc “phóng đại” hoặc “nói sai sự thật” một cách không kiểm soát vậy. Người khoe khoang thường sẽ không nhận được sự tán đồng và yêu quý của mọi người.

Khoe khoang là khoe mẽ, hiểu nôm na là việc khoe khoang, phô bày vẻ hình thức bề ngoài. Đương nhiên, muốn khoe được thì phải có gì đó để khoe. Ở góc độ tích cực, ý thức và hành động khoe khoang có tác dụng tạo nguồn động lực thúc đẩy việc tự khẳng định mình.

Khoe khoang là khoe những cái mình có, còn khoe khoang là nói quá lên cả những cái mình chưa có.

TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN

Câu 1: Việc nói rõ thông tin " lợn cưới", " áo mới" có cần thiết không? Nói như vật nhằm mục đích gì?

Bài giải: Việc nói rõ thông tin " lợn cưới", " áo mới" không cần thiết. Nói như vật nhằm mục đích khoe khoang.

Câu 2: Người vợ trêu chồng như thế nào?

Bài giải: Người vợ trêu chồng bằng cách không tin và phản bác lại lời chồng.

SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI

Câu 1: Xác định đề tài, bối cảnh của chuyện cười Khoe của và Con rắn vuông.

Bài giải:

Cả hai câu truyện thuộc truyện cười, xoay quanh câu chuyện hai người khoe áo mới và lợn cưới và chuyện anh chồng kể về câu chuyện vào rừng gặp con rắn to.

Câu 2: Chỉ ra mâu thuẫn có tác dụng gây cười trong hai truyện trên.

Bài giải:

Truyện Khoe của: Tính khoe khoang của hai anh chàng đến mức lộ bịch, mà những thứ để khoe cũng chẳng quá to tát đến mức đem khoe như thế. Một bên thì đứng đợi cả buổi chỉ để khoe, bên kia dù có tất tưởi vẫn không quên khoe. Lời nói của hai anh đề thừa thông tin không cần thiết.

Truyện con rắn vuông: Anh chồng khoe khoang tự bộc lộ cái vô lý của mình

Câu 3: Liệt kê những lời đối đáp của các nhân vật trong hai truyện cười trên. Những lời đối đáp có vai trò như thế nào trong việc khắc họa tính cách của nhân vật?

Bài giải:

Trong truyện lợn cưới áo mới:

- Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả.

-> Lời đối đáp của hai nhân vật cho thấy: Tính khoe của là thói thích tỏ ra, phô trương cho người ta thấy là mình giàu có, mình hơn người ta. Anh đi tìm lợn khoe khi “tất tưởi chạy đến”, rất vội vàng tìm lợn bị mất. Lẽ ra nên hỏi về đặc điểm của con lợn vừa bị sống mất. Ấy mà anh ta lại hỏi “lợn cưới” không hề thích hợp và là thông tin thừa với người được hỏi. Anh có áo mới thích khoe của đến mức lộ bịch, đứng ở cửa cả buổi chỉ đợi người ta khen, khi người ta hỏi về con lợn lại giơ vạt áo ra khoe. Điều bộ của anh ta chỉ nhấn mạnh cái áo mới không hề phù hợp để trả lời. Câu trả lời của anh ta thừa yếu tố về cái áo, chỉ cần nói “không thấy” là đủ.

Trong truyện con rắn vuông:

- Này mình ạ, hôm nay tôi đi vào rừng, thấy một con rắn.... Ôi chao là to! Bề ngang thì đến hai mươi thước, bề dài đến một trăm hai mươi thước ấy!

- Mình không tin à? Chẳng một trăm hai mươi thước thì cũng một trăm thước.

- Thật mà! Không đủ một trăm thước thì cũng đến tám mươi thước.

- Thật đấy mà! Không tám mươi thì cũng sáu mươi.
- Không đến sáu mươi thước thật, nhưng ít nhất cũng bốn mươi thước.
- Ủ thôi, tôi nói thật nhé! Quả tôi nom thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào.

-> Những lời đối đáp cho thấy anh chồng có tính khoác lác, khoe khoang. Anh chồng hay khoác lác bị người vợ chọc đến nổi tự bộc cái vô lí của mình ra.

Câu 4: Các nhân vật trong truyện hiện thân cho thói hư tật xấu nào mà truyện cười dân gian thường phê phán?

Bài giải:

Các nhân vật trong truyện hiện thân cho thói khoác lác, nói quá mà truyện cười dân gian thường phê phán.

Câu 5: Em có nhận xét gì về cách tác giả dân gian phản ánh thói xấu của con người thông qua các truyện cười trên.

Bài giải:

Tác giả đã dùng những câu chuyện đời thường giản dị để châm biếm phê phán những người thiếu kiến thức nhưng lại hay khoác lác, phóng đại sự việc, những người như vậy cuối cùng cũng sẽ trở thành trò cười cho thiên hạ mà thôi.

Câu 6: Tiếng cười và thủ pháp gây cười trong các chuyện *Khoe của* và *Con rắn vuông* giống nhau và khác nhau ở những điểm nào?

Bài giải:

Cả hai đều là thông qua các cuộc đối thoại để bộc lộ sự khoác lác của các nhân vật. Khác nhau ở đây là ở chuyện *Khoe của* thì cả hai đều tự bộc lộ sự khoác lác của mình còn trong chuyện *Con rắn vuông* thì Người vợ thông minh có chủ tâm trêu chọc chồng. Ở đây quyền chủ động là thuộc người vợ. Người vợ muốn vạch cái vô lí của chồng nên dồn người chồng tới chỗ tự bộc lộ cái vô lí của mình.

Câu 6: Tiếng cười và thủ pháp gây cười trong các chuyện *Khoe của* và *Con rắn vuông* giống nhau và khác nhau ở những điểm nào?

Bài giải:

Cả hai đều là thông qua các cuộc đối thoại để bộc lộ sự khoác lác của các nhân vật. Khác nhau ở đây là ở chuyện *Khoe của* thì cả hai đều tự bộc lộ sự khoác lác của mình còn trong chuyện *Con rắn vuông* thì Người vợ thông minh có chủ tâm trêu chọc chồng. Ở đây quyền chủ động là thuộc người vợ. Người vợ muốn vạch cái vô lí của chồng nên dồn người chồng tới chỗ tự bộc lộ cái vô lí của mình.

Câu 7: Em rút ra kinh nghiệm gì cho bản thân sau khi đọc xong hai câu chuyện này?

Bài giải:

Bài học rút ra: Câu chuyện cười này phê phán những người thiếu kiến thức nhưng lại hay khoác lác, phóng đại sự việc, những người như vậy cuối cùng cũng sẽ trở thành trò cười cho thiên hạ mà thôi.

Câu 8: Em và bạn trong nhóm phân vai, đóng tiểu phẩm dựa vào một trong hai đoạn truyện cười trên.

Bài giải:

Học sinh tự thực hiện.

PHẦN THAM KHẢO MỞ RỘNG

Câu 1. Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài *Khoe của*; *con rắn vuông*

Bài giải:

- **Giá trị nội dung:**

Hai văn bản phê phán thói hư tật xấu của một số người, đó là thói khoe khoang, khoác lác.

- Giá trị nghệ thuật:

Truyện tạo tình huống trào phúng.

Sử dụng các biện pháp tu từ cùng lối nói chơi chữ tạo tiếng cười cho người đọc.

Câu hỏi 2. Em hãy nêu nội dung chính của bài Khoe của; con rắn vuông

Bài giải:

Nội dung chính: kể chuyện anh chàng nói khoác về con rắn vuông

Tiếng cười có lợi ích gì?

SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI

Câu 1: Văn bản đề cập đến những lợi ích nào của tiếng cười? Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.

Bài giải:

Những lợi ích của tiếng cười:

Tiếng cười làm cơ thể thêm khỏe mạnh

Mang lại cho con người niềm vui

Giúp thân thể vận động dễ chịu

Kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt hơn

Cơ thể căng tràn sức sống

Cơ thể được cấu trúc vững chắc và hài hòa hơn

Câu 2: Em hiểu thế nào về câu ngạn ngữ ở cuối văn bản? Việc tác giả dùng câu ngạn ngữ làm câu kết có ý nghĩa gì?

Bài giải:

Em hiểu là niềm vui sẽ giúp con người cảm thấy vui vẻ, yêu đời và sống lâu hơn do đó mà tuổi thọ cũng dài hơn nếu như tính theo niềm vui.

Việc tác giả dùng câu ngạn ngữ làm câu kết có tác dụng thể hiện ý kiến của tác giả, giúp người đọc hiểu được ý của tác giả muốn nhắn nhủ thông qua thông điệp đó.

Câu 3: Theo em, làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?

Bài giải:

Khi một ai đó mỉm cười, ta nên chia sẻ niềm vui cùng người ấy. Vì thế, ta cũng sẽ mỉm cười.

Tôi mỉm cười vì mọi người quanh tôi đang vui. Và mọi người quanh tôi vui vì tôi mỉm cười.

Cuộc sống là một sự liên kết nhiệm mầu mà chúng ta không bao giờ có thể tìm được hạnh phúc thật sự khi ta chưa nhận ra mối liên kết ấy. Khi một người mỉm cười, người ấy cũng mang lại sự bình thản, tin cậy cho mọi người chung quanh. Nụ cười nhắc nhở mọi người

rằng, dù sao thì chúng ta vẫn đang còn sống, và sẽ không có bất cứ chuyện gì khác có thể xem là quan trọng hơn việc ta đang được sống giữa cuộc đời này.

PHẦN THAM KHẢO MỞ RỘNG

Câu 1. Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Tiếng cười có lợi ích gì?

Bài giải:

- Giá trị nội dung:

Văn bản "Tiếng cười có lợi ích gì?" là văn bản viết về vấn đề lợi ích của tiếng cười. Qua văn bản, người đọc hiểu hơn về những lợi ích của tiếng cười đối với mỗi cá nhân.

- Giá trị nghệ thuật:

Văn bản chia bố cục rõ ràng theo các ý chính giúp người đọc dễ theo dõi, nắm bắt nội dung. Lí lẽ và bằng chứng logic, có sức thuyết phục; giúp người đọc người nghe hiểu hơn vấn đề đang bàn luận.

Câu hỏi 2. Em hãy nêu nội dung chính của bài Tiếng cười có lợi ích gì?

Bài giải:

Nội dung chính: những lợi ích mà tiếng cười đem lại cho cuộc sống của chúng ta

Thực hành tiếng việt

Câu 1: Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp sau đây:

a, - Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Khoe của*)

b, - Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông*)

a, Nghĩa tường minh: Bác có thấy con lợn chạy qua đây không, Tôi không thấy con lợn nào cả

Nghĩa hàm ẩn: Muốn khoe con lợn của mình, tôi có chiếc áo mới

b, Nghĩa tường minh: Con rắn to dài vừa tròn hai mươi thước là con rắn vuông à

Nghĩa hàm ẩn: làm gì có con rắn nào dài hai mươi thước

Câu 2: Đọc lại truyện Vắt cổ chày ra nước và thực hiện yêu cầu sau:

a, Xác định nghĩa hàm ẩn trong câu nói: " *Thế thì tao cho mượn cái này*" của người chủ nhà.

Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu nói nào sau đó?

b, Người đầy tớ thực sự muốn nói gì qua câu: " *Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã của vậy!*"?

c, Sau khi đọc xong truyện cười này, em hiểu thế nào về thành ngữ *Vắt cổ chày ra nước*? Đặt câu có sử dụng thành ngữ này.

Bài giải:

a, Nghĩa hàm ẩn: Tao không cho mà mày tiện uống nước đâu, mày tự lo lấy đi. Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu: *Vặn vào người khi khát vặn ra mà uống.*

b, Người đầy tớ muốn nói ông chủ thật keo kiệt bủn xỉn

c, Thành ngữ "Vắt cổ chày ra nước" để chỉ sự bủn xỉn, hà tiện, keo kiệt đến quá đáng.

-Câu thành ngữ "Vắt cổ chày ra nước" người ta thường dùng để ám chỉ kẻ keo kiệt thông thường chứ ít người hiểu chính xác là chỉ mấy tên chủ và loại trọc phú chuyên bóc lột sức lao động của người làm công.

Câu 3: Đọc truyện cười Văn hay trong mục *Đọc mở rộng theo thể loại* và thực hiện các yêu cầu sau:

a, Câu nói của người vợ: " *Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?*" có nghĩa hàm ẩn gì?

b, Thấy đồ có hiểu đúng câu nói của vợ mình hay không? Dựa vào đâu em biết điều đó?

c, Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra có phải lúc nào cũng trùng nhau không? Vì sao?

Bài giải:

a, Câu nói có nghĩa là ông viết chữ sấu

b, Thấy đồ hiểu sai câu nói của vợ mình. Dựa vào việc ông đắc chí.

c, Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra không phải lúc nào cũng trùng nhau không. Vì không phải lúc nào người nghe/ người đọc có thể hiểu được nghĩa hàm ẩn trong các câu nói.

Câu 4: Sưu tầm ít nhất một truyện cười có nghĩa hàm ẩn và phân tích nghĩa hàm ẩn có trong (các) truyện cười đó.

Bài giải:

Có người thư sinh nọ quen thói ba hoa khoác lác, từng nói với bạn mình rằng:

"Từ cổ chí kim, thánh nhân chính là những người khó tìm nhất. Năm xưa kể từ lúc Bàn Cổ vương khai thiên lập địa, vạn vật sống trên đời không ai có thể so với ngài. Cho nên ngài được tính là người thứ nhất".

Nói xong câu này, thư sinh giơ lên 1 ngón tay để xác nhận.

"Sau đó là tới Khổng Tử, người am hiểu thi thư lễ nhạc, được mệnh danh là thầy của vạn nhà, không ai dám bất kính. Ngài được tính là người thứ hai" - Thư sinh lại giơ thêm một ngón tay, tỏ ý đang đếm.

Thư sinh nói tiếp:

"Từ sau hai người này, không còn có ai đủ khiến tôi cảm thấy nể phục..."

Thế nhưng chỉ sau vài giây chần chừ, người này lại hớn hờ quay sang khẳng định với bạn mình:

"Anh thấy tôi nói có đúng không? Bậc thánh nhân trên đời quả nhiên rất ít, tính cả tôi mới có đúng 3 người".

Nghĩa hàm ẩn: Anh kia tự đề cao mình lên quá

Bài học rút ra: Ngạo mạn, cuồng vọng thực chất điều ngốc nghếch và sai lầm nhất của đời người.

Câu 5: Các từ ngữ in đậm dưới đây được sử dụng ở vùng miền nào? Chúng có tác dụng gì trong việc biểu đạt giá trị của tác phẩm?

a, Qua tôi **nom** thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!

(Truyện cười dân gian Việt Nam, Con rắn vuông)

b, Khoai sắn tình quê rất **thiệt thà!**

(Tố Hữu, Nhớ đồng)

c, Thò tay mà bứt cọng ngò

Thương em đứt ruột **giả đồ** ngó lơ

(Ca dao)

Bài giải:

a, nom thường được sử dụng ở miền nam. Có tác dụng làm cho câu văn dí dỏm và thể hiện bối cảnh của câu chuyện

b, thiệt thà thường được sử dụng ở miền nam. Có tác dụng làm cho câu văn dí dỏm và thể hiện bối cảnh của câu chuyện

c, giả đồ thường được sử dụng ở miền nam. Có tác dụng làm cho câu văn dí dỏm và thể hiện bối cảnh của câu chuyện

Câu 6: Viết một đoạn hội thoại (không đến ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn và một từ ngữ địa phương nơi em sống.

Bài giải:

Thủ trưởng hỏi người cán bộ tổ chức:

- Đạo này anh thấy anh Nam thế nào?

- Anh ấy hay đi chơi khuya với một người đã có chồng ạ.

- Tệ quá nhỉ ... thế anh có biết người đàn bà đó là ai không?

- Có ạ. Đó là vợ anh ta.

Hàm ý ở đoạn hội trên nằm ở một người đàn bà đã có chồng, không cần một tri thức nền nào, người nghe cũng có thể hiểu được người đàn bà đó chắc chắn là không phải vợ anh Nam, chính điều này mới tạo ra hàm ý.

Văn hay

Câu 1: Xác định đề tài, cốt truyện, bối cảnh của truyện cười trên.

Bài giải:

Truyện cười trên thuộc đề tài châm biếm. Cốt truyện xoay quanh tình huống một ông chồng cứ tưởng mình viết đẹp nhưng mà sự thực thì không phải vậy. Bối cảnh gần gũi là hình ảnh hai vợ chồng trao đổi, giao tiếp hàng ngày.

Câu 2: Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về nhân vật này?

Bài giải:

Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết: Bà vợ đến bên cạnh bảo: Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không.; Bà vợ thông thả nói: Ông chả biết tính toán gì cả.... Nhân vật này biết cách nói ẩn ý để châm chọc ông chồng của mình nhưng không khiến ông chồng cảm thấy bị xúc phạm.

Câu 3: Tác giả dân gian đã tạo tiếng cười cho truyện bằng cách nào?

Bài giải:

Tác giả dân gian đã tạo tiếng cười cho truyện bằng cách dùng lời nói của người vợ để châm biếm nhưng người chồng vẫn không hiểu.

PHẦN THAM KHẢO MỞ RỘNG

Câu 1. Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Văn hay

Bài giải:

- **Giá trị nội dung:**

Văn bản Văn hay là một câu truyện cười, qua tình huống hài hước giữa hai vợ chồng, tác giả dân gian đã châm biếm những người học hành không ra sao nhưng luôn cố tỏ ra mình là người có tài, thích thể hiện trước người khác.

- **Giá trị nghệ thuật:**

Tiếng cười trong truyện được tạo ra bằng cách dùng lời nói của người vợ để châm biếm nhưng người chồng vẫn không hiểu.

PHẦN THAM KHẢO MỞ RỘNG

Câu 1. Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Văn hay

Bài giải:

- **Giá trị nội dung:**

Văn bản Văn hay là một câu truyện cười, qua tình huống hài hước giữa hai vợ chồng, tác giả dân gian đã châm biếm những người học hành không ra sao nhưng luôn cố tỏ ra mình là người có tài, thích thể hiện trước người khác.

- **Giá trị nghệ thuật:**

Tiếng cười trong truyện được tạo ra bằng cách dùng lời nói của người vợ để châm biếm nhưng người chồng vẫn không hiểu.

Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội

HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH KIỂU VĂN BẢN

Câu 1: Bài văn viết về hoạt động xã hội nào? Em có nhận xét gì về trình tự các sự việc được kể trong bài viết?

Bài giải:

Bài văn viết về hoạt động tình nguyện xã hội là thăm bệnh nhân nhi ung thư.

Các sự việc trong bài viết được kể theo trình tự thời gian.

Câu 2: Chỉ ra đoạn văn giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động xã hội được kể.

Bài giải:

Đoạn văn thứ hai giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động được kể.

Câu 3: Xác định ngôi kể của bài viết? Vì sao người viết chọn ngôi kể ấy?

Bài giải:

Bài viết được viết theo ngôi thứ nhất. Người viết chọn ngôi kể ấy vì đây là bài văn kể lại một hoạt động xã hội, người viết phải chọn ngôi kể thứ nhất để đảm bảo tính chính xác và chân thực của văn bản.

Câu 4: Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung điều gì về hoạt động xã hội được kể trong bài viết?

Bài giải:

Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung chân thực các sự việc mà người kể đã thực hiện về hoạt động xã hội được kể trong bài viết.

HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH VIẾT

Đề bài: Hãy viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em suy nghĩ, tình cảm sâu sắc. Bài viết có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố trên.

Bài giải:

Đợt vừa rồi, em đã tình cờ được tham gia một hoạt động từ thiện rất ý nghĩa. Nó đã mang đến cho em vô số cảm xúc khó quên và những bài học rất quý giá.

Đó là vào một ngày mùa đông giá lạnh. Thấy em chỉ nằm dài trên giường nghịch điện thoại, chị gái em quyết định đưa em đi cùng đến sự kiện mà câu lạc bộ của chị tổ chức. Nó mang tên "Hộp cơm yêu thương". Đây là hoạt động đi phát cơm và tặng quà cho những người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố.

Qua lời chị kể, em được biết câu lạc bộ đã đi biểu diễn trên phố đi bộ vào tối hôm trước và thu được một khoản tiền nhỏ. Cùng sự đóng góp thêm của các thành viên, mọi người đã mua rất nhiều nguyên liệu để nấu lên 200 suất cơm nóng hổi. Không chỉ vậy, nhiều phần quà khác gồm bánh, sữa cũng được gói gọn trong những chiếc túi giấy xinh xắn. Nhìn các anh chị tất bật chuẩn bị, trong lòng em cũng hết sức háo hức, không nhịn được và chạy lại giúp một tay.

Đến buổi tối, khi mọi thứ đã xong xuôi, mọi người bắt đầu chia việc. 200 hộp cơm cùng các phần quà được phân đều cho năm nhóm. Mỗi nhóm sẽ phụ trách đi phát cơm ở một quận trong thành phố. Phương tiện di chuyển ngày hôm đó là xe máy. Dưới tiết trời mùa đông, tuy đã mặc hẳn một chiếc áo phao dày nhưng em vẫn cảm nhận được rõ cái lạnh cắt da cắt thịt. Ấy vậy mà em lại bắt gặp được hình ảnh những người vô gia cư ngồi bên dọc đường với bộ đồ mỏng manh vô cùng. Ai may mắn hơn thì có vài tấm bìa cát tông hoặc chiếc chăn mỏng để lót dưới đất nằm nghỉ. Nhìn hoàn cảnh đó, nhóm từ thiện ai cũng rất xúc động. Chúng em lần lượt xuống xe tặng quà và trò chuyện, nghe được những câu chuyện mà họ kể.

Kết thúc chuyến đi, cả đoàn quay trở lại điểm tập kết ban đầu để sắp xếp đồ đạc. Những tấm ảnh chụp trong lúc phát quà được mọi người chia sẻ cho nhau. Chúng sẽ được in ra và treo ở phòng trưng bày của câu lạc bộ. Với hoạt động vô cùng ý nghĩa lần này, em cảm thấy thứ quý giá nhất mình nhận được chính là lời cảm ơn cùng nụ cười hạnh phúc của những người vô gia cư kia.

Đây là một chuyến đi có vui có buồn, lúc háo hức, lúc lại lẳng đọng. Em rất vui vì mình đã góp được chút sức nhỏ để lan tỏa sự yêu thương, tình nghĩa đến cộng đồng.

Câu 1: Em thích điều gì trong bài viết?

Bài giải:

Em thích việc bản thân có thể chia sẻ những điều tốt đẹp.

Câu 2: Điều mà bài viết này cần điều chỉnh là gì?

Bài giải:

Cần có các sự kiện chi tiết trong hoạt động phát cơm.

Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống

Trong buổi sinh hoạt đầu tuần, lớp của em tổ chức buổi thảo luận nhóm với chủ đề: Ý nghĩa của hoạt động xã hội với cộng đồng và bản thân.

Em hãy thành lập nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến về vấn đề này để trình bày trước lớp.

Bài giải:

Học sinh tự thành lập nhóm và thảo luận.

Ôn tập

Câu 1: Đọc lại các truyện cười đã đọc và điền vào bảng sau:

Truyện	Đề tài	Bối cảnh	Nhân vật chính	Thủ pháp gây cười
<i>Vắt cổ chày ra nước</i>				
<i>May không đi giày</i>				
<i>Khoe của</i>				
<i>Con rắn vuông</i>				

Bài giải:

Truyện	Đề tài	Bối cảnh	Nhân vật chính	Thủ pháp gây cười
<i>Vắt cổ chày ra nước</i>	châm biếm thói keo kiệt	Người phú ông muốn đẩy tớ đi làm việc cho mình ở nơi xa nhưng lại không cho anh ta tiền uống nước	Phú ông	Sử dụng hàm ẩn trong câu nói của nhân vật
<i>May không đi giày</i>	châm biếm thói keo kiệt	Người đàn ông đi chân đất nhưng lại không thấy đau mà lại tiếc giày	Người bị chảy máu chân	Suy nghĩ keo kiệt của nhân vật

<i>Khoe của</i>	Châm biếm thói khoe khoang	Một người mất lợn đi tìm lợn hỏi phải người khoe khoang	Hai người đối đáp	Sử dụng câu nói không đúng mục đích hỏi
<i>Con rắn vuông</i>	Châm biếm thói khoác lác	Người chồng khoe với người vợ về con rắn mình nhìn thấy	Người chồng	Người vợ khiến người chồng tự bộc lộ sự vô lý của mình

Câu 2: Ở các truyện cười trên, tiếng cười mang sắc thái nào?

Bài giải

Tiếng cười mang sắc thái dí dỏm, bật lên từ lối nói dóc có nghệ thuật

Câu 3: Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu tục ngữ sau:

*Đời người có một gang tay
Ai hay ngủ ngáy còn lại nửa gang*

Bài giải:

Nghĩa tường minh: Cuộc đời một con người thật ngắn ngủi (chỉ bằng một gang tay)

Nghĩa hàm ẩn: những ai hay ngủ ngáy chỉ còn một nửa, mất đi một nửa thời gian quý giá của sự tồn tại trên đời.

->Câu tục ngữ có ý phê phán những người hay ngủ ngáy, lãng phí thời gian có ích để sống và làm việc. Hãy quý trọng thời gian để cuộc sống có ích, để làm được nhiều việc hơn.

Câu 4: Tìm ít nhất một câu tục ngữ hoặc ca dao trong đó có từ ngữ địa phương nơi em sinh sống.

Bài giải:

Chồng chèo thì vợ cũng chèo
Hai đứa cùng nghèo lại đụng với nhau.

Câu 5: Nêu hai bài học kinh nghiệm về cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

Bài giải

Cần tìm ý trước khi viết bài

Nên chú ý đến các yếu tố thực tế như quang cảnh, con người.

Câu 6: Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý điều gì về cách phản hồi ý kiến của người khác?

Bài giải:

Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý lắng nghe và tôn trọng, học hỏi về cách phản hồi ý kiến của người khác để từ đó có thể rút ra kinh nghiệm, tìm ra những điểm hạn chế của bản thân.

Câu 7: Theo em, thế nào là một tiếng cười có ý nghĩa? Tiếng cười có giá trị như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

Bài giải:

Tiếng cười có ý nghĩa là tiếng cười có thể giúp bản thân và những người xung quanh cảm thấy thoải mái, vui vẻ, lạc quan, yêu đời.

Tiếng cười:

giúp chúng ta suy nghĩ lạc quan

giúp chúng ta có niềm tin trong cuộc sống

núi con người lại gần nhau hơn

nú lại tuổi thanh xuân cho chúng ta

Ông Giuốc-Đanh mặc lễ phục

CHUẨN BỊ ĐỌC

Câu hỏi: Em đã xem những tác phẩm phim hài, hài kịch nào? Chia sẻ với các bạn cảm nhận của em về một nhân vật hoặc một cảnh thú vị từ tác phẩm đã xem.

Bài giải:

Hài kịch "Tôi đẹp...Tôi có quyền"

Vở diễn là một tác phẩm sân khấu với ý tưởng mới lạ và hấp dẫn. Chuyện kịch bắt đầu với sự xuất hiện một cỗ máy làm đẹp, con người chỉ cần bước vào cỗ máy phẫu thuật thẩm mỹ đó trong 30 phút, khi bước ra sẽ trở nên đẹp toàn mỹ. Và rồi cư dân cả thành phố vô cùng hạnh phúc sau khi có được vóc dáng đẹp như mơ ước. Tuy nhiên, trong cả thành phố đã sót lại ba nhân vật, vì ham công việc họ đã chậm trễ, trở thành ba người đăng kí cuối cùng cho công cuộc làm đẹp. Trớ trêu thay khi họ đến, cỗ máy đó đã bị hỏng, và câu chuyện giữa những người đẹp và “ba người xấu” bắt đầu. Họ sẽ ra sao trong một thế giới tôn sùng cái đẹp?

Khi toàn bộ xã hội trở nên đẹp đẽ, mọi người dễ dàng đạt được những điều họ muốn, như tình yêu, danh vọng. Các đạo diễn, nhà tạo mẫu dễ dàng tìm được những hình mẫu và nguồn cảm hứng để sáng tạo. Nhưng rồi mọi thứ bị đảo lộn khi tất cả nhận ra rằng, những vẻ đẹp tựa tựa kia không thể mang đến sự thay đổi cho thế giới. Mọi khuôn mẫu giống nhau đều không thể tạo nên những giá trị đích thực về nhân cách và đạo đức.

Với nội dung ý tưởng độc đáo, tác giả Bùi Quốc Bảo đã xây dựng nên câu chuyện mang tính so sánh ẩn dụ một cách đầy hài hước, mô tả chân thực về một trong những ước vọng “cháy bỏng” của con người hiện đại : tất cả đều mong muốn được có được một vẻ đẹp hoàn hảo, vì vậy, họ đổ xô đi làm đẹp để được đẹp hơn vẻ bề ngoài, nhưng cái kết mà tác giả mang đến đã khiến mọi người nhận ra chân giá trị của cuộc sống : cái đẹp phải được bắt nguồn từ bên trong tâm hồn của mỗi người và được nuôi dưỡng bằng một trái tim nhân hậu.

TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN

Câu 1: Tại sao ông Giuốc-đanh tỏ ý không hài lòng về bác phó may và bộ lễ phục?

Bài giải:

Tại vì bác phó may đến muộn nên ông Giuốc-đanh tỏ ý không hài lòng về bác phó may và bộ lễ phục.

Câu 2: Tại sao ông Giuốc-đanh thay đổi thái độ từ giận thành vui khi nhận bộ lễ phục?

Bài giải:

Bác phó may “vụng chèo khéo chống” nên ông ưng thuận ngay. Gọi ông Giuốc-đanh là ngài và khen là những người quý phái nên ông Giuốc-đanh thay đổi thái độ từ giận thành vui khi nhận bộ lễ phục.

-> Giuốc-đanh thích ăn diện, muốn có vẻ bề ngoài sang trọng nhưng lại ngu dốt không có chút kiến thức nào về ăn mặc.

Câu 3: Các lời thoại trong đoạn này cho thấy điều gì về tính cách nhân vật ông Giuốc đanh và bác phó may?

Bài giải:

- Ông Giuốc-Đanh (trưởng giả, ngu dốt nhưng cố tình muốn trở thành tầng lớp quý tộc). Ông Giuốc-Đanh là người thích ăn diện, muốn làm sang để tỏ vẻ người quý phái nhưng mê muội, ngu dốt, quê kệch, học đòi làm sang.

- Bác phó may (láu cá, ăn bớt tiền của Giuốc-Đanh còn ngụy biện, biến báo, ranh mãnh)

Câu 4: Đoạn in nghiêng này là lời của ai? Vì sao em biết điều đó?

Bài giải:

Đoạn in nghiêng này là lời của tác giả. Vì tác giả dùng lời in nghiêng để kể và tránh nhầm lẫn với lời của nhân vật.

Câu 5: Đoạn đối thoại này đã góp phần thể hiện nét tính cách gì của ông Giuốc-đanh?

Bài giải:

Ông Giuốc-Đanh vô cùng háo danh, ưa nịnh, khao khát được làm quý tộc. -> Giấc mộng mù quáng muốn bước chân vào giới thượng lưu lớn hơn cả sự tiếc tiền. Tính học đòi làm sang của ông không gì cản được.

SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI

Câu 1: Liệt kê tên các nhân vật trong văn bản và cho biết:

a, Các nhân vật ấy hiện thân cho " cái cao cả" hay " cái thấp kém"?

b, Tiếng cười chủ yếu hướng đến nhân vật nào?

Bài giải:

Các nhân vật trong chuyện: Ông Giuốc-đanh, bác phó may, thợ phụ

a, Các nhân vật ấy hiện thân cho " cái thấp kém"

b, Tiếng cười chủ yếu hướng đến Ông Giuốc-đanh

Câu 2: Kẻ bảng sau vào vở, tóm tắt các hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột qua các lời thoại giữa Ông Giuốc đanh với bác phó may trong văn bản:

Hành động và xung đột

Giữa ông Giuốc đanh và Phó may

Các hành động làm nảy sinh xung đột

- Phó may
- Ông Giuốc- đanh

Các hành động giải quyết xung đột

- Phó may
- Ông Giuốc- đanh

Bài giải:

Hành động và
xung đột

Giữa ông Giuốc đanh và Phó may

Các hành động
làm nảy sinh
xung đột

- Phó may: đến muộn, cãi lại ông Giuốc đanh chuyện đôi bít tất, khi bị chê thì bảo may lại hoa, lấy vải của ông Giuốc đanh để may áo của mình, mời ông Giuốc đanh mặc lễ phục nhưng lại bảo người khác mặc cho
- Ông Giuốc- đanh: đôi bít tất bị rách nhưng lại đổ cho phó may, bảo đôi giày làm đau chân, chê hoa may ngược,

Các hành động
giải quyết xung
đột

- Phó may: khôn khéo xoay chuyển tình thế, nịnh ông Giuốc đanh
- Ông Giuốc- đanh: cho thêm tiền, đồng ý mặc lễ phục

Câu 3: Theo em, vì sao hành động của các nhân vật và cách giải quyết xung đột trong màn kịch trên lại làm bật lên tiếng cười?

Bài giải:

Tác giả xây dựng hình tượng nhân vật hài kịch bất hủ khi tạo ra sự khập khiễng bất hòa giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn với giấc mộng học đòi làm sang.

Hàng loạt chi tiết gây cười: bộ lễ phục với bông hoa ngược, tiền thưởng cho những tiếng tung hô, nịnh bợ, vẻ vênh vác rờm hợm của ông Giuốc đanh khi mặc lễ phục.

Giấc mơ bước chân vào giới thượng lưu khi không có kiến thức, hiểu biết liên tục đẩy ông Giuốc đanh trở thành người lỗ bịch.

-> Mô-li-e tài tình trong việc khắc họa tính cách lỗ lã của một tay trưởng giả muốn học đòi học làm sang, gây nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả.

Câu 4: Cho biết:

a, Những cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: "Ông Giuốc-đanh (nhìn áo của bác phó may)...", " Ông Giuốc-đanh.... (nói riêng) ..." là lời của ai và có vai trò như thế nào trong văn bản kịch?

b, Nếu thiếu đi các đoạn văn in nghiêng ở giữa và cuối văn bản thì việc phát triển xung đột kịch, thể hiện tính cách nhân vật ông Giuốc-đanh và tạo tiếng cười trong màn kịch sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

Bài giải:

a, Những cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: "Ông Giuốc-đanh (nhìn áo của bác phó may)...", " Ông Giuốc-đanh (nói riêng)..." là lời tác giả và có vai trò giải thích, kể chi tiết các tình huống giúp cho người đọc hiểu và dễ hình dung câu chuyện.

b, Nếu thiếu đi các đoạn văn in nghiêng ở giữa và cuối văn bản thì việc phát triển xung đột kịch, thể hiện tính cách nhân vật ông Giuốc-đanh và tạo tiếng cười trong màn kịch sẽ khó hình dung, tính cách nhân vật sẽ không được khắc họa rõ nét từ đó người đọc khó hình dung tình huống kịch.

Câu 5: Màn kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục khai thác dạng xung đột nào trong các dạng xung đột dưới đây?

a, Xung đột giữa " cái cao cả" với " cái cao cả"

b, Xung đột giữa " cái cao cả" với " cái thấp kém"

c, Xung đột giữa " cái thấp kém" với " cái thấp kém"

Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?

Bài giải:

Màn kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục khai thác dạng xung đột c, Xung đột giữa "cái thấp kém" với " cái thấp kém"

Dựa vào lời nói, tình huống chuyện và lời kể của tác giả cho thấy được tính cách nhân vật.

Câu 6: Xác định chủ đề của văn bản. Phân tích một trong những thủ pháp nghệ thuật mà em cho là có hiệu quả rõ rệt trong việc thể hiện chủ đề.

Bài giải:

Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục thuộc thể loại kịch. Chủ đề châm biếm thói xấu của những người thấp kém. Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục đã xây dựng hết sức sinh động, khắc họa tài tình tính cách lỗ lã của một tay trưởng giả muốn học đòi làm sang.

Nghệ thuật: xung đột giữa các nhân vật:

Vở kịch gây cười ở sự mất cân bằng đối xứng giữa hình thức với nội dung, giữa cái biểu hiện bên ngoài với cái bên trong. Tác giả xây dựng hình tượng nhân vật hài kịch bất hủ khi tạo ra sự khập khiễng bất hòa giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn với giấc mộng học đòi làm sang.

Hàng loạt chi tiết gây cười: bộ lễ phục với bông hoa ngược, tiền thưởng cho những tiếng tung hô, nịnh bợ, vẻ vênh vác rờm hợm của ông Giuốc-đanh khi mặc lễ phục.

Giấc mơ bước chân vào giới thượng lưu khi không có kiến thức, hiểu biết liên tục đẩy ông Giuốc-đanh trở thành người lỗ bịch.

-> Mô-li-e tài tình trong việc khắc họa tính cách lỗ lã của một tay trưởng giả muốn học đòi học làm sang, gây nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả.

Câu 7: Một số bạn cho rằng nên dùng Trưởng giả học làm sang làm nhan đề cho văn bản trên, một số khác lại cho rằng nhan đề Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung của văn bản. Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?

Bài giải:

Em đồng ý với ý kiến nhan đề Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung của văn bản, vì nhan đề đã phản ánh đầy đủ nội dung, giúp cho người đọc hình dung được câu chuyện tốt hơn.

Câu hỏi 2. Em hãy nêu nội dung chính của bài Ông Giuốc-Đanh mặc lễ phục

Bài giải:

Nội dung chính: thói học đòi làm sang của hạng người trưởng giả. Tính cách ấy biến con người thành một thứ trò hề mà chính con người – hề kia không tự biết.

Cái chúc thư

CHUẨN BỊ ĐỌC

Câu hỏi: Các bản chúc thư thường có nội dung, mục đích thế nào và thường do ai lập? Điều gì đảm bảo cho một bản chúc thư có giá trị?

Bài giải:

"Chúc thư" hay "Di chúc" là lời dặn dò của người chủ gia đình, người lãnh đạo đất nước trước khi mất. Chúc thư, di chúc viết thành văn bản có giá trị hành chính, pháp lý. Nếu không biết chữ, hoặc yếu quá không viết được nữa thì nhờ người khác viết, đọc lại cho nghe rồi ký tên hoặc điểm chỉ vào dưới.

TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN

Câu 1: Điều gì sẽ xảy ra với các nhân vật khi họ tham dự vào màn kịch làm chúc thư mạo danh này?

Bài giải:

Các nhân vật sẽ bị bại lộ và có khi bị bắt khi họ tham dự vào màn kịch làm chúc thư mạo danh này.

Câu 2: Ở lớp kịch thứ III và thứ IV, khi sắp thực hiện mưu kế đã vạch sẵn, tâm trạng của Hy Lạc, Khiết Lý có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau ấy?

Bài giải:

Ở lớp kịch thứ III và thứ IV, khi sắp thực hiện mưu kế đã vạch sẵn, tâm trạng của Hy Lạc là hào hứng, mong đợi, còn Khiết thì lo sợ. Bởi Hy Lạc là người giục nhưng không phải là người ký nên không có tội, còn được hưởng lợi nếu thành công còn Khiết thì lo sợ do Khiết là người giả mạo, sợ bị phát hiện.

Câu 3: Chú ý phân biệt các lượt thoại nhân vật nói với người khác (đối thoại) và nói với chính mình (độc thoại) trong lớp thứ VI?

Bài giải:

Các lượt thoại nói với chính mình thì đứng sau (*nói một mình*), (*nói riêng*), (*nói rõ*) còn lại là các thoại nói với người khác.

Câu 4: Từng nhân vật Hy Lạc, Khiết, Lý hiện ra trong màn kịch với nét tính cách như thế nào?

Bài giải:

Hy Lạc là một người tham vật chất, không sợ gì cả mà bất chấp tất cả chỉ để giành được gia sản của bác mình, vô tình vô nghĩa.

Khiết là một người tham vật chất nhưng vẫn sợ bị phát hiện, biết cách hưởng lợi cho mình.

Lý là người tham vật chất nhưng biết cách lợi dụng người khác, ngư ông đắc lợi mà không mang tiếng xấu

SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI

Câu 1: Nêu một số biểu hiện cụ thể của hành động kịch trong văn bản. Có thể sử dụng mẫu bảng sau:

Nhân vật	Hành động kịch qua lời đối thoại	Hành động kịch qua lời độc thoại	Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi
Hy Lạc			
Khiết			
Lý			
Bài giải:			
Nhân vật	Hành động kịch qua lời đối thoại	Hành động kịch qua lời độc thoại	Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi
Hy Lạc	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm ơn và trấn an giả bác... - Làm việc này vì tình yêu - Muốn ở bên cạnh Khiết để xem xét - Giả vờ buồn khi Khiết bảo sẽ để lại cho gia tài - Tức tối khi Khiết muốn để tiền cho mình 	<ul style="list-style-type: none"> - Tức tối và chửi thầm tự ý để tiền cho mình - Muốn biết Khiết có ý gì 	<ul style="list-style-type: none"> - Chửi thầm - Tức giận - Bất ngờ - Vui mừng
Khiết	<ul style="list-style-type: none"> - Sợ bị phát hiện khi đóng giả nhưng vẫn liều - Cho đóng cửa và bảo Hy Lạc ngồi cạnh vì sợ bị phát hiện - Cho Hy Lạc và Lý ở cạnh - Đóng giả và muốn chết tiết kiệm - Tự ý để tiền cho mình 		<ul style="list-style-type: none"> - Vui mừng
Lý	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp khiết đóng giả bác - Muốn ở bên cạnh Khiết để xem xét - Giả vờ cảm ơn khi Khiết bảo sẽ để lại cho gia tài - Vui mừng khi được để cho hai trăm ngàn đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Sợ Khiết quên mình - Mừng khi việc làm giả hoàn thành 	<ul style="list-style-type: none"> - Bất ngờ - Vui mừng

Câu 2: Phân tích một số điểm tương đồng và khác biệt trong tính cách của các nhân vật Hy Lạc, Khiết, Lý.

Bài giải:

- Điểm giống là cả ba đều tham tiền tài, háms của, dám làm mọi chuyện để trục lợi cho mình
- Điểm khác:

Hy Lạc: Ham tiền tài nhưng lại không biết tính toán nên khi Khiết trục lợi cho mình nên chỉ biết chấp nhận

Khiết: Sợ bị phát hiện nhưng vì tiền nên dám làm liều, lợi dụng sơ hở để trục lợi cho mình

Lý: Ngồi không hưởng lợi, vui mừng khi được lợi mà không mất gì.

Câu 3: Tác giả muốn gửi đến người đọc, người xem thông điệp gì qua văn bản trên? Căn cứ vào đâu để xác định như vậy.

Bài giải:

Tác giả muốn phê phán mãnh liệt bản chất giả dối và sự lố lăng, đồi bại của xã hội ngày ấy. Vì tiền mà bất chấp tất cả bất chấp tình thương, tình cảm anh em chỉ để trục lợi cho mình. Điều này được thể hiện qua các tình huống kịch.

Câu 4: Phân tích thủ pháp trào phúng mà em cho là đặc sắc trong văn bản.

Bài giải:

- Xây dựng những chi tiết mâu thuẫn trào phúng ẩn tượng trong đoạn trích:
- Khiết sợ bị phát hiện nhưng vì tiền nên vẫn dám làm liều
- Hy Lạc vui mừng vì thành công làm giả chúc thư nhưng lại tức tối khi thấy Khiết trục lợi cho bản thân
- Lý bất ngờ vì hành động của Khiết nhưng vẫn thấy vui vì được chia tiền
- Nghệ thuật xây dựng và phát triển các tình huống
- Giọng văn mỉa mai, sử dụng thủ pháp cường điệu, nói quá được sử dụng một cách linh hoạt: Đâu cugnx được.... chỉ cốt đừng chôn tôi gần bọn tham quan ô lại..... hoặc tác giả miêu tả : “Chết đắt tiền lắm thì sao cho yên được giấc trăm năm? Nhất sinh tôi cần kiệm, việc tống táng tôi không được làm tốn tiền”..... Dù lấy tiền của người khác nhưng lại không cho người ta được chết một cách thoải mái, tham tiền nhưng lại không muốn chôn cùng bọn tham ô -> Sự mâu thuẫn, mỉa mai được bộc lộ rõ.
- Ngòi bút miêu tả sắc sảo: Những nét riêng của từng nhân vật trong đoạn trích.

Câu 5: Cho biết ý kiến của em về một trong hai nhận định dưới đây:

a, Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn có mặt trong các lớp kịch III, IV, V, VI.

b, " Cái chúc thư" cũng là một nhân vật văn học có nhiều ý nghĩa.

Bài giải:

a, Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn có mặt trong các lớp kịch III, IV, V, VI.

Ý kiến này đúng vì dù cụ không xuất hiện nhưng luôn được nhắc tới bởi sự đóng vai của Khiết, làm giả cụ Di Lung.

Câu 6: Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản *Cái chúc thư* là hài kịch?

Bài giải:

Dựa trên hành động kịch của các nhân vật Hy Lạc, Khiết, Lý. Qua lời đối thoại và lời độc thoại nội tâm của các nhân vật cho thấy sự mỉa mai của tác giả, bên cạnh đó nhà văn cũng đã rất thành công dùng lời văn để bộc lộ sự châm biếm của mình đối với xã hội lúc bấy giờ.

Câu 7: Cùng với ba bạn trong lớp, em hãy nhập vai và thể hiện lời thoại của một trong bốn nhân vật Hy Lạc, Khiết, Lý, Thận Trọng.

Bài giải:

Học sinh tự thực hiện

PHẦN THAM KHẢO MỞ RỘNG

Câu 1. Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài *Cái chúc thư*.

Bài giải:

- **Giá trị nội dung:**

Thông qua đoạn trích, người đọc có thể thấy được những mặt trái tồn tại trong tâm lí con người. Các nhân vật Hy Lạc, Khiết, Lý là đại diện cho những kẻ cấu ham tiền tài, thích trục lợi cho mình. Vì lợi ích của bản thân mà không từ thủ đoạn, đối phó với chính người thân của mình.

- **Giá trị nghệ thuật:**

Xây dựng những chi tiết mâu thuẫn trào phúng ẩn tượng trong đoạn trích.

Giọng văn mỉa mai, sử dụng thủ pháp cường điệu, nói quá được sử dụng một cách linh hoạt

Câu hỏi 2. Em hãy nêu nội dung chính của bài Cái chúc thư

Bài giải:

Nội dung chính: phê phán, lên án mãnh liệt với các hành vi giả dối để chuộc lợi cho bản thân.

Câu hỏi 3. Nêu tác giả, tác phẩm, bố cục của bài Cái chúc thư

Bài giải:

1. Tác giả

Vũ Đình Long (19 tháng 12 năm 1896 – 14 tháng 8 năm 1960) là nhà viết kịch Việt Nam.

Ông còn là chủ nhà in, nhà xuất bản Tân Dân và nhiều tờ báo như Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Ích hữu... vở kịch Chén thuốc độc (1921) của ông được coi là tác phẩm khai phá của nghệ thuật sân khấu kịch Việt Nam.

2. Tác phẩm

a. Thể loại: kịch

b. Phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm

3. Bố cục: chia như các hồi kịch

Loại vi trùng quý hiếm

SUY NGẪM CÙNG VĂN BẢN

Câu 1: Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người nào? Người kể chuyện có thái độ đối với các nhân vật này như thế nào? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?

Bài giải:

Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người tự mãn. Người kể chuyện có thái độ dè bieu đối với các nhân vật này. Dựa vào lời văn cho thấy sự tự mãn của các nhân vật.

Câu 2: Theo em, những yếu tố góp phần tạo ra tiếng cười trong văn bản này là gì?

Bài giải:

Theo em, những yếu tố góp phần tạo ra tiếng cười trong văn bản này là tình huống truyện và lời văn của tác giả. Việc giáo sư tự mãn đến việc các trợ giảng hiểu ý của ông và sự tự hào khi xem ra được loại vi trùng mới hay việc thay đổi dựa trên biểu hiện của bệnh nhân cho thấy sự châm biếm của tác giả.

Câu 3: Nhận xét về cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng "loại vi trùng quý hiếm" trong văn bản.

Bài giải:

Cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng "loại vi trùng quý hiếm" trong văn bản không sử dụng với mục đích ca ngợi mà được sử dụng với mục đích châm biếm, loại vi trùng này bình thường nhưng do con người tự mãn nên nó trở thành quý hiếm, bác sĩ không chữa trị cho bệnh nhân mà dựa trên tình hình của bệnh nhân để thể hiện sẽ tự mãn của mình đối với một phát hiện mới.

PHẦN THAM KHẢO MỞ RỘNG

Câu 1. Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Loại vi trùng quý hiếm

Bài giải:

- **Giá trị nội dung:**

Văn bản xoay quanh việc giáo sư tự mãn trước loại vi trùng mới ông phát hiện ra. Tuy nhiên, vi trùng này lại là loại có thể gây hại cho môi trường và thậm chí còn ảnh hưởng đến sức khỏe của con người. Qua truyện, tác giả muốn thể hiện thái độ châm biếm, dè bừ đối với hành vi của một số người tự cho mình là tài giỏi, tự mãn dẫn đến sai lầm khi làm việc.

- Giá trị nghệ thuật:

Truyện thành công trong việc xây dựng tình huống truyện thú vị, độc đáo, làm nổi bật lên tính cách của từng nhân vật.

Câu hỏi 2. Em hãy nêu nội dung chính của bài Loại vi trùng quý hiếm

Bài giải:

Nội dung chính: châm biếm chứ không hoàn toàn ca ngợi bởi đã là vi trùng thì nó sẽ gây hại cho môi trường và thậm chí còn ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

Câu hỏi 3. Nêu tác giả, tác phẩm, bố cục của Loại vi trùng quý hiếm

Bài giải:

1. Tác giả

Aziz Nesin, đọc là Azit Nexin hay Azit Nêxin, (tên khai sinh là Mehmet Nusret; 20 tháng 12 năm 1915 — 6 tháng 7 năm 1995) là một nhà văn châm biếm được ngưỡng mộ ở Thổ Nhĩ Kỳ và là tác giả của hơn 100 cuốn sách.

Thường được gọi với cái tên "Aziz Nesin", đây nguyên là tên cha ông, được Nesin sử dụng làm bút danh khi bắt đầu sáng tác. Ông đã sử dụng hơn năm mươi bút danh, như "Vedia Nesin", tên người vợ đầu, cho những bài thơ tình được xuất bản trên tạp chí Yedigün.

Ông sinh tại Heybeliada, Istanbul dưới chế độ đế chế Ottoman năm 1915. Sau khi làm viên chức trong vài năm, ông trở thành người biên tập của một loạt tạp chí trào phúng châm biếm nghiêng về chủ nghĩa xã hội. Ông bị tổng giam vài lần vì thái độ chính trị của mình.

2. Tác phẩm

a. Thể loại: văn xuôi

b. Phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm

3. Bố cục:

- Phần 1: Từ đầu đến vào phòng bệnh: Giới thiệu vị giáo sư

- Phần 2: Tiếp theo Quả chúng ta đã gặp được loài vi trùng quý hiếm!: Tìm ra vi trùng

- Phần 3: Còn lại: Kết quả của việc tìm ra vi trùng

Thực hành tiếng việt

Câu 1: Xác định trợ từ và thán từ được sử dụng trong các lời thoại sau:

a, - A! Bác đã tới đây à? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

b, - Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phái đều mặc như thế cả.

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

c, - Nhưng mà tôi lo lắm, cậu ạ. Nếu làm không khéo, lộ chuyện ra thì tù một gông chứ chẳng chơi đâu.

(Vũ Đình Long, *Cái chúc thư*)

Bài giải:

a, Thán từ: A

b, Trợ từ: những

c, Thán từ: Nhưng, chứ

Câu 2: Tìm thán từ trong các câu sau, giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng:

a, - Ở này! Vào đây các chú.

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

b, - " Cự lớn", ồ, ồ, cự lớn!

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

c, - Ô kìa, bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

Bài giải:

Thán từ: Ở này, ồ, ồ, Ô kìa để biểu lộ cảm xúc, sự bất ngờ. và dùng để gọi đáp.

Câu 3: Trong các cặp câu a_1 - a_2 , b_1 - b_2 dưới đây, những từ in đậm nào là trợ từ? Căn cứ vào đâu để em khẳng định như vậy?

a_1 , Tôi đau đớn quá! Tôi chết mất thôi.

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

a_2 , Tôi đi từ nhà đến trường mất hơn nửa giờ.

(Nhóm biên soạn)

b_1 , Cái tội giả mạo chữ kí là một trọng tội, tôi run lắm kia, cậu ạ.

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

b_2 , Người ấy chỉ tay xa ra và nói: " Ông ta đang gặt lúa ở cánh đồng kia"

(Truyện dân gian Việt Nam)

Bài giải:

Từ mất và kia trong câu a_1 và b_1 là trợ từ vì nó bổ sung nghĩa cho từ chết và từ lắm, nếu không có hai từ này thì câu vẫn được giữ nguyên nên em khẳng định như vậy.

Câu 4: Các câu sau sử dụng những trợ từ nào? Hãy giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng.

a, Một tên đầy tớ mà bác cho nhiều thế ư?

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

b, Bệnh nhân mới à? Anh ta làm sao?

(A-zit-Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)

c, Bấm, đúng ạ!

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

d, Ngài và đoạn tùy tùng của ngài làm việc đến quên ăn quên ngủ để duy trì sự sống cho nó.

(A-zit-Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)

Bài giải:

Các trợ từ được sử dụng:

a, ư

b, à

c, ạ

d, đến

Các trợ từ được sử dụng có tác dụng bổ nghĩa cho các danh từ giúp mang lại hiệu quả truyền đạt thông tin và nhấn mạnh chủ đề được nhắc đến

Câu 5: Đặt hai câu có sử dụng thán từ và hai câu có sử dụng trợ từ.

Bài giải:

Hai câu có sử dụng trợ từ:

- Người giỏi thể thao nhất lớp là bạn Hoa

- Mẹ tớ là giáo viên

Hai câu có sử dụng thán từ:

- Ôi thời tiết hôm nay đẹp quá

- Chao ôi! Khung cảnh trước mặt thật hùng vĩ

Câu 6: Trong câu 7 (*Suy ngẫm và phản hồi - Văn bản 2*), khi cùng với bạn nhập vai và thể hiện lời thoại của các nhân vật trong văn bản *Cái chúc thư*, các em đã sử dụng những trợ từ và thán từ nào? Nêu chức năng của các trợ từ, thán từ đó.

Bài giải:

Học sinh tự nhớ lại và thực hiện yêu cầu.

Thuyền trưởng tàu viễn dương

Câu 1: Theo em, giữa người coi trọng "sĩ diện" với người mắc "bệnh sĩ" có gì khác nhau? Văn bản trên (và đoạn tóm tắt vở kịch *Bệnh sĩ*) cho thấy nhân vật nào hiện thân đầy đủ cho người mắc "bệnh sĩ"? Phân tích một số chi tiết tiêu biểu để làm rõ ý kiến.

Bài giải:

Theo em người coi trọng "sĩ diện" với người mắc "bệnh sĩ" có gì khác nhau? Về hành động, người coi trọng sĩ diện sẽ làm mọi việc để bảo vệ lòng tự trọng của bản thân còn người mắc bệnh sĩ diện sẽ làm mọi việc để thể hiện bản thân. Văn bản trên (và đoạn tóm tắt vở kịch *Bệnh sĩ*) cho thấy nhân vật Ông Toàn Nha hiện thân đầy đủ cho người mắc "bệnh sĩ". Bởi ông vì háo danh mà phát động cuộc thay trời đổi đất dù ông học hết lớp 4, cho người đóng giả thuyền trưởng tàu viễn dương.....Ông làm mọi việc để có thể thể hiện bản thân, nâng cao tên tuổi của mình mà bất chấp làm giả, thậm chí có thể hại người khác.

Câu 2: Điều gì khiến ông Toàn Nha nghĩ rằng ông đang được chở đi cấp cứu trên một con tàu viễn dương, mặc dù trên thực tế đó chỉ là chiếc tàu chở phân đạm cho địa phương?

Bài giải:

Vì ông háo danh nên bảo anh Hưng giả làm thuyền trưởng tàu viễn dương. Vì bệnh sĩ của mình mà đến khi đi cấp cứu ông vẫn nghĩ rằng ông đang được chở đi cấp cứu trên một con tàu viễn dương, mặc dù trên thực tế đó chỉ là chiếc tàu chở phân đạm cho địa phương

Câu 3: Nêu một số ví dụ trong văn bản về lời đối thoại và lời chỉ dẫn sân khấu.

Bài giải:

Lời đối thoại là lời in thẳng, còn lời chỉ dẫn sân khấu là lời in nghiêng trong ngoặc đơn.

- Cá lửa nữa, phải dập mau... ta phải về đây! Nào, Nhàn!

(Có mấy người định chạy đi thì có tiếng huyên náo)

- Ở đây đã! Đã có người dập lửa! Cứu người cần hơn! Các anh ở đây đã! Cứu người! Cấp cứu!

(Anh Văn Sửu cùng ông Đốp, ông Thành khiêng một cái cáng trên đó ông Toàn Nha nằm bất tỉnh, áo quần tơi tả, lấm lem khói pháo, người nhiều vết bỏng, tay, mắt đen sì...)

Câu 4: Tóm tắt các hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột giữa một trong các nhóm nhân vật sau: giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn; giữa Hưng và Nhàn.

Bài giải:

Hành động làm nảy sinh xung đột giữa Hưng với Nhàn: Hưng nói dối Nhàn về thân phận lái con tàu chở phân đạm.

Hành động giải quyết xung đột: Hưng nói sự thật cho Nhàn biết

Câu 5: Phân tích một số thủ pháp trào phúng trong văn bản.

Bài giải:

Nhà văn đã xây dựng tình huống xung đột giữa các nhân vật để tô đậm lên tác hại của sự giả dối. Như Hưng nói dối Nhàn nhưng Nhàn lại biết sự thật; Ông Nha bị bỏng nhưng khi tỉnh dậy vẫn nghĩ mình đang ở trên tàu viễn dương....

Nhà văn sử dụng từ ngữ mang tính mỉa mai: Hào danh sĩ, cứ phải viễn dương cơ, biển cơ. Không có cái hào danh của các vị thì làm gì có việc gì rắc rối....

Nhà văn sử dụng câu từ mỉa mai, lối nói châm biếm và xây dựng các tình huống truyện xung đột để khắc họa rõ nét tính cách các nhân vật từ đó châm biếm thói sống hảo danh, mắc bệnh sĩ đẽ rồi hại đến bản thân mà vẫn không biết sai.

Câu 6: Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên là hài kịch?

Bài giải:

Những dấu hiệu giúp em nhận biết văn bản trên là hài kịch: văn bản có bố cục các phần rõ ràng, có sự phân chia nhân vật tách biệt, có các lời kể, hướng dẫn sân khấu cũng như sử dụng câu từ, xây dựng tình huống truyện thể hiện sự mỉa mai, châm biếm rõ nét của tác giả.

Câu 7: Cùng các bạn trong nhóm phân vai, diễn xuất hoặc đọc diễn cảm một cảnh trong văn bản trên.

Bài giải:**Học sinh tự thực hiện.**

PHẦN THAM KHẢO MỞ RỘNG

Câu 1. Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Thuyền trưởng tàu viễn dương

Bài giải:

- **Giá trị nội dung:**

Văn bản đã làm nổi bật lên thói hư tật xấu ở một số người, đó là “bệnh sĩ”.

Thông qua việc xây dựng các tình huống xung đột giữa các nhân vật tác giả đã làm nổi bật hậu quả của sự giả dối.

- **Giá trị nghệ thuật:**

Giọng văn mỉa mai, sử dụng thủ pháp cường điệu, nói quá được sử dụng một cách linh hoạt. Ngôi bút miêu tả sắc sảo: Mỗi nhân vật trong đoạn trích có những nét riêng của mình.

Viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH KIỂU VĂN BẢN

Câu 1: Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục, cách trình bày thông tin trong từng phần,...) của một văn bản kiến nghị?

Bài giải:

Văn bản đã đủ ba phần mở đầu, kết thúc, nội dung. Cách trình bày thông tin cũng đúng theo bố cục từng phần.

HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH KIỂU VĂN BẢN

Câu 1: Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục, cách trình bày thông tin trong từng phần,...) của một văn bản kiến nghị?

Bài giải:

Văn bản đã đủ ba phần mở đầu, kết thúc, nội dung. Cách trình bày thông tin cũng đúng theo bố cục từng phần.

Câu 2: Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của văn bản kiến nghị.

Bài giải:

Các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của văn bản kiến nghị:

Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị của người viết (nếu có): Trình bày sát lề trái của văn bản.

Số kí hiệu văn bản (nếu có): trình bày sát lề trái của văn bản.

Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên văn bản kiến nghị, cụm từ tóm tắt nội dung vấn đề kiến nghị, tên cá nhân tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị.

Ghi rõ tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết về cá nhân, tổ chức làm văn bản kiến nghị.

Câu 3: Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là gì? Nêu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng.

Bài giải:

Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là:

Tiếng ồn ảnh hưởng đến sinh hoạt học tập của học sinh

Có kẻ xấu lợi dụng sơ hở để lấy cắp đồ đạc hoặc có hành vi thiếu đúng đắn với nữ sinh.

Nhiều bóng điện bị hư hỏng

Phần nội dung đã nêu rõ các nội dung kiến nghị và đề xuất giải pháp cho từng đề nghị

Câu 4: Xác định những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị.

Bài giải:

Các nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc là:

Lời cảm ơn

Kí tên người đại diện làm kiến nghị

HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH VIẾT

Đề bài: Giả sử em được tập thể lớp giao nhiệm vụ kiến nghị với Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức một hoạt động ngoại khóa để nâng cao kỹ năng sống cho học sinh hoặc có giải pháp xây dựng môi trường học tập tốt hơn. Hãy thay mặt lớp viết bản kiến nghị đó.

Bài giải:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 20 tháng 2 năm 2023

ĐƠN KIẾN NGHỊ

Về việc tổ chức hoạt động ngoại khóa nâng cao kỹ năng sống cho học sinh

Kính gửi: Ban giám hiệu trường THCS Hồng Thái

Tập thể lớp 8A chúng em xin trình bày với ban giám hiệu trường một việc như sau: Sau khi tham khảo kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa cho học sinh khối 8. Do muốn nâng cao kỹ năng sống, chúng em cảm thấy cần phải bổ sung một số hoạt động ngoại khóa để nâng cao kỹ năng sống cho học sinh.

Thay mặt lớp 8A, Em xin chân thành cảm ơn!

Người viết đơn kiến nghị

Nguyễn Thị Như

(cùng tập thể học sinh lớp 8A)

Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

Đề bài: Các văn bản hài kịch mà em đã học gợi ra một số vấn đề xã hội rất sâu sắc, những vấn đề đó không chỉ ở trong quá khứ mà vẫn tồn tại trong xã hội hiện nay. Hãy chọn một vấn đề mà em quan tâm để trình bày ý kiến của mình.

Bài giải:

Dưới đây là mẫu một bài nói:

Lê Nin nói: 'học, học nữa, học mãi'. Quả thật là đúng, con người chúng ta từ khi cha sinh mẹ đẻ đến giờ cài gì mà ta muốn biết thì cũng phải học. Học từ cách đi, đứng, nói năng, học lấy cái chữ để còn biết đọc, biết viết lấy thêm tri thức, hiểu biết để sử dụng trong cuộc sống. Thế nhưng các bạn có biết học sinh hiện hay có một hiện tượng rất đáng chê trách đó là có nhiều bạn lười học không chịu học bài làm bài trước khi đến lớp.

Hiện tượng học sinh lười học dường như khá phổ biến. Nó xuất hiện ở hầu hết các lớp, các trường, từ học sinh lớp một đến lớp chín, lớp mười đều có học sinh lười học. Vậy hiện tượng học sinh lười học này do đâu và nguyên nhân vì sao? Có rất nhiều nguyên nhân dẫn

đến hiện tượng học sinh lười học. Nguyên nhân khách quan là do sức ép từ cha mẹ học sinh đặt kì vọng quá nhiều vào con làm cho học sinh cảm thấy chán nản, mệt mỏi hoặc do tâm lí của học sinh bị ảnh hưởng từ gia đình. Những nguyên nhân đó chỉ là nguyên nhân khách quan còn nguyên nhân chủ quan như: ham chơi điện tử, lười học, đua đòi, bỏ bê chuyện học tập. Những bạn học sinh đó có biết việc làm đó gây nên hậu quả như thế nào đến bản thân mình và toàn xã hội.

Những việc làm đó gây nên rất nhiều hậu quả to lớn đối với bản thân và toàn xã hội. Khi các bạn học sinh đó lười học sẽ bị hổng kiến thức, kết quả học tập sẽ bị ảnh hưởng dẫn đến thành tích của lớp, của nhà trường cũng sẽ bị ảnh hưởng. Không những thế, việc làm đó còn làm cho cha mẹ chúng ta buồn lòng. Còn những bạn ham chơi điện tử, đua đòi thì sẽ làm cho kinh tế của gia đình bị hao hụt. Nhiều bạn như thế thì sẽ làm ảnh hưởng đến nguồn kinh tế của nhà nước. Khi các bạn không học, đua đòi thì sẽ bị lôi kéo vào các tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc gây nên nhiều tệ nạn xã hội cho đất nước ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân.

Tuy vậy những không phải bạn nào cũng lười học, không chịu học bài và làm bài. Ngược lại có nhiều bạn rất chăm chỉ luôn học bài và làm bài trước khi đến lớp nên kết quả học tập tốt, luôn được điểm cao làm vui lòng thầy cô và cha mẹ, đưa lớp tiến lên. Các bạn ấy luôn cố gắng học tập để đạt được nhiều thành tích như học sinh giỏi cấp huyện, cấp trường và cấp quốc gia quốc tế.

Khi các bạn ấy cố gắng học tập chăm chỉ thì kiến thức của các bạn sẽ không bị mất, kết quả học tập cũng không bị ảnh hưởng, thành tích học tập của trường lớp luôn tốt. Bố mẹ của các bạn đó cũng tự hào, hãnh diện vì có đứa con chăm ngoan học giỏi, để được nở mày nở mặt trước mọi người.

Vậy bây giờ chúng ta cần làm gì? làm như thế nào để khắc phục hiện tượng học sinh lười học hiện nay? Mỗi bạn học sinh cần phải tự vươn lên trong học tập, có ý thức cố gắng. Ở trên lớp cần phải chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu xây dựng bài, chỗ nào không hiểu phải hỏi bạn bè hoặc thầy cô để hiểu bài hơn chứ không được giấu dốt, phải chăm chỉ học bài và làm bài trước khi đến lớp, phải cố gắng tìm lại niềm vui trong học tập, không để chuyện gia đình ảnh hưởng đến học tập. Đồng thời cha mẹ học sinh cũng phải ủng hộ cho học sinh tham gia thêm các hoạt động ngoại khóa như đi cắm trại, đi thăm quan để nâng cao hiểu biết cách ứng xử giao tiếp đối với mọi người xung quanh. Các học sinh ham chơi điện tử thì phải bỏ, không chơi quá nhiều đến mức nghiện. Tốt nhất là không chơi để không bị ảnh hưởng đến học tập, không đua đòi theo các bạn xấu để xa vào các tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc. Phải cố gắng học bài làm bài đầy đủ, phải tự mình có ý thức là học cho mình chứ không phải học cho ai khác. Việc học thật sự rất quan trọng đối với chúng ta.

Mọi người hãy cố gắng học tập chăm chỉ để lấy kiến thức, trong cuộc sống. Chúng ta phải lấy việc học lên làm đầu. Phải cố gắng vì bản thân chúng ta và gia đình.

Ôn tập

Câu 1: Nêu và giải thích đặc điểm của hài kịch. Minh họa một trong những đặc điểm ấy bằng các dẫn chứng rút ra từ một trong ba văn bản hài kịch đã đọc.

Bài giải:

Các đặc điểm của hài kịch:

Nhân vật của hài kịch là đối tượng của tiếng cười, gồm những người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hài kịch được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày, phê phán cái xấu.

Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động của các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, cử chỉ...) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng: tấn công - phản công; thăm dò - lảng tránh; chất vấn - chối cãi, thuyết phục - phủ nhận/ bác bỏ; cầu xin - từ chối,... Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch nói chung, hài kịch nói riêng đều dẫn tới xung đột và giải quyết xung đột, qua đó, thể hiện chủ đề của tác phẩm.

Xung đột kịch thường nảy sinh dựa trên sự di lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực. Có nhiều kiểu xung đột: xung đột giữa cái cao cả với cái cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cái thấp kém với cái thấp kém,... Trong hài kịch, do đặc điểm, tính chất của các nhân vật, xung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cái thấp kém.

Lời thoại là lời của các nhân vật hài kịch nói với nhau (đối thoại), nói với bản thân. (độc thoại) hay nói với khán giả (bàng thoại), góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.

Lời chỉ dẫn sân khấu là những lời chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lý âm thanh, ánh sáng, việc vào - ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục, hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ,...

Trong văn bản Thuyền trưởng tàu viễn dương

- Trong đoạn trích có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa ảo tưởng và thực tế.

- Nhân vật trong đoạn trích có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Anh Hưng là người lái tàu chở phân được ông nha kêu gọi làm thuyền trưởng tàu viễn dương...

- Đoạn trích chủ yếu toàn là lời thoại giữa các nhân vật với nhau. Lời thoại bộc lộ được đặc điểm, tính cách, có yếu tố hài hước, gây cười.

- Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại. Ví dụ: Ông Nha vẽ lên những viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển khoa học, giàu mạnh nhưng thực tế thì chỉ là những lời nói xáo rỗng, giả dối, lố bịch.

Câu 2: Nêu chủ đề, thủ pháp gây cười được sử dụng trong ba văn bản: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, Cái chúc thư, Thuyền trưởng tàu viễn dương.

Bài giải:

Chủ đề:

Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục: Văn bản khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho độc giả.

Cái chúc thư: Văn bản khắc họa tính cách tham lam của những con người hám của, hám vật chất vì tiền mà có thể làm tất cả.

Thuyền trưởng tàu viễn dương: Văn bản khắc họa bệnh sĩ của một người kém hiểu biết nhưng lại mắc bệnh sĩ.

Thủ pháp gây cười:

Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục: Tác giả xây dựng hình tượng nhân vật hài kịch bất hủ khi tạo ra sự khập khiễng bất hòa giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn với giấc mộng học đòi làm sang.

Cái chúc thư: Sự tham lam nhưng sợ sệt của những con người hám tiền gây tiếng cười cho độc giả

Thuyền trưởng tàu viễn dương: Từ bệnh sĩ muốn tạo danh tiếng mà bắt người khác đóng giả, thực hiện các việc ngoài tầm thực hiện mà lại thất bại, tạo nên tiếng cười cho độc giả.

Câu 3: Đặt một câu có sử dụng trợ từ, thán từ lấy đề tài từ các văn bản hài kịch đã học. Xác định trợ từ, thán từ và nêu tác dụng của chúng.

Bài giải:

- Ồi chà, người đầu mà giỏi thế không biết ?

Trong đó: thán từ là Ồi chà, trợ từ là không

Câu 4: Theo em, vì sao khi viết một văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống, người viết không được để thiếu bất kì phần nào trong các phần: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc?

Bài giải:

Vì các phần đều có vai trò riêng của mình, nếu thiếu một phần thì sẽ bị thiếu thông tin dẫn đến văn bản thiếu nội dung và sự chính xác.

Câu 5: Em rút ra được lưu ý gì khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?

Bài giải: Một số lưu ý em rút ra được:- Cần tìm hiểu kỹ về vấn đề mình sẽ viết, trình bày.-

Cần lắng nghe ý kiến của người khác, không nên quá áp đặt suy nghĩ của bản thân và bắt mọi người phải công nhận nó đúng.

- Trình bày rõ ràng từng luận điểm. Mỗi luận điểm cần đi kèm với lý lẽ và bằng chứng xác thực để tăng tính thuyết phục đối với người nghe.

Câu 6: Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người?

Bài giải:

Tiếng cười nhiều cung bậc, tiếng cười có giá trị, phê phán tố cáo xã hội lớn lao, có giá trị giáo dục thẩm mỹ sâu sắc. Tiếng cười trong cái hài là một loại vũ khí, phương tiện để phê phán mặt trái của cuộc sống để phủ định tất cả những gì xấu xa, giả dối, lỗi thời, đó là hình thức phê phán đặc biệt và khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Cái cười nảy sinh khi cái tư tiện làm ra vẻ vĩ đại, cái ngu ngốc tự làm ra vẻ thông thái, cái trì trệ ngưng đọng tự làm ra vẻ tràn đầy sức sống và phát triển. cái cười đánh gục sự trống rỗng bên trong vạ hèn mạt của những kẻ nuôi ảo vọng. Nói cách khác cái cười là phản ứng cảm xúc của con người trong ý thức thẩm mỹ của nó khi nhận các hiện tượng thực tại mang các xung đột hài kịch. Như vậy cái cười trong cái hài là cái cười đặc biệt nhằm vào đối tượng cụ thể, là cái cười có mục đích và ý nghĩa xã hội sâu sắc. Còn cái hài là giá trị khách quan của một hiện tượng xã hội, là cái cười cao cái cười có ý nghĩa và giá trị xã hội. Phù hợp với những phẩm chất đa dạng của hiện thực là các sắc thái khác nhau của tiếng cười.

Ôn tập cuối học kì I

I. ĐỌC

Câu 1: Nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm tương ứng ở cột B:

A
(Thể loại)

B
(Đặc điểm)

- | | |
|---|---|
| 1. Thơ sáu chữ | a. là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ, mỗi bài gồm nhiều khổ, mỗi khổ thường có bốn dòng thơ và có cách gieo vần, ngắt nhịp đa dạng. |
| 2. Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên | b. là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí hoặc phê phán, châm biếm, đả kích những thói hư tật xấu trong cuộc sống |

3. Hài kịch c. là văn bản được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. Kiểu văn bản này thường xuất hiện trong các tài liệu khoa học
4. Luận điểm trong văn bản nghị luận d. là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ, mỗi bài gồm nhiều khổ, mỗi khổ thường có bốn dòng thơ và có cách gieo vần, ngắt nhịp đa dạng.
5. Truyện cười đ. là một thể loại kịch, dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lỗ bịch, lỗi thời của con người
6. Thơ bảy chữ e. là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

Bài giải:

1-d

3-đ

5-b

2-c

4-e

6-a

Câu 2: Chọn một văn bản tiêu biểu cho mỗi thể loại đã học trong học kì I để hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Bài học	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm	
				Nội dung	Hình thức
1					
2					
3					
4					
5					

Bài giải:

Bài học	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm	
				Nội dung	Hình thức
1	Nhớ đồng	Tố Hữu	Thơ bảy chữ	Bài thơ là tiếng lòng da diết với cuộc đời, cuộc sống tự do và say mê cách mạng của nhân vật trữ tình.	Thơ Phương thức biểu đạt: Biểu cảm.
2	Mưa xuân II	Nguyễn Bính	Thơ tự do	Cảm xúc rung động của tác giả trước sự kỳ diệu của tạo hóa, nhà thơ phải mượn cây bút hội họa để vẽ lại, tạc lại cái khoảnh khắc mà tâm hồn ông đang run lên cùng với niềm vui sinh nở.	Văn bản thông tin

3	Bức thư của thủ lĩnh da đỏ	Xi-át-tô	Văn bản nghị luận	Qua bức thư trả lời yêu cầu mua đất của Tổng thống Mĩ Phreng – klin, thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tơn, đã đặt ra một vấn đề có ý nghĩa toàn nhân loại: Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.	Văn bản Phương thức biểu đạt: nghị luận kết hợp với miêu tả, biểu cảm. Sử dụng phép so sánh, nhân hóa, điệp ngữ phong phú đa dạng.
4	Khoe của		Truyện cười	Truyện “ Lợn cưới, áo mới” chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.	Cách kể chuyện ngắn gọn, gây ấn tượng cho người đọc. - Có yếu tố gây cười, hài hước.
5	Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục	Mô-li-e	Hài kịch	Văn bản khắc họa tính cách lỗ lã của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho đọc giả	- Sử dụng lời thoại sinh động, chân thực và phù hợp, nghệ thuật tăng cấp khiến cho lớp kịch càng ngày càng hấp dẫn, tính cách nhân vật được khắc họa thành công, rõ nét

Câu 3: Tóm tắt những kinh nghiệm em đã tích lũy được ở học kì I về việc đọc hiểu văn bản theo một số thể loại cụ thể.

STT	Thể loại	Kinh nghiệm đọc rút ra
1	Thơ sáu chữ, bảy chữ	
2	Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	
3	Văn bản nghị luận	
4	Truyện cười	
5	Hài kịch	

Bài giải:

STT	Thể loại	Kinh nghiệm đọc rút ra
1	Thơ sáu chữ, bảy chữ	Chú ý âm vần, thanh, sự trùng điệp của âm hưởng Đọc và cảm nhận được hình tượng ngôn ngữ trong tác phẩm

Đọc và phát hiện ý ngoài lời thơ, dùng trí tưởng tượng để
khôi phục hoàn chỉnh về đời sống cảm xúc trong bài thơ
Thấy được giọng điệu, ý vị của thơ
Tìm hiểu ngữ cảnh, chủ thể trữ tình của thơ

- 2 Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên
Tìm hiểu bố cục tổng quan
Xác định được đối tượng thuyết minh
Nắm chắc những đặc điểm và tính chất của sự vật, hiện tượng cần được thuyết minh
- 3 Văn bản nghị luận
Chú ý tìm ra các luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng để thấy được sự liên kết của văn bản
Cần hiểu được mục đích và đối tượng hướng đến của văn bản.
Nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả
- 4 Truyện cười
Khái quát những đặc trưng của thể loại truyện cười
Chỉ ra mục đích của tiếng cười
Trả lời câu hỏi: Cái cười ở đây bật ra nhằm mục đích gì?
Có thể rút ra những bài học gì cho cuộc sống từ truyện cười đã đọc
- 5 Hài kịch
Tìm hiểu nhân vật kịch
Tìm hiểu xung đột kịch
Tìm hiểu hành động kịch
Tìm hiểu lời thoại

II. TIẾNG VIỆT

Câu 1: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta. Nó là một yếu tố làm cơ thể thêm khoẻ mạnh, mang lại cho con người niềm vui. Tiếng cười bài đầu từ phổi và cơ hoành, tạo ra rung động ở khắp các cơ quan nội tạng, giúp thân thể vận động dễ chia. Về mặt y học, nụ cười kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt hơn, Cười nhiều cũng làm tăng tốc độ hô hấp, giúp toàn thân nóng lên, căng tràn sức sống. Khi cười, cơ thể được khôi phục về trạng thái sung sức, cân bằng và các chức năng của cơ thể vì thế cũng được cấu trúc lại vững chắc và hài hoà hơn.

(Theo O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn, *Tiếng cười có lợi ích gì?*)

- a. Cho biết đoạn văn trên được viết theo kiểu diễn dịch, quy nạp, song song hay phối hợp.
- b. Xác định câu chủ đề của đoạn văn trên (nếu có).
- c. Tìm ít nhất ba từ Hán Việt trong đoạn văn trên và giải thích ý nghĩa của chúng.

Bài giải:

- a, Đoạn văn trên được viết theo kiểu diễn dịch
- b, Câu chủ đề của đoạn văn trên là: Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trọng với cấu trúc cơ thể của chúng ta.
- c, Thân thể: thân mình. Chỉ chung mình mấy chân tay của một người.
Hài hòa: phối kết phù hợp và cân đối, hòa thuận nhịp nhàng
Khôi phục: Cái gì đã mất mà lấy lại được, làm cho việc gì trở lại như vốn có, như trước đó gọi là "khôi phục".

Câu 2: Cho bài ca dao sau:

*Ai ơi về miệt Tháp Mười
Cá tôm sẵn bắt, lửa trời sẵn ăn.*

- a. Xác định từ ngữ địa phương có trong bài ca dao và nêu tác dụng của từ ngữ này
- b. Tìm thán từ có trong bài ca dao và cho biết tác dụng của thán từ ấy.

Bài giải:

- a, Từ miệt là từ ngữ địa phương thể hiện niềm tự hào, yêu mến và biết ơn của tác giả dân gian đối với quê hương xứ sở.
- b, Thán từ Ai ơi vừa dùng để bộc lộ tình cảm vừa dùng để gọi đáp.

Câu 3: Đọc câu tục ngữ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.

- a, Tìm từ tượng thanh có trong câu tục ngữ trên và cho biết từ tượng thanh ấy có tác dụng gì?
- b, Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ trên.

Bài giải:

- a, Từ tượng thanh là uôm uôm, có tác dụng miêu tả sinh động tiếng ếch kêu giúp cho câu văn sống động hơn.
- b, + “Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước” có nghĩa là 1 câu thành ngữ ám chỉ về thời tiết, khi mà lúc ếch kêu uôm uôm vào tối hôm đó thì tối đó ắt hẳn trời sẽ mưa và mưa lớn khiến cho ao chuôm để ngoài trời có thể đầy nước.

III. VIẾT

Câu 1: Điền thông tin về một số kiểu bài viết vào bảng sau:

Kiểu bài	Khái niệm	Đặc điểm	Bố cục
Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên			
Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống			
Bài văn kể lại một hoạt động xã hội			
Bài giải:			
Kiểu bài	Khái niệm	Đặc điểm	Bố cục
Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	Là văn bản được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên	Thường xuất hiện trong các tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên.....	- Phần mở đầu - Phần nội dung - Phần kết thúc
Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống	là kiểu văn bản thông tin bày ý kiến, nguyện vọng của người viết, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét giải quyết một vấn đề của đời sống thuộc thẩm quyền của họ	Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tổ chức hoặc cá nhân đề nghị, thông tin về người viết kiến nghị	- Phần mở đầu - Phần nội dung - Phần kết thúc - phụ định
Bài văn kể lại một hoạt động xã hội	Là kiểu văn bản về một hoạt động xã hội của chủ thể	- Thể hiện việc chuẩn bị, diễn biến và ý nghĩa của hoạt động	- Phần mở đầu - Phần nội

Câu 2: Ở học kì I của lớp 8, em được tiếp tục rèn luyện một số kiểu bài viết đã học ở lớp 6 và lớp 7. Đó là những kiểu bài nào? So với những lớp trước, ở học kì này, em đã học thêm được điều gì mới về cách viết các kiểu bài ấy?

Bài giải:

Ở học kì I của lớp 8, em được tiếp tục rèn luyện một số kiểu bài viết đã học ở lớp 6 và lớp 7. Đó là những kiểu bài như: viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do, viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội, viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống. So với những lớp trước, ở học kì này, em đã học thêm được cách triển khai chi tiết nội dung, cách trình bày và hiểu được cách làm bài văn sâu hơn các kì trước.

Câu 3: Nhận định về cách viết các kiểu bài đã học ở kì I được trình bày trong bảng sau là đúng hay sai?

STT	Nhận định về cách viết các kiểu bài	Đúng	Sai	Lí giải nếu sai
1	Khi làm thơ sáu chữ bảy chữ chỉ được sử dụng một loại vần trong số các loại vần như vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách/ vần chéo.			
2	Bố cục của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do gồm hai phần sau: mở đoạn (giới thiệu nhan đề bài thơ tự do, tên tác giả, nêu cảm nghĩ chung về bài thơ), thân đoạn (nêu các ý thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về toàn bộ bài thơ hoặc một vài nét độc đáo của bài thơ).			
3	Đối với bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, nội dung phần giải thích cần rõ ràng, chính xác, logic, chặt chẽ, thuyết phục về những nguyên nhân dẫn đến và trình tự diễn ra của hiện tượng tự nhiên.			
4	Để thu thập tư liệu cho bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, người viết chỉ cần chú ý quan sát và ghi chép lại cẩn thận cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.			
5	Phần nội dung của văn bản kiến nghị gồm: lí do kiến nghị, nội dung kiến nghị			
6	Đối với bài văn kể về một hoạt động xã hội, người kể có thể sắp xếp các sự kiện không theo trật tự diễn tiến của hoạt động để gây ấn tượng đặc biệt với người đọc.			
7	Đối với bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, khi bàn luận về vấn đề, người viết cần đưa ra lí lẽ từ nhiều khía cạnh, thể hiện góc nhìn đa chiều về vấn đề nghị luận.			
8	Khi triển khai phần thân bài của bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, người viết cần thực hiện hai thao tác giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận và bàn luận về vấn đề.			

02 Bài giải:

STT	Nhận định về cách viết các kiểu bài	Đúng	Sai	Lí giải nếu sai
1	Khi làm thơ sáu chữ bảy chữ chỉ được sử dụng một loại vần trong số các loại vần như vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách/ vần chéo.		x	Có thể dùng nhiều loại vần trong một bài thơ sáu bảy chữ
2	Bố cục của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do gồm hai phần sau: mở đoạn (giới thiệu nhan đề bài thơ tự do, tên tác giả, nêu cảm nghĩ chung về bài thơ), thân đoạn (nêu các ý thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về toàn bộ bài thơ hoặc một vài nét độc đáo của bài thơ).		x	Bố cục đoạn văn gồm 3 phần(mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn)
3	Đối với bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, nội dung phần giải thích cần rõ ràng, chính xác, lôgic, chặt chẽ, thuyết phục về những nguyên nhân dẫn đến và trình tự diễn ra của hiện tượng tự nhiên.	x		
4	Để thu thập tư liệu cho bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, người viết chỉ cần chú ý quan sát và ghi chép lại cẩn thận cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.	x		
5	Phần nội dung của văn bản kiến nghị gồm: lí do kiến nghị, nội dung kiến nghị	x		
6	Đối với bài văn kể về một hoạt động xã hội, người kể có thể sắp xếp các sự kiện không theo trật tự diễn tiến của hoạt động để gây ấn tượng đặc biệt với người đọc.		x	Các sự kiện cần theo trình tự
7	Đối với bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, khi bàn luận về vấn đề, người viết cần đưa ra lí lẽ từ nhiều khía cạnh, thể hiện góc nhìn đa chiều về vấn đề nghị luận.	x		
8	Khi triển khai phần thân bài của bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, người viết cần thực hiện hai thao tác giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận và bàn luận về vấn đề.	x		

IV. NÓI VÀ NGHE

Câu 1: Liệt kê những nội dung thực hành nói và nghe mà em đã trải nghiệm ở mỗi bài học của học kì I. Trong những nội dung ấy, em có ấn tượng với trải nghiệm ở bài học nào nhất?

Bài giải:

Những nội dung thực hành nói và nghe:

Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác

Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó

Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống

Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

Câu 2: Theo em, việc nghe tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác và nghe nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó có điểm gì giống và khác nhau?

Bài giải:

Giống nhau: Cùng tóm tắt nội dung từ bên ngoài, ý kiến của người khác

Khác nhau: Nghe tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác thì cần sự tập trung và cần xem xét ý hiểu, cách trình bày của người khác để rút kinh nghiệm còn nghe nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó thì cần sự tập trung và chọn lọc ra các ý kiến tốt nhất để trình bày.

Câu 3: Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ điều gì?

Bài giải:

Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ về cách tìm ý:

- Dựa vào bài viết lựa chọn các ý chính, các chỗ có thể lược bỏ.
- Tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe.
- Sử dụng công cụ hỗ trợ như: bản tóm tắt các ý chính để khi cần chỉ nhìn lướt qua là nhớ, chuẩn bị tìm hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu để trình chiếu nhằm tăng tính thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng.
- Dự kiến trước một số điểm thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên để tìm cách trả lời, giải đáp.

Câu 4: Điều quan trọng nhất cần lưu ý để việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống đạt kết quả như mong muốn là gì? Vì sao em cho như vậy?

Bài giải:

Theo em là cần tôn trọng quan điểm khác biệt. Bởi mỗi người có một suy nghĩ khác nhau, cần tôn trọng các ý kiến đó, không chen ngang mà nên nghe và thống nhất, học hỏi, tìm ra ý kiến tốt nhất để cùng nhau học tập trao đổi.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vn teach.com>

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

<https://www.facebook.com/groups/vn teach/>

<https://www.facebook.com/groups/thuvienvn teach/>